

I THÁNG 10 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ò I - Đ A I

năm mười một

ĐẶNG TIẾN *văn đề du học tự túc* * NGUYỄN PHƯƠNG
gốc tiếng « sử ký » * ĐÔNG HỒ *chung quanh « bài thơ
mưa mắt áo »* * NGUYỄN HIẾN LÊ *thư ngỏ gửi một
thanh niên về cách dẫn đạo đời sống (dịch A.
MAUROIS)* * TAM ĐIỂM *phê bình nội dung triết
học ở trung học* * LÊ TẮT ĐIỀU *điểm sáng* * TỪ
TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * VÕ HỒNG
gió cuốn * PHẠM TRỌNG NHÂN *lá thư Cambridge*
* ĐỖ TIẾN ĐỨC *má hồng* * TRÀNG THIÊN *Ilya
Ehrenbourg* * NGÊ BÁ LÍ *ít tài liệu về Tây-sơn*
* BACH - KHOA THỜI - ĐẠI *đọc sách giúp bạn* *

SINH HOẠT *hội thảo giáo
sư triết học toàn quốc
* thời sự văn nghệ.*

258





L'aisance respiratoire



Asthme Emphysème

CORTIDASMYL

broncho-dilatateur
anti-allergique
anti-inflammatoire

dyspnées
chroniques

asthme à dyspnée chronique
emphysème, sclérose pulmonaire, bronchite chronique

dyspnées
subaiguës

asthme léger ou moyen
pneumopathie aiguë chez un insuffisant respiratoire
poussées aiguës des pneumopathies chroniques

états allergiques
respiratoires

coryza spasmodique, toux spasmodique

Boîte de 20 comprimés dosés à

prednisone	1,5	mg
théophylline	80	mg
phénobarbital	10	mg
chlorhydrate d'éphédrine	10	mg

par comprimé.



Distributeur : **UFFARMA CONG-TY**

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

B Á C H
K H O A T H Ò I - Đ A I
S ố 258 ngày 1 - 10 - 1967

ĐẶNG TIẾN <i>vấn-đề du-học tự túc</i>	3
NGUYỄN PHƯƠNG <i>gốc tiếng « sử ký »</i>	9
ĐÔNG HỒ <i>chung quanh « bài thơ mưa mất áo » (thi thoại)</i>	12
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đạo đời sống : mục tiêu (dịch ANDRÉ MAUROIS)</i>	19
TAM ĐIỂM <i>phê bình nội-dung Triết-học ở Trung-học</i>	23
LÊ TẮT ĐIỀU <i>điểm sáng (truyện ngắn)</i>	29
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	43
TRÀNG THIÊN <i>Ilya Ehrenbourg (1891-1967)</i>	47
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	53
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>lá thư Cambridge</i>	58
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn : Người tình ngoài mặt trận (Nhã-Ca) — Ngày qua bóng tối (Nguyễn-thị-Hoàng) — Thi-ca Việt-Nam hiện đại (Trần-Tuấn-Kiệt) — Lòng chưa dâu biển (Huy-Trâm) — Chân cầu sóng vỗ (Hồ-nguyên-Thạch) — Những kĩ thuật căn bản của người viết báo (Hồ-Hữu-Tường)</i>	62
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	71
SINH HOẠT :	
THẾ NHÂN <i>Hội-thảo giáo sư Triết-học toàn quốc (11-13 9 67)</i>	77
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	78

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây :

— Một tuần với Vinoba nguyên tác của Shriman Narayan, Hoài Khanh dịch và giới thiệu, do Lá Bối xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 236 trang. Bản đặc biệt.

— Mẹ Việt-Nam Trường ca, nhạc và lời của Phạm Duy, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Bản Trường ca khổ 21 x 27, Hiếu Đệ vẽ bìa, trình bày rất đẹp, gồm : Đất mẹ, Núi mẹ, Sông mẹ, Biển mẹ và Chung khúc, có bản dịch Anh ngữ và Pháp ngữ của Phạm duy Nhược — giá 155 đ.

— Nghệ thuật, Truyền thống và Chân lý của Walter Kaufmann, Hoài Khanh dịch theo nguyên tác *Art, Tradition and Truth*, do Ca Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 124 trang, có thêm phần phụ lục giới thiệu khái quát về tư tưởng và tác phẩm cùng đời nét tiểu sử của các tác giả đã nói ở phần trên. Bản đặc biệt.

— Con Chồn tinh quái truyện cổ tích do Linh Bảo kể, Ngày Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 270 trang, giá 130 đ. « Ngày Mới » là một nhà xuất bản mới, do Lê Tất Điều chủ trương, ấn hành những loại sách chủ yếu dành cho tuổi trẻ, nội dung lời cuốn mà lành mạnh, trình bày rất trẻ và trang nhã. Cùng phát hành kỳ này còn cuốn : Một luồng lửa khói, cuộc đời của thiên tài Vỹ cầm Paganini, do Hồng Cúc thuật. Sách dày 140 trang, giá 50 đ.

— Thở dài tập truyện của Túy Hồng, do Kim Anh xuất bản và tác giả gửi

tặng. Sách dày 198 trang, in lần thứ hai, gồm 5 truyện ngắn — giá 90 đ.

— Ngày qua bóng tối truyện của Nguyễn thị Hoàng, do tập san Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 140 trang, bản đặc biệt.

— Góp phần phê phán Giáo-dục và Đại học của Nguyễn văn Trung do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 6 chương về các vấn đề Đại Học, Trí thức Đại Học, Trường Tây, Trường Ta, Trường Đạo, Chính trị hóa Giáo dục, Giảng dạy Triết học... Bản đặc biệt — giá bản thường 130 đ.

— Tiếng gọi Lam - Sơn kịch thơ của Trần quang Long do Hội sinh viên sáng tác thuộc Tổng - hội sinh-viên Saigon ấn hành và gửi tặng. Đây là tập 2 « Tiếng hát những người đi tới » in ronéo hai mặt khổ 21 x 26, dày 70 trang, gồm 3 hồi kịch thơ trình bày một cảnh trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Bản đặc biệt không đề giá.

Xin đón đọc trong tháng mười :

CHIẾN TRANH và TÌNH YÊU

thơ của Thời-Đại

bìa của họa sĩ Nguyễn-Quỳnh

● Tập thơ của những người làm trại công tác bản khoán và chua chất về thái độ lựa chọn trong thời chiến tranh.

● Tập thơ của những người tuổi trẻ dẫn thân trong một xã hội bi đát.

● Tập thơ của tình yêu

Do Hội Thanh-Niên Thiện-chí Đàlat xuất bản và phát hành trong vòng thân hữu — Địa-chỉ liên-lạc : 75B Bùi-Thị-Xuân — Đàlat.

GÓP Ý VỀ :

Vấn-đề du-học tự túc

● ĐẶNG - TIẾN

L.T.S Năm 1965 Bách-Khoa đã ra một số đặc biệt về du-học (số 203 ngày 15-6-1965). Nay ông Đặng-Tiến — một nhà văn đã viết rất nhiều cho các tạp chí Mai, Bách Khoa, Văn vv... — hiện ở Thụy-sĩ vì công vụ, đã có dịp tiếp xúc với một số du-học sinh Việt ở nước ngoài nên lại có bài sau đây đề góp ý về một vấn đề mà tầm quan trọng mỗi ngày một lớn trong việc đào tạo nhân tài cho đất nước.

Cứ mỗi năm vào lúc niên học sắp dứt, các học sinh rộn rịp đi thi như hiện nay, thì một số phụ huynh lại ngược xuôi lo cho con cái nghị-định xuất ngoại. Giới hữu trách về giáo dục lại loay hoay với những đường lối mới, tiêu-chuẩn mới sẽ áp dụng trong chính sách du học.

Nhân mùa thi, chúng tôi mạn phép bàn góp vài ý kiến về vấn đề này, sau những tiếp xúc khá dồi dào với giới sinh viên ở hải ngoại.

Thật ra vấn đề du học chưa được quần chúng và dư luận báo chí chú ý và thảo luận cặn kẽ. Đây gần như một câu chuyện thu hẹp giữa một số phụ huynh học sinh nào đó và một số thư-lại giáo dục. Quần chúng ít ai chú ý đến những thanh niên thăm lặng ra đi, thăm lặng ở lại ngoại quốc, dù thành tài hay bất thành tài ; số người này lặng lẽ hưởng những đặc ân của xã hội, những đặc ân lâu dần biến thành một gánh nặng cho xứ sở. Chúng ta thử phân tích tình trạng hiện tại và đưa ra vài đề nghị cải tiến chính sách du học của nước nhà.

Tình trạng hiện tại

Hiện nay, trên nguyên tắc, mọi học sinh đỗ Tú Tài II, nhỏ tuổi, học khá, đều có quyền xin du học. Họ phải theo học một ngành cần thiết cho quốc gia, hiện chưa được giảng dạy tại quốc nội. Họ phải chọn một nước bang giao bình thường với VN và không áp dụng chính sách đối ngoại ngược lại với đường lối chính phủ VNCH. Dĩ nhiên là cha mẹ phải đủ tiền chuyển ngân hằng tháng. Các tiêu chuẩn đại khái là như thế.

Ứng viên xuất ngoại nộp hồ sơ tại Bộ Giáo Dục ; hồ sơ được một Hội đồng Du học cứu xét và chuẩn y hay khước bác. Khi được phép du học, sinh viên được đổi ngoại tệ để mang theo, độ 800 mỹ kim ; mỗi tháng được chuyển 150 mỹ kim trong suốt học kỳ ba, bốn năm hoặc dài hơn. Hằng năm được chuyển thêm những ngoại phí may sắm, tiêu Tết, độ 400 Mỹ kim.

Tiền được chuyển theo hối xuất 118đ VN = 1 Mỹ kim trừ số tiền quan trọng

nhất là học phí hằng tháng 150 Mỹ kim được chính phủ trợ cấp 38đ VN trên mỗi Mỹ kim, tức là đổi theo giá 80đ VN một Mỹ kim. Trên nguyên tắc, suốt học kỳ, sinh viên có quyền ở lại lớp 1 năm, nếu không may học 3 năm một lớp thì không được khoản trợ cấp 38đ VN nữa.

Chính sách này có hợp lý không? Cứ mỗi đầu niên khóa, tại phi-cảng Tân Sơn Nhứt, các bà mẹ đánh xe Mercedes tiễn con đi, nửa mừng nửa tủi. Sau đó, tại các đại lộ tráng lệ của Âu Mỹ, trong các hộp đêm rực rỡ, trong các công viên thơ mộng, hay tại các thư viện, các thính đường đại học ở hải ngoại, những khuôn mặt «mít» (tiếng lóng chỉ sinh viên VN) càng ngày càng đông. Trong khi đó, tại các canh tứ sắc, xì phé hay lúc tưu hậu trà dư, các bậc cha mẹ than phiền với bạn bè một hãnh diện là phải tốn kém quá nhiều cho ba đứa con đang du học, một ở Hoa Kỳ, một ở Gia-nã-Đại, một ở Đức v...v... Các bậc nghiêm phụ và hiền mẫu kia tiết lộ là ngoài số tiền chính phủ cho chuyền, họ phải gửi thêm một số tiền tương đương hay gấp đôi, gấp ba, bằng cách mua ngoại tệ chợ đen, chuyền ngân lén, để cho thằng Hai, con Tư nó chừa cái răng, nó đi du lịch để học hỏi, v...v..

Công việc đến đó, còn rất bình thường. Cha mẹ có tiền, có con, ai mà chẳng thương con lo cho chúng xuất ngoại, trước là khỏi đi lính một thời gian, sau là được hai chữ sức khỏe, ba là nở mày nở mặt với lối xóm; còn có thành tài hay không thì hạ hồi phân giải, vì dù có học tại quốc nội chắc chi đã thành tài? Dù chẳng may nó có hư thân mất nết thì làm du đấng Paris còn «giá trị» hơn du đấng Saigon!

Kỳ thật, số du học sinh học khá, thi

đỗ, tốt nghiệp cũng nhều. Nhưng có một điều lạ là không thấy mấy người về nước. Trạm «đến» tại Tân Sơn Nhứt chẳng mấy khi có được một thanh niên VN; những chiếc Mercedes chỉ đi đưa mà không đi đón...

Phân tích trình trạng du học hiện tại ta thấy có 2 điều cần bổ khuyết:

— Một số sinh viên du học còn quá kém về kiến thức chuyên môn, tổng quát cũng như chuyền ngữ.

— Số sinh viên khá, đã tốt nghiệp nhưng không về nước.

Cả hai điểm này giới hữu trách đều có thể tự bào chữa: Hội Đồng Du Học xét hồ sơ sinh viên một cách công minh và kỹ lưỡng, theo bằng cấp, học bạ v.v. Sinh viên lại phải qua một kỳ sát hạch sinh ngữ. Trên thực tế, ai có dịp qua Âu-châu, tiếp xúc với số sinh viên du học tự túc, đều có cảm giác chán nản vì có một số quá kém. Thật ra số này chỉ là một thiểu số, phần còn lại trung bình. Có người hỏi: kẻ viết bài này dựa theo tiêu chuẩn nào để phán xét, cho rằng du học sinh kém hay giỏi? tác giả có tư cách gì? Chúng tôi xin thưa: có thể xét qua kết quả các kỳ thi tại các đại học ngoại quốc thuộc hạng kém; hoặc qua các tiếp xúc với sinh viên về những ngành chuyên môn họ đang theo học. Còn về ngoại ngữ thì thật là dễ xét; chúng tôi đã gặp những du-học-sinh tại một vùng Pháp ngữ, không kể được tên 12 tháng trong một năm bằng tiếng Pháp.

Vấn đề thứ hai là du học sinh sau khi tốt nghiệp không về nước. Giới hữu trách có thể nói là chuyện buộc sinh viên hồi hương không thuộc quyền hạn của họ. Đúng. Nhưng vẫn phải tìm một giải pháp chứ không lẽ kéo dài tình trạng

xuất huyết ngoại tệ và lãng phí chất xám mãi mãi? Có người cho rằng sinh viên không hồi hương là tại tình trạng VN hiện nay. Nói như thế đúng một phần, còn một phần sai và một phần nguy hiểm. Tôi cho là trở ngại không phải ở tình trạng nước nhà như người ta viện cớ, nhưng là ở những *nhầm lẫn khi chọn sinh viên xuất ngoại*. Tôi xin trình bày kỹ ở đoạn sau.

Bề nào cũng không thể nói « tại vì » hiện trạng nước nhà mà tôi không hồi hương: nói như thế là đã xem như không có một *tương quan nào giữa tôi và hiện trạng đó*. Nói xa hơn nữa, nếu có một khủng hoảng trong hiện tình V.N., thì cuộc khủng hoảng đó này sinh từ một sự thiếu chính sách quốc gia — mà hiện tình du học là một bằng cớ.

Khía cạnh xã hội của vấn-đề du-học

Điều không ai chối cãi được là muốn gửi con đi du học tự túc thì phải giàu kinh khủng. Giàu tiền bạc, giàu thế lực. Tôi có một người bạn vong niên rất thân và rất quý, trước đây vẫn viết bình luận trên mặt báo Bách Khoa này, hiện sống rất thanh bạch, không có lợi tức, mà vẫn có 3 người con hiện du học tại Âu Châu. Nhưng đó là một trường hợp hết sức đặc biệt, vả lại 3 cậu con hiện sống hết sức vất vả tại Paris.

Do đó, tôi đặt vấn đề du học dưới lăng kính xã hội, một cách dè dặt. Tôi lại chạnh nhớ đến một vấn đề khác đã từng gây sôi nổi, là chuyện Trường Tây. Tôi thấy vấn đề du học còn trầm trọng và nguy hại hơn nhiều. Về trường Tây, giáo sư Nguyễn Văn Trung, trên Bách Khoa số 236, có viết: « Trường Tây, trường Ta chẳng qua chỉ là trường của con nhà giàu và của con nhà nghèo... (Nó) phản ảnh một chế độ có sự chênh

lệch giai cấp quá rõ rệt kèm theo những bất công xã hội quá nhiều ». Trường Tây, theo tôi, chỉ là một cục bứu trên cơ thể VN, còn Du Học là một căn ung thư trầm trọng, vì nó bành trướng, vì nó có thể làm lệch cả cán cân xã hội mai sau.

Tại Saigon theo chỗ tôi biết 40% học sinh trường Tây là con nhà giàu, 40% thuộc các gia đình trung lưu, công chức, . . . và có 20% con nhà nghèo. Tại các tỉnh nhỏ như Đà-lạt, Nha-trang, Đà-nẵng, số học sinh con nhà giàu còn ít hơn (độ 20%) và số còn lại thuộc gia cảnh trung bình. Nhưng còn phải nói là người học sinh trường Tây nghèo nhất vẫn nhiều phương tiện hơn người học sinh trường Việt nghèo nhất. Tình trạng đó đã là bất công. Nhưng không phải đóng cửa trường Tây là tạo công bằng xã hội, đó lại là chuyện khác. Muốn thực hiện công bằng xã hội, phải có một chính sách quốc gia toàn diện, trong đó có việc đóng cửa trường Tây, hoặc cải tổ trường Tây.

Du học trầm trọng hơn nhiều. Tôi đoán chắc là 90% du học sinh thuộc con nhà thật giàu, 100% may ra thuộc giới «thượng lưu». Còn hạng trung lưu và nghèo không bao giờ dám nghĩ đến việc cho con du học tự túc. Nếu sự kiện dừng lại đó thì còn ít nguy. Như là con nhà giàu cứ học trường Tây, con nhà nghèo cứ học trường Việt, hay không học gì cả, thì còn ít tai hại. Đằng này số người du học, sau khi về nước với bằng cấp và kiến thức đạt được, với tư bản của cha mẹ, với thế lực của họ hàng, sẽ khuynh đảo xã hội. Tôi tin rằng trong số các công tử kia thế nào cũng có những người tốt, những anh chàng Dũng con quan mà vẫn thương dân. Nhưng e

rằng cũng có những con buôn. Những người có thiện chí cũng sẽ bị kẹt vào guồng máy tư bản bệnh hoạn và khốc hại. Và lại trong một cơ cấu xã hội lành mạnh mai sau, chúng ta không cần những triệu phú thương người, chúng ta cần những cán bộ của quần chúng, để phục vụ quần chúng.

Nghĩ cho cùng, chuyên viên hiện nay không hồi hương đôi khi lại là chuyên may cho quốc gia. Chúng tôi không chủ trương cấm con nhà giàu du học. Nhưng một chính sách quốc gia lành mạnh phải tạo những cơ hội đồng đều cho mọi công dân để tới chỗ lãnh đạo xã hội. Phải thấy rõ là số mỹ kim chuyên ra ngoại quốc để nuôi các sinh viên ăn học chúng ta phải trả rất đắt, bằng máu và nước mắt của nông thôn. Máu và nước mắt từ hai mươi năm nay đang đòi hỏi được đền bù. Quần chúng không thể gọi tên các chuyên viên đã tốt nghiệp còn đang ở hải ngoại, nhưng quần chúng sẽ hỏi các kẻ trách nhiệm đã cho phép các học sinh xuất ngoại, phải trả lời về kết quả của những chịu đựng 20 năm nay.

Chúng tôi không kỳ thị hay phản đối việc du học tự túc, chúng tôi chỉ đòi hỏi Bộ Giáo Dục phải có một chính sách đào tạo chuyên viên lành mạnh, công bình, hợp lý. Nói rằng trong một xã hội tự do ai muốn xuất ngoại thì đi, tức là mặc nhiên thừa nhận là người giàu có nhiều quyền hơn kẻ nghèo, sinh ra đề tri kẻ nghèo. Giới cho con xuất ngoại, phần đông là doanh thương, thầu khoán, áp-phe, điền chủ... , những người làm giàu dưới thời «Pháp Việt đề huề», cho con học trường Tây dưới trào «Nhân vị đã Thực bài Phong» và gửi con du học dưới thời «chính phủ người của nghèo». Trong khi đó người dân VN sống, chịu đựng và gục ngã như anh chàng Bốn Thôi trong truyện

«Thư Nhà» của Võ Phiến.

Theo viện thống kê, năm 1959 có 43 sinh viên tự túc du học, năm 1964 số này lên đến 740. Phải chăng trong khoảng 5 năm, lợi tức quốc gia đã gia tăng gấp 20 lần ? hoặc cơ sở quốc gia cần chuyên viên 20 lần nhiều hơn ?

Chúng tôi trình lại một lần nữa, là không chủ trương không cho du học tự túc. Hiện sống ở Âu Châu, tôi thấy sở kiến thu thập được ở ngoại quốc là điều cần yếu cho những tiến bộ của xứ sở mai sau ; nhưng chúng tôi đòi hỏi một chính sách du học :

— công bình

— hiệu quả.

Thử tìm một kế-hoạch du học hợp-ly

Chúng tôi không phải là chuyên viên giáo dục, cũng không chuyên thảo kế-hoạch xã-hội, chỉ kể những cái mình thấy, nói những cái mình nghĩ, do đó, những đề nghị dưới đây không có tham vọng được áp dụng, chỉ mong được các giới thảo luận, bác bỏ hay tu bổ, như những ý kiến về Trường Tây trước kia.

1) Điều cần và dễ làm nhất, là giới hạn việc tự túc du học, chỉ chọn những sinh viên ưu tú, cho du học những ngành cần thiết cho quốc gia. Có kẻ trả lời : việc này Hội Đồng Du Học đã làm rồi. Đúng. Làm rồi nhưng làm chưa được nghiêm chỉnh. Vẫn còn những sinh viên kém hay quá kém. Tú Tài Pháp và Việt giá trị bằng nhau, nhưng học trường Tây mà đỗ Tú Tài Việt là kém ; ai có một ít kinh nghiệm về khoa cử đều đồng ý với tôi về điểm này. Trong hiện tình giáo dục nước nhà hiện nay, vẫn bằng Tú Tài II không đủ bảo đảm kiến thức của ứng viên du học ; chỉ những bằng Tú Tài II hạng Bình-thứ trở lên, —

với ưu tiên cho ban B, Khoa học, Toán — mới đáng được cứu xét (chỉ mới là cứu xét). Nếu cần, thì phải mở một kỳ thi «dự bị du học» như là các kỳ thi dự bị đại học tại quốc nội (1)

Vấn đề sinh ngữ, tôi cho là không tối quan-hệ ; một sinh viên thông minh dù kém sinh ngữ lúc đầu, cũng sẽ thích ứng được sau. Tuy nhiên vẫn phải loại những sinh viên quá kém, bằng một kỳ thi sâu rộng hơn những đợt sát hạch sơ sài như hiện đang áp dụng.

Việc gạn lọc du-học-sinh rất hợp lý. Một ứng-viên xuất ngoại, trên nguyên tắc, phải hoặc là một thiên tài xuất chúng, nước nhà giáo huấn không nổi, phải đi tìm những chân trời mới ; hoặc là một người có những năng khiếu đặc biệt, cần phải theo học những kỹ-thuật chưa được giảng dạy tại nước nhà. Không có một lý do gì một sinh viên trung bình cần thấy phải du học, trong khi trình độ Đại-học VN không phải là kém. Cho những sinh viên trung bình du học là Bộ Giáo - Dục mặc nhiên công nhận trước thế giới là giáo sư Đại-học VN dốt. Nếu quả thực như vậy thì nội dung bài này không đứng vững. Nhưng nếu sự thật chỉ mới «gần» như vậy thì tôi vẫn giữ nguyên ý kiến. Các phụ huynh sẽ bảo : cần đi ra xứ người để học hỏi thực tập những cái mới, mở rộng những kiến thức thực tế. Tôi trả lời ngay : việc này chưa cần thiết ở trình độ Tú tài II. Cách đây mấy tháng, trên một nội san sinh viên VN xuất bản tại Âu Châu, tôi có đọc tin một sinh viên ta hỏng kỳ thi nhập Đại học, vì không biết hình dạng...

một cây lúa. Thu thập tinh hoa cái nổi gì ? Tôi lại quả quyết là số du học sinh không biết hình dạng một cây lúa không phải là ít !

Như trên đã nói, năm 1964 có hơn 700 sinh viên xuất ngoại tự túc, tôi tưởng là sau khi loại 90% còn lại 70 người cũng còn nhiều. Quê Mẹ mà mỗi năm có được 70 đứa con chuyên-viên học rộng tài cao, thì cũng tạm đủ, ít ra trong lúc này.

2) Vấn đề thứ hai là việc chọn ngành-

Trên lý thuyết, Hội Đồng Du Học vẫn đòi hỏi sinh viên phải chọn một ngành chưa được giảng dạy tại VN và cần thiết cho quốc gia. Ứng viên du học bèn xin đi học những ngành như chính trị, kinh tế, xã hội, thương mại, thông dịch... chưa được giảng dạy tại các đại học công lập VN ; cũng trên lý thuyết thì không có môn học nào là không cần thiết cho quốc gia, nhưng trong trật tự ưu tiên hiện nay, tôi thấy chưa cần thiết phải tách rời sinh viên ra khỏi môi trường máu lửa thiêng liêng của dân tộc để đưa đi học... thông dịch, dù là thông dịch quốc tế. Thà cho đi học Y Khoa, Khoa học còn hơn, dù các ngành này đã có tại VN.

Du học sinh hiện đang hướng quá nhiều về các ngành dịch vụ trong lúc quốc gia đang và sẽ cần các chuyên viên sản xuất nhiều hơn. Một trong những khó khăn của quốc gia là dịch vụ thao túng kinh tế ; lãnh mạnh hóa xã hội VN phải giảm dịch vụ mà tăng sản xuất, theo ngụ ý. Đến 1967 dân Sài gòn chưa có đủ xe buýt để đi làm, đi chợ, là vì dịch vụ trong ngành này quá đắt.

Dù ý kiến này có ngu muội chẳng nữa thì vấn đề đào tạo chuyên viên nói chung và du học nói riêng cần phải đặt ra trong

(1) Tại Pháp, hiện nay giới giáo chức đại học cũng đang đặt vấn đề là có bằng Tú Tài chưa phải là điều kiện đủ để vào Đại-Học.

một kế hoạch phát triển kinh tế rộng lớn hơn. Và lại danh từ « chuyên viên » cần được sáng tỏ, thế nào là chuyên viên ? Viết báo như chúng tôi có thể gọi là chuyên viên được không ? Đề cho rõ nghĩa tôi thấy cần đặt vấn đề đào tạo kỹ thuật gia thì đúng hơn. Nhưng kỹ thuật gia ở trình độ nào ?

3) Đó là vấn đề thứ ba. Xưa nay, tuổi du học thường là « tuổi tú tài », nghĩa là 18, 19. Giải quyết như thế là máy móc.

Tôi thấy cần đặc biệt khuyến khích các sinh viên đã tốt nghiệp đại-học VN nên du học. Thực tế, các sinh viên này bị ở tình trạng sắp nhập ngũ, không được xuất ngoại. Tuổi giới hạn cho các sinh viên có bằng cử nhân muốn xuất ngoại là 23, 24. Tôi thấy khắt khe quá. Phân tích 2 vấn đề quân-vụ và tuổi tác ta thấy :

— Chấp nhận nguyên tắc cho sinh viên du học là chính phủ mặc nhiên thừa nhận rằng song song với nhu cầu quân sự, quốc gia còn có những nhu cầu khác, như việc đào tạo chuyên viên là một. Thế thì nguyên tắc này phải được áp dụng đồng đều cho mọi lứa tuổi. Một học sinh 18 được xuất ngoại, vì chưa đến tuổi quân vụ (áp dụng cho những người có văn bằng Tú Tài I trở lên) nhưng 2 hay 3 năm sau, người này đến tuổi quân vụ mà vẫn không về nước, không đi lính, học hành lại cũng chưa chắc tới đâu, thì có công bằng không ? Trong khi đó, một sinh viên đỗ cử nhân khoa học tại VN, muốn du học để nghiên cứu một kỹ thuật tối yếu cho quốc gia, lại kẹt lý do quốc phòng, có hợp lý không ?

— Giới hạn việc du học cấp Cao Học ở tuổi 23, một lần nữa, là ưu đãi sinh viên giàu. Muốn đỗ cử nhân trong 3 năm, phải học giỏi và phải có tiền, nghĩa là khỏi vừa học vừa đi làm để nuôi miệng và có khi nuôi mẹ nuôi em nữa.

Một sinh viên gia cảnh trung bình, thông minh, 24 tuổi đỗ cử nhân toán, đi dạy học 3,4 năm để dành được một số tiền, kiến thức kỹ thuật chín muồi, muốn du học để tu nghiệp hoặc tiến thêm, vào tuổi 27, 28, chính phủ có cho đi không ? Chắc là không vì lý do quốc phòng. Còn các thanh niên khác, cũng 27, 28 tuổi hiện tự túc du học ở hải ngoại thì sao ? thì không sao cả, vì họ con nhà giàu, được du học từ tuổi 18, 20.

Ngoài ra, tôi còn rất nhiều lý lẽ để tin rằng cho một người đã tốt nghiệp đại học xuất ngoại, có nhiều ích lợi thiết thực cho bản thân người ấy và cho sự phát triển quốc gia hơn là cho một học sinh vừa mới đỗ Tú tài II du học. Tôi e rằng không đặt vấn đề đào tạo giáo chức Đại học ngay từ bây giờ, thì trong 10 năm nữa, các Đại học ta sẽ hoàn toàn bị tràn ngập.

Cũng trong mục « trình độ kỹ thuật gia » tôi còn nói thêm : Chính phủ chỉ cho sinh viên đại học xuất ngoại, học sinh trung học không được đi. Nguyên tắc này đúng đến 80%. Nhưng có một học sinh đệ tam, 15 tuổi, muốn đi học một ngành kỹ thuật trung cấp, thì sao ? Đã đành là VN có sẵn trường Trung Học Kỹ thuật, nhưng đã cho sinh viên đại học xuất ngoại — trong khi VN có đến 5 Đại học và nhiều trường Cao đẳng — thì cũng nên đặt vấn đề đào tạo chuyên viên trung cấp ở hải ngoại. Nói rằng các nhà giàu có thể thừa cơ hội cho con đi ra nước ngoài ở tuổi 14, 15, tức là công nhận tại VN có một giai cấp khôn và mạnh hơn chính phủ. Chế độ tự do lành mạnh tôn trọng giai cấp đó, nhưng không dành cho họ mọi độc quyền : tìm cách phân tán quyền du học cho mọi giai tầng xã hội là điểm cuối cùng chúng tôi nêu ra trong đoạn cuối kỳ tới đây.

(còn tiếp 1 kỳ)

ĐẶNG - TIẾN

Kỳ tới: Tự túc du học và học bổng du học

Gốc tiếng «Sử-ký»

Trong thời gian gần đây, sử học được xúc tiến mạnh mẽ, và vấn đề tương đồng, cùng tương dị giữa hai tiếng sử học và sử ký đã được nêu lên. Để so sánh ý nghĩa gần xa của tiếng đó, có người, như ông Nguyễn Cao Dương, đã phải nhờ đến phương pháp tìm từ nguyên. Về nguồn gốc tiếng sử ký, ông đã chép: «Sử ký là việc biên chép hay là cuốn sách biên chép các sự việc xảy ra trong quá khứ để ghi nhớ chúng. Thực ra danh từ Sử ký vốn là một danh từ riêng, là tên của một tác phẩm lịch sử cổ của người Trung hoa: cuốn Sử ký của Tư Mã Thiên.» Như thế, theo ông, tiếng sử ký tiên nguyên là một danh từ riêng và về sau, vì bộ Sử ký của họ Tư-mã quá danh tiếng và phổ thông nên tiếng đó đã thành danh từ chung. Thiết nghĩ biết rõ do lai của một tiếng quen dùng như tiếng sử ký là một điều hữu ích, vì nếu nó lúc đầu là một tên riêng, tất ý nghĩa của nó phải tùy nội dung của bộ sử, và phải phân tích cái chứa của bộ sử mới có thể nói được chắc chắn tiếng sử ký muốn chỉ gì; trái lại, nếu nó là một danh từ chung và sử gia dùng để đặt tên cho bộ sách của ông bởi lẽ nội dung của bộ sách ăn khớp với định nghĩa thông thường của danh từ, lúc đó nội dung của bộ sách không thể thay đổi ý nghĩa của danh từ, mà người ta lại còn có thể dựa vào ý nghĩa của danh

từ để phê bình bộ sách. Vì sự hữu ích đó nên chúng tôi muốn đặt lại vấn đề, tìm xem tiếng sử ký vốn là một danh từ riêng hay là một danh từ chung.

Để tấn công vấn đề, đường lối đơn giản nhất có lẽ là nêu lên, nếu có, những đoạn văn trong đó tiếng sử ký đã được dùng trước khi bộ Sử của Tư Mã Thiên ra đời. Chưa đọc được nhiều sách chữ Hán nói về lịch sử xuất hiện trước thời Tư Mã Thiên, chúng tôi không thể dùng đường lối đơn giản nhất vừa nói. Dầu vậy, ngay trong bộ sách của họ Tư-mã chúng tôi vẫn gặp những lời trích của sử gia nhắc lại lời của người thời trước, trong đó tiếng sử ký đã được dùng đến và dùng với vai vẻ một danh từ riêng. Đây, một đoạn rút ngay trong bài «tự tựa» của tác giả khi ông thuật lại lời dặn dò của thân phụ ông :

«Từ các vua U, Lệ, về sau, vương đạo thiếu, lễ nhạc suy, Khổng-tử lo tu chỉnh việc xưa, đem các sách Thi, Thư bị bỏ rơi ra bàn luận, chép bộ Xuân-thu, và học giả mãi đến ngày nay đều lấy đó làm mẫu mực. Nhưng kể từ thời Khổng-tử đến bây giờ đã hơn bốn trăm năm, các chư hầu giành nhau cai trị, sử ký lại bị cắt đứt. Ngày nay, nhà Hán nổi lên, trong nước thu về một mối, có minh chúa, hiền quân, trung thần nghĩa sĩ, vậy mà cha đây là Thái sử, mà không ghi chép được, để hư

mất sử văn của thiên hạ, cha lấy làm lo sợ lắm. Con hãy suy nghĩ về chỗ đó.»

(U Lê chi hậu, vương đạo khuyết, lễ nhạc suy, Khổng tử tu cưu, khí phế, luận Thi Thư, tác Xuân thu, tác học giả chí kim tác chi. Tự hoạch lân di lai tứ bách dư tuế, nhi chư hầu tương kiem, sử ký phóng tuyệt. Kim Hán hưng, hải nội nhất thống, minh chúa, hiền quân, trung thần, nghĩa tử chi sĩ, du vi Thái sử nhi phát luận tải, phế thiên hạ chi sử văn, dư thậm cụ yên. Nhi kỳ niệm tai. Sử ký, quyền 130).

Căn cứ vào lời vừa trích, có lẽ không ai hoài nghi về bản tính của tiếng sử ký được dùng đến. Theo ý nghĩa chung của cả đoạn và theo cách hành văn, nó chỉ có thể là một danh từ chung làm chủ từ cho các chữ «phóng tuyệt.» Nhưng đã có thể chắc chắn hoàn toàn được rằng tiếng đó đã có từ thời thân phụ của Tư Mã Thiên chưa? Như sử gia nói, thì đó là lời của thân phụ ông. Và theo lời trích cùng theo bài tự tựa, thì lời này được thốt ra lâu trước khi sử gia hoàn thành việc biên soạn bộ Sử ký. Có một điều là đây là một lời trích, mà người thời xưa không có thói quen trích một cách trung thực về mặt văn từ. Khi trích, họ thường chỉ nhớ ý rồi dùng chính lối văn của mình mà diễn lại. Hỏi đây có phải là một trong những trường hợp trích «thuộc lòng» như vậy không? và nếu có trích «thuộc lòng» như vậy đi nữa, việc này có làm mất giá trị của lý luận đi không? Về câu hỏi trước, thật khó mà trả lời một cách quyết định. Người xưa có thói trích thuộc lòng, nhưng ai dám quả quyết được rằng bao giờ họ cũng trích thuộc lòng, nhất là hỏi ai xác chứng được rằng trong trường hợp của Tư Mã Thiên đây, sử gia đã trích thuộc lòng?

Nhưng đầu sử gia đã trích thuộc lòng hay không, việc đó không phương hại đến câu trả lời phủ định dứt khoát cho thắc mắc thứ hai. Thật thế, cho rằng tiếng sử ký trong lời dẫn không phải là chính văn của thân phụ sử gia đi nữa, ít ra lời trên cũng minh chứng một điều, là thời Tư-Mã-Thiên, tiếng sử ký đã được dùng như danh từ chung, và danh từ chung này không có gì để khiến người đọc liên tưởng rằng nó là bởi danh từ riêng, tức tên của bộ sử mà ra.

Một đoạn văn khác, xuất hiện sau thời của Tư Mã Thiên, nhưng cũng chắc chắn rằng không có dính líu gì với tên riêng của bộ sử Tư-Mã-Thiên đã chép. Đó là lời của Ban Cố, tác giả bộ *Hán thư*, khi ông «tán» về sự nghiệp của họ Tư-mã.

«Từ đời Đường Ngu về trước, tuy có văn tích lưu lại, nhưng lời lẽ không dựa vào kinh điển mà chép, nên mới nói rằng các việc về đời Hoàng đế, Xuyên Húc chưa được rõ ràng. Đến thời Khổng tử, ông đã dựa vào sử ký nước Lỗ để chép ra sách Xuân thu...»

(Đường Ngu di tiên tuy hữu di văn, kỳ ngữ bất kinh, cổ ngôn Hoàng đế, Xuyên Húc chi sự vị khả minh dã. Cập Khổng tử nhân Lỗ sử ký nhi tác Xuân thu. Hán thư, quyền 62).

Ban Cố sống sau thời của Tư Mã Thiên tương đối không lâu lắm, vì ông chép bộ *Hán thư* lối một trăm năm sau bộ *Sử ký*, vậy mà tiếng sử ký ông dùng đây không khác gì tiếng sử ký chúng ta dùng ngày nay. Nó không thể nào là một danh từ riêng vì không hề nghe đến một tập sử ký nào gọi là Lỗ Sử ký trước thời Khổng tử. Mà giả sử có một bộ sử nào gọi là Lỗ Sử ký đi nữa, thì tiếng sử ký này cũng chỉ là một danh từ chung được

đem dùng làm danh từ riêng, vì nghĩa của nó bắt chúng ta phải hiểu như thế. Nói Lỗ Sử ký, cũng không khác gì nói Việt sử ký, nghĩa là sử ký nước Việt nam, hay Trung quốc sử ký, nghĩa là sử ký nước Trung hoa. Đó là chỉ là một danh từ chung làm thành bởi chữ sử, chỉ về những lời đã nói, những việc đã làm, và chữ ký, nghĩa là ghi lại, có thể thôi. Có lẽ không ai hiểu rõ vấn đề này bằng Trương Thủ Tiết đời Đường khi ông chép: «Cồ giả đế vương, hữu sử ký ngôn, tả sử ký sự, ngôn vi Thượng thư, sự vi Xuân thu. Thái sử công kiêm chi, cố danh viết Sử ký». Dịch: Các bậc đế vương thời trước có hai loại quan chép sử, quan bên hữu chép lời nói, quan bên tả chép việc làm. Lời nói làm ra sách *Thượng thư*, việc làm làm ra

sách *Xuân thu*. Thái sử công, tức Tư Mã Thiên, bao hàm cả hai việc đó, nên đặt tên cho bộ sử của ông là Sử ký. (Nhị thập ngũ sử, trang 282), Câu này chẳng những cho chúng ta thấy nghĩa chữ sử và chữ ký, mà còn chủ trương rằng tiếng sử ký là một tiếng có trước tiếng Sử ký. Thật vậy, vì Trương Thủ Tiết đã dùng chữ «cổ», nghĩa là bởi đó cho nên, tức là cái này bởi cái kia mà ra.

Vì những lẽ vừa trình bày, chúng tôi trộm nghĩ tiếng sử ký không phải bắt gốc từ tên riêng của bộ *Sử ký* của Tư Mã Thiên.†

NGUYỄN-PHƯƠNG

†) Về vấn đề sử ký và sử học, xin đọc bài «Khâm định Việt sử Thông giám, Cương mục, một bộ sử ký,» trong Tập san Hội Sử Học, số 1.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Chung quanh

BÀI THƠ MƯA MẮT ÁO

Thi thoại sống của ĐÔNG-HỒ

Kỳ nghỉ hè niên khóa 1966-1967, Bộ Quốc-gia giáo dục có tổ chức khóa tu-nghiệp Quốc văn cho các giáo sư Trung học. Hội trường đặt tại trường Quốc gia Sư-phạm, đường Thành thái.

Tôi được mời đến dự hai lần. Lần đầu, chiều thứ năm, ngày 8. Lần thứ hai, sáng thứ bảy, ngày 10, tháng VI năm 1967 này.

Khóa tu-nghiệp này do giáo sư đại học Lê Hữu Mục, giám đốc kỹ thuật, điều khiển. Cũng do ý kiến của giáo sư mà cũng do đề nghị của toàn thể dự tập viên mà tôi được hân hạnh đến dự, được hân hạnh dự thính một cuộc hội thảo hào hứng, và được dự kiến một hội trường văn nhã.

Hội trường gồm toàn những nam nữ giáo sư thanh niên, tuần tú, yêu văn chương, yêu nghệ thuật, nhất là yêu nghề nghiệp, một nghề cao quý, dẫu rằng chịu hưởng thụ ít nhiều đạm bạc.

Ngày chiều thứ năm, ngày 8, tôi được mời đến dự thính lớp giảng Việt văn. Bởi vì trong buổi chiều đó, có giảng tập một bài thơ của tôi. Giáo sư điều khiển và các giáo sư dự tập viên muốn cho tác giả bài thơ đó có mặt tại hội trường, dự thính, đề nghe xem, những lời giảng tập có đúng với ý tứ, quan niệm, tư tưởng của tác giả khi sáng tác bài thơ

nọ hay không. Các giáo sư đã nghi đúng.

Giảng tập một tác-phẩm, nói chung, một bài thơ, nói riêng, mà tác giả của nó đã mất rồi, thì mặc sức mà tán mây tán gió. Là đúng hay là không đúng; là sai hay là không sai, chê dở hay khen hay, bắt đầu hay bẻ đuôi, tác giả của nó cũng không vạch đất lên mà cãi lại. Bây giờ, đem giảng một bài thơ mà tác giả của nó hãy còn sống sờ sờ ở giữa đời; còn ở gần cạnh nhau trong mấy bước, thì sao mà không mời tác giả đến chứng kiến, đến dự thính. Đến đề mà nghe, nghe đề mà chấp nhận hay không chấp nhận sự khen chê của thể nhân đồng thời. Chỉ có tác giả bài thơ nọ mới là người chứng nhân có đủ thẩm quyền hơn ai hết. Mời đến là phải.

* * *

Vị giảng tập viên hôm đó là một nữ giáo sư dạy trường Trung-học Bến tranh tỉnh Mỹ tho. Bài thơ đem ra giảng tập hôm đó là «*Bài thơ Nhân loại*», bài thơ khai từ quyển *Trình trắng* của tôi, xuất bản từ năm 1961.

Về việc giảng tập một bài thơ cho một lớp Trung học đệ nhất cấp, đã có một lễ lối, một thể thức, một thời hạn nhất định rồi. Đó thuộc về phần kỹ thuật sư phạm của nhà nghề, tôi không có phương diện xen vào. Về phần đó, đã có các giáo sư dự-tập-viên thảo luận.

Duy đến phần phê bình về bản thân của bài thơ, để tìm hiểu tác giả, tìm hiểu quan niệm và tư tưởng của tác giả, tìm hiểu lập ý, bố cục, kỹ thuật xây dựng nên bài thơ, tìm hiểu ưu điểm và khuyết điểm cả nội dung cả về hình thức. Đó mới là điểm chính yếu, thuộc về tác giả.

Tôi làm thơ không nhiều. Tôi không được biết thơ tôi có được người đời thưởng thức hay không. Bởi vì xã-giao bắt buộc, ai lại đi chê một bài thơ trước mặt tác giả bao giờ.

Đây mới là lần đầu tiên, tôi được nghe những lời cời mở, những lời thành thật, những lời khen chê thẳng thắn về một thi phẩm của mình.

Tiện đây, tôi muốn tỏ bày một ít cảm nghĩ của tôi. Thường thường, trong những cuộc phỏng vấn các nhà thơ nhà văn, người phỏng vấn ưa hỏi. Văn sĩ và thi nhân làm văn và làm thơ là làm cho ai. Có người trả lời rằng: làm thơ làm văn là làm cho mình, để tự thỏa thích lấy những băn khoăn thắc mắc của bản năng của tâm hồn mình. Tôi cho rằng ai mà nói như vậy, nếu không phải là lập dị kiêu ngạo, thì cũng là lời nói không thành thật, nói không đúng với lòng mình.

Tôi nghĩ rằng có ai lại làm văn làm thơ mà không cần có, hay không muốn có người thưởng thức. Sáng tác để làm gì mà không muốn cần người đọc. Sáng tác để mà chơi, để tự mình thưởng thức, rồi đốt bỏ đi hay sao.

Làm một câu văn, làm một câu thơ, tức thị đã có một đối tượng rồi. Làm ra, viết ra ít lắm cũng là để cho 'Một người, đọc thấy.

Sở dĩ tôi ngưng lâu ở đoạn này là muốn tỏ ít nhiều cảm tưởng và tâm trạng của mình. Chiều hôm đó, tôi quả thật

đã vui mừng được thấy có người chọn thơ mình đem ra trình bày để cho mọi người thưởng thức. Tôi không cần khiêm tốn làm chi.

* * *

Vị nữ giáo sư giảng tập trong buổi đó, người hãy còn trẻ tuổi. Còn trẻ tuổi, mà thái độ, mà ngôn từ, mà cử chỉ đều vào khuôn vào phép của một nhà mô phạm. Thái độ trầm tĩnh, ngôn từ hòa hoãn, cử chỉ đoan trang của cô giáo đã gây nên một xi cảm giữa hội trường. Hội trường được giả thiết làm một lớp học.

Giả thiết hội trường làm một lớp học, vì vị giảng tập viên đã xin lỗi, xưng mình là «cô» mà gọi các bạn đồng nghiệp dự tập là «em» theo như cách xưng hô thân yêu trong lớp học. Điều đó, làm cho tôi vui vui, vì được thấy lần đầu tiên một hội trường thân mật ngộ nghĩnh như vậy.

* * *

Hãy trở lại *Bài thơ Nhân loại* của tôi. Cô giáo Bạch. Xin phép giáo sư Lê thị Bạch, cho tôi gọi như thế để quen thuộc hơn, cũng như cô đã gọi các đồng nghiệp của cô là em như vừa mới kể.

Cô giáo Bạch có lẽ là một cô giáo yêu thơ. Cô đã yêu thơ như yêu nghề.

Cô đã giảng giải, đã phê bình bài thơ của tôi rất nghiêm chỉnh, rất kỹ lưỡng, và rất tế nhị, theo quan niệm của cô, ở cương vị một người độc giả trẻ tuổi đọc thi phẩm của một bậc thầy. Cô đã khen và cô cũng đã chê. Cô khen vừa phải mà cô chê cũng vừa chừng. Xin nhớ là dầu khen hay dầu chê đều theo suy tư và ý tưởng của cô, cô đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần điều đó. Dầu sao cô cũng đã có ít nhiều dè dặt, vì cô cũng biết tác giả bài thơ đang hiện diện.

Để cho độc giả có một ý niệm rõ ràng, và một nhận định khái quát, tôi phải sao lục trọn vẹn lại bài thơ.

BÀI THƠ NHÂN LOẠI

NHỮNG gì nữa có không. Không phải biết.
 Biết có Ta. Và Ta có nhau đây.
 Thơ ta có. Và Thơ ta bất diệt,
 Trùm thời Xưa, bao quát cả thời Nay.

THƠ ta chở Không gian thuyền Vũ-trụ
 Vượt Thời gian, chi biết có đêm ngày :
 Vàng Nhật Nguyệt chuyển khắp ngôi tinh tú,
 Không mọc bên kia, chẳng lặn phương này.

QUẢ địa cầu tròn quanh một khối,
 Thì chi chia biệt có Đông Tây.
 Thơ tuôn chung một nguồn Nhân loại ;
 Lai-láng hồn thơ bốn biển đầy.
 Vốc nước uống chung dòng suối mát ;
 Tắm chung trong biển sóng hương say.

CÙNG soi chung một tấm gương trăng bạc.
 Hình Thi-nhân lờng-lộng giữa khung mây
 Một Ngôn-ngữ cất lên cùng điệu nhạc :
 Lời Thiên-nhiên chim gió tiếng vui-vầy.

RỒI đem Thơ buộc tình thân-ái,
 Người với Người Thơ tay nắm tay.

Không biết đọc xong bài thơ, đọc giả nghĩ thế nào. Về phần tôi, là tác giả hôm đó, tôi có chút ngạc nhiên. Tôi ngạc nhiên vì không hiểu vì sao mà cô giáo Bạch đã chọn một bài thơ khó khăn như vậy đem làm giảng văn cho « các em » cô. Nói « khó khăn » là nói theo ý nghĩ của tôi, chứ biết đâu, cô thấy nó không có gì khó khăn hết. Trên, tôi có nói cô giáo Bạch yêu thơ như yêu nghề, nhưng mà đến đây, sau khi nghe cô bình giảng bài thơ, tôi lại phải nói là cô đã yêu thơ hơn yêu nghề. Bởi vì cô đã chọn một bài thơ lạ. Cô thích nó và cô tin rằng tài nghệ làm thầy của cô sẽ cho các « học trò » của cô thông hiểu nổi. Có như vậy, buổi giảng tập văn-chương mới gây được phần nào hứng thú. Chớ nếu đem giảng một bài thơ cũ, đã có người nói đi nói lại nhiều lần, đã thành nếp cũ khuôn mòn, tức là phát thanh lại lời người khác mất rồi, còn có sáng kiến gì mới lạ. Cô đã nhận định được phê bình cũng phải là phát kiến và cũng phải là sáng tạo. Phê bình là một nghệ thuật.

Cô đã thành công. Vì sau khi cô giắt lời, tiếng vỗ tay tán thưởng vang ầm cả hội trường. Tiếng vỗ tay hoan nghinh như cứ còn muốn kéo dài bất tận, cho đến vị giáo sư điều khiển phải đứng lên, bằng cách đưa tay nhìn đồng hồ, báo hiệu rằng đã trễ giờ thảo luận.

Về phần ưu-điểm của bài thơ mà được vị nữ giáo sư giảng tập tán tụng tôi không kể lại đây chi. Nói rằng cô khen thì không đúng. Vì từ đầu đến cuối, cô không hề khen thưởng một lời nào. Cô chỉ phân tích, giảng giải, làm nổi rõ những ưu điểm của bài thơ, những điểm nào đã làm cho bài thơ vừa linh động vừa thâm trầm.

Về phần khuyết điểm tôi phải ghi lại

kỹ hơn. Tôi ghi lại đây hai điểm chánh
1) (Một là cô cho rằng bài thơ trình bày lộn xộn, chia đoạn không phân minh. Đáng lẽ hai câu :

*Cùng soi chung một tấm gương trăng bạc
Hình Thi nhân lồng lộng giữa khung mây*

phải xếp liền vào đoạn trên với hai câu :

*Vốc nước uống chung dòng suối mát
Tắm chung trong biển sóng hương say*
Bởi vì cô nhận thấy hai câu trên có hai tiếng uống chung, tắm chung, mà câu dưới lại có tiếng soi chung, tức là ý thơ một khối mà lời thơ một mạch. Không lý do gì mà lại xếp cách rời nhau.

2) Hai là cô chưa bằng lòng một điều, mà điều này lại là điểm chánh cốt, điểm quan hệ nhất của bài thơ. Cô đã dừng lâu lại ở hai câu :

*Một Ngôn ngữ cất lên cùng điệu nhạc
Lời Thiên nhiên chim gió tiếng vui vầy.*

Cô bảo rằng. Một nhà thơ lão luyện luôn luôn phải ngó lên đầu bài. Đầu bài là *Bài thơ Nhân loại*. Vậy thì *Nhân loại* là ý mượn đề nói lên *Bài thơ*. Đầu cho tác giả có muốn nói : « nhân loại là một bài thơ » đi nữa, thì *Bài thơ* cũng vẫn là nòng cốt của thi ý và thi từ. Vậy thì, ở đây *Bài thơ* đã biểu hiện bằng gì. Tác giả đã lấy « *Ngôn ngữ* » làm tượng trưng làm biểu hiện. Ấy thế mà, tác giả chỉ sử dụng ý thơ và tứ thơ đó vồn vện có hai câu. *Bài thơ* của tác giả cất lên cũng chỉ vồn vện có hai tiếng : *Tiếng chim* và *Tiếng gió*. Huống nữa, tác giả cũng không cho chúng ta biết tiếng chim riu riu hát ca riêng rẻ như sao, tiếng gió hắt hiu dừ dặt riêng rẻ như sao, mà tác giả đã lười biếng hay

đã vội vàng gom hai thứ tiếng đó làm một, mà nói ngắn gọn là : «chim gió tiếng vui vầy». Rồi thì lặng ngừng, rồi thì chấm dứt một cách tức tối. Tác giả đã quên rằng trước hai câu đó, tác giả đã sử dụng ngót 14, 15 câu đề nói về «*Nhân loại*» thực là đầy đủ, đầy đủ quá, dư dả quá đến trùng điệp nữa. Vậy mà đến điểm chánh cốt, thì tác giả cho «*đổi Bài thơ*». *Đổi ý thơ. Đổi tứ thơ. Đổi cả lời thơ.*

Cô đã chỉ trích đoạn thơ bằng những lời chặt chẽ sâu sắc, với một nét lịch sự hiền hòa, đến rồi cuối cùng, cô «xin cúi đầu đợi lãnh tôn ý của thi nhân».

Từ trên đó là lời phê bình và ý kiến của cô giáo Lê thị Bạch, người giảng tập viên, vai chánh, trong hội trường.

Và dưới đây là phần thảo luận. Đợi một lúc hơi lâu, yên lặng, giáo sư Lê Hữu Mục điều khiển, phải mời đích danh.

Trước hơn hết, giáo sư mời nữ sĩ Túy Hồng. Giáo sư tuyên bố rằng : nói về văn-chương, chắc giữa đây không ai bằng một giáo sư nữ sĩ thời danh. Bất đắc dĩ, nữ sĩ Túy Hồng phải miễn cưỡng lên giữa hội trường.

Đại khái, nữ sĩ tuyên bố rằng : Đã từ lâu, được nghe tiếng «anh Đông hồ» đã được đọc thi phẩm của anh, mà chưa biết mặt, hôm nay nghe bình giảng thơ của anh, nữ sĩ muốn im lặng mà nghe. Nghe thơ và biết mặt đã đủ rồi, cô thấy không có ý kiến gì phát biểu,

Nữ sĩ Túy Hồng trở xuống. Giáo sư Lê Hữu-Mục thấy mời giới làng Văn không đậm, bèn quay sang làng Triết. Giáo sư tuyên bố: *Bài thơ Nhân loại* của thi sĩ Đông Hồ là một bài thơ triết lý, vậy xin mời các giáo sư triết lên phát biểu ý kiến.

Có hai vị giáo sư triết, tiếp tục đứng

lên, Hai ông nói ít, và ý kiến cũng phảng phất gần nhau. Tôi tóm lược cả hai, đại khái rằng : *Bài thơ Nhân loại* này không phải là một thi phẩm văn nghệ mà là một thi phẩm triết lý. Tác giả muốn đem triết lý vào địa hạt văn-chương, hay nói cách khác, tác giả muốn thi vị hóa triết học. Như vậy, tác giả khó mà thành công, vì bài thơ bị chất triết học khô khan làm cho tứ thơ không nhẹ nhàng, lời thơ không bay bướm. Nói riêng là đọc một bài thơ này, nói chung là đọc những thi phẩm khác của thi sĩ Đông Hồ mới sáng tác gần đây, không thấy rung cảm bằng những «*cô gái xuân*» bằng những «*mua áo*» tự thời xưa. Thi sĩ đã có một địa vị xứng đáng trong khi đàn, đã có một chiều ngời chắc chắn trong Văn học sử, thì xin hãy cứ đề yên mà chiêm ngưỡng, xin đừng thừa công mỗ xẻ, thừa lời khen chê nữa mà chi.

Ngoài trời, bóng tối đã đổ xuống sân trường. Có ít giáo sư lác đác ra về, nhất là các nữ giáo sư đã tỏ ra chán nản. Thực tế đã nhắc người ta không nên kéo dài thời giờ thơ mộng.

Tuy thế mà cử tọa cứ đòi tác giả bài thơ phải lên giải quyết cho xong những thắc mắc của anh em chị em.

Làm sao mà từ chối cho được, khi chính mình là cây nêu của hội trường.

* * *

Trước, tôi xin cảm ơn giáo sư Lê hữu Mục tiên sinh, đã cho tôi được hân hạnh dự vào một cuộc tao phùng, vừa thân ái vừa phong nhã. Sau xin cảm ơn «liệt vị chư hiền», các anh em chị em giáo sư, đã cho nghe những lời «*chất vấn*» lễ độ ân cần.

Nhưng mà, thời khắc đã muộn lắm rồi, tôi xin lướt qua những điểm khó khăn, đòi hỏi nhiều thời giờ biện luận ; hướng chỉ nói về Thơ là nói bất tận vô cùng.

Tôi chỉ xin nói về phần nữ giáo sư Lê thị Bạch, người đã đem thơ tôi ra bình giảng.

Tôi nói rằng :

Bình sinh tôi ít chịu chụp ảnh. Bởi người tôi không ăn ảnh, mà cũng bởi chịu ảnh hưởng ở những người chung quanh tôi. Mỗi khi chụp ảnh xong, cầm tấm ảnh mà nhìn, thấy mặt mình xấu xí quá. Sao mà người trong ảnh không được giống như lời người chung quanh đã tả về tôi. Bức ảnh không chụp được y như người thực đó chẳng.

Nhưng mà, chiều hôm nay, tôi đã gặp được một người thợ chụp ảnh khéo tay, và thạo nghề. Tay nghề đã chụp cho tôi một bức ảnh khéo quá. Bức ảnh đã đẹp hơn người thực của tôi. Nhìn bức ảnh đẹp của mình, vui vui mà không khỏi có chút phân vân. Bởi tay thợ khéo quá, gọt sửa quá, tiếng nhà nghề gọi là «retouche» nhiều quá. Cho nên, bức ảnh trông thì mi mao đó, mà không khỏi có ít nhiều điểm sai với nét tóc đường mi tế nhị. Như vậy, tay thợ dở chụp ảnh tôi không giống đã đành, mà tay thợ khéo, khéo quá, chụp cũng không đúng khuôn mặt thực của tôi. Nhưng mà, dầu bức ảnh không đúng hẳn, mà là một bức ảnh đẹp, do tay thợ khéo chụp cho, thì tôi cũng được vui mừng nhận lãnh, đem về, lồng vào khung, treo lên nhìn ngắm nét khôi ngô. Ngày đã trễ mà sao tôi dài dòng quá. Tôi nói ngay vào điều muốn nói cho rồi :

Điều thứ nhất. Cô Bạch bẻ về hình thức trình bày, bài thơ phân đoạn lộn xộn, không quân phân, không đi đúng với ý tứ bài thơ. Điều này, tôi trả lời rằng : Lối trình bày một bài thơ mà có ngắt đoạn, có phân hồi, có bỏ trống như hiện nay chúng ta thấy trong các quyển thơ đã in, đó là chúng ta

học theo cách in sách của Tây phương. Điều đó tôi cũng đã làm theo thói quen của các nhà làm thơ, các nhà chép thơ, và các nhà in thơ. Tôi chưa có ý kiến gì về điều này, Duy tôi còn nhớ lời nói của thi sĩ Tản Đà.

Thi sĩ Tản Đà khi sinh tiền đã nói rằng :

Những câu đưa đây, chuyển tiếp từ đoạn trên xuống đoạn dưới trong *Đoạn trường tân thanh* rất tài tình. Nó không thuộc hẳn về đoạn trên, hay thuộc hẳn về đoạn dưới. Nó là nhịp cầu nối liền hai bờ nước. In truyện *Kiều* mà ngắt ra từng đoạn từng hồi, theo sách Tây như vậy là làm đứt những nhịp cầu giao liên, làm hại thiên tài của Tố-như mà thôi.

Tản Đà đã đề nghị và đã thực hành. Khi in cuốn *Kim Vân Kiều chú giải tân truyện*. Tản Đà đã bắt nhà xuất bản Tân Dân in một hơi 3260 câu lục bát, từ «Trăm năm trong cõi người ta» cho đến «Mua vui cũng được một vài bông canh» không được ngừng ngắt một chỗ nào hết.

Nếu tôi nghe lời Tản Đà mà làm theo, khi in *Bài Thơ Nhân loại*, tôi in lối tràn đìa đó, thì yên ổn biết bao nhiêu.

* * *

Điều thứ hai. Cô Bạch chê rằng bài thơ của tôi còn đối, mà lại bị đối đúng ở điểm chánh yếu của bài thơ. Thật là đáng phàn nàn. Chỉ có hai tiếng, *tiếng chim* và *tiếng gió*. Mà còn nói gọn làm một như vậy thì thiếu thốn quá.

Vạn vật hây còn bao nhiêu thứ tiếng nữa mà thi sĩ đã bỏ quên, hay là thi sĩ không nghe thấy. Điều này, tôi trả lời rằng : Cô Bạch nhận xét rất đúng. Bài thơ của tôi quả thực còn đối ở đó năm

ba thứ tiếng nữa. Chính thi sĩ là giống người thính tai hơn ai hết đó mà. Thi sĩ đã nghe được những thanh âm khi chưa thành tiếng, Ví dụ thi sĩ Lưu Trọng Lư đã nghe được *Tiếng thu* :

*Em nghe không mùa thu
Dưới trăng mờ thôn thức
Em nghe không rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?*

Chính tác giả *Bài thơ Nhân loại* đây cũng đã nghe được tiếng ngọc của sao cười, nghe được lời thơm của hoa nở.

*Trời đẹp sao cười tiếng ngọc
Đất lành hoa nở lời thơm.*

Và còn nhiều tiếng nữa :

*Rừng vắng suối lạnh lạnh độc
Ngàn cao gió vút thanh âm*

Còn tiếng nước réo tràn giang ; tiếng trùng dương sóng vỗ. Nhưng mà bao nhiêu tiếng đó, làm sao mà đưa vào bài thơ một khi thơ đã hoàn thành.

Tôi đang phân vân. Tôi đang lúng túng, thì một cảnh tượng đột ngột tình cờ đưa đến, gọi lên cho tác giả một tứ thơ độc đáo. Nhìn ra cổng hội trường, vừa mưa vừa gió. Gió trong lá. Mưa trên hoa. Tiếng gió lộng. Tiếng mưa gieo. Tiếng gió nên thơ mà tiếng mưa cũng lại nên thơ. Gió với mưa kia ngẫu nhiên mà đến. Chẳng cảm thông nhau mà Mưa gió đến chi đây. Tứ thơ đã sẵn rồi. Còn kỹ thuật nữa mới làm sao.

Theo cô Bạch thì đoạn thiếu đó ít ỏi, nghèo nàn quá, chỉ có hai câu. Cô đòi tác giả phải điền vào thêm bốn câu nữa cho có đủ sáu câu. Một đoạn sáu câu như vậy mới cân xứng, mới quân bình với những đoạn sáu câu trên.

Tôi lại lúng túng. Tôi lại phân vân. Tôi tìm được một phương dục hoãn.

Tôi tuyên bố rằng: Chúng ta thử làm một công tác tập thể. Chúng ta nghĩ chung 4 câu thơ xem thử thế nào. Chúng ta cần phải có thêm 4 câu 8 chữ, tức là 32 chữ nữa. Và chúng ta cần phải có 4 vận Hai vận bình và 2 vận trắc. Hai vận trắc là đề bắt vần với vận «điệu nhạc» ở trên và 2 vận bình là đề bắt vần với vận «vui vầy» kể đó.

Tôi vui vui nói rằng: Vị nào nghĩ giúp tôi thêm được 4 câu với tiếng mưa và tiếng gió vào bài thơ, thì tôi sẽ được hân hạnh ký tên đồng-tác-giả dưới thi phẩm «*Bài thơ Nhân loại*»

Hội trường xôn xao.

Người nghĩ một chữ, người nghĩ một vần. Chữ nào vần nào cũng đều chưa đủ.

Trời đã tối hẳn rồi. Thơ đói có cần chi. Người đói mới là cần thiết.

Cả hội trường đồng ý giải tán chia tay mà lòng ai cũng cứ còn thắc mắc.

(Còn tiếp)

ĐÔNG-HỒ

Nhà may

BẮC HẢI

Tốt nghiệp tại Ba-Lê
778 Phan Thanh Giản Saigon

Chuyên may Âu phục

Hợp thời trang — Giá phải chăng

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN HIẾN LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

MỤC TIÊU

Con người sống, ăn uống, yêu nhau, sinh sản, làm việc. Đề làm gì vậy? Goethe đáp: « Đề dựng lên hoài cho thật cao cái kim tự tháp của đời mình, kim tự tháp mà cái chân đã xây sẵn cho ta rồi khi ta mới sanh ». Rán làm cho đời mình thành một tuyệt tác, như vậy là xây dựng đời mình một cách khá cao thượng đấy. Đành rằng cơ sở của mỗi người đã được xây cất sẵn. Chẳng hạn rường hợp của tôi: tôi sanh tại một tỉnh nhỏ, trong một gia đình kỹ nghệ; tôi phải nối nghiệp ba tôi, và má tôi, rất có học thức, đã gọi cho tôi lòng yêu văn chương. Đó khởi điểm của tôi như vậy. Trên cái cơ sở đó, tôi đã hết sức xây dựng cái kim tự tháp của đời tôi. Khi tôi ở cái tuổi bạn ngày nay, tôi không biết cái kim tự tháp của tôi sẽ ra sao. Tôi chưa hề vẽ một kế hoạch cho trọn đời tôi bao giờ cả. Tôi chỉ định những kế hoạch ngắn hạn: viết cuốn sách nọ, dạy trong một đại học kia, thuyết phục dân tộc nọ về một chân lí nọ. Rồi đề cho sự ngẫu nhiên gạt bỏ những kế hoạch của tôi đi, đôi khi chôn vùi nó, có khi lại cải thiện nó nữa. Có những biến cố tình cờ xảy tới giúp cho tôi có đầu đề. Một tác phẩm khi viết xong, khác hẳn với hình ảnh mà tôi tưởng tượng hồi chưa viết. Có những

mối oán hận làm cho lòng tôi đóng băng lại; lại có những tình thân yêu sưởi nóng nó lên. Ngôi kim tự tháp một ngày một lên cao, cạnh của nó vắn vẹo, không được thẳng, bực của nó cao thấp không được đều. Đã tới lúc gần tới ngọn rồi đây. Khi đã xây dựng xong, dù tốt dù xấu, thì kiến trúc sư cũng chỉ còn có việc là lánh mặt đi.

Vì bạn hãy còn trẻ, cho nên trên cái cơ sở đã chỉ định cho bạn, bạn chỉ mới xây được mấy lớp đầu cho cái mà sau này sẽ thành Kim tự tháp của bạn. Tôi muốn giúp bạn lợi dụng được những lầm lẫn của tôi. Kim tự tháp của tôi hiện nay không thật đúng như cái mà đáng lý ra nó có thể thành được. Tại sao? Một phần cũng tại tôi đã quá bỏ phí một thời gian không sao lấy lại được. Bạn ngắt lời tôi: « Bỏ phí thời giờ của cụ ư? Thế thì ai là người làm cho mỗi phút thành sáu mươi giây công tác hữu ích hơn cụ? » Bạn đừng nên tin vậy. Đành rằng tôi đã làm việc nhiều đấy, nhưng nhiều khi hoài công. Có biết bao cuộc diễn thuyết, biết bao cuộc du lịch nó nuốt của tôi biết bao nhiêu ngày mà chẳng giúp tôi đặt thêm được viên đá nào lên cái kim tự tháp của tôi cả! Tôi không mắc lỗi tham lam hay vô độ đâu,

mà mắc cái lỗi quá nề lòng người khác. Tôi không biết cương quyết từ chối mà chỉ có cách đó mới từ chối được. Tôi cứ ngại làm buồn lòng, mất lòng một người bạn. Nếu bạn muốn xây dựng một công trình lớn lao, dù là một công trình văn chương, hay khoa học, chính trị, kỹ nghệ thì bạn phải để hết cả tâm lực và thời giờ vào nó, không được bỏ phí một lúc nào. «Nghệ thuật thì dài; đời sống lại ngắn ngủi». Proust có thể viết được bộ *La Recherche du temps perdu* (Đi tìm thời gian đã mất) không, nếu tâm trí ông tản mạn? Balzac có tạo nên một thế giới không nếu ông hiến thân cho cái thế giới thực tại? Pasteur, Fléming, Einstein có thể phát kiến được những luật chưa ai biết không nếu không tập trung sự chú ý vào một điểm, như tia sáng laser (1)? Vậy bạn nên lựa cho kỹ cái điểm để tập trung sức lực của bạn vào, rồi một khi đã lựa xong, bạn phải kiên nhẫn, bất biến, nhiệt tâm, tiêm nhuệ.

Bạn có thể lựa chọn những mục tiêu mà người khác cho là không xứng đáng với họ. Chỉ cần bạn phải hết sức làm hậu thuẫn cho quyết định của bạn. Bạn bè của Fabre, của Fléming có lẽ cho rằng suốt đời nghiên cứu các côn trùng các vi khuẩn là điều kì cục; bạn bè của Valéry không hiểu tại sao Valéry hồi còn thanh xuân, lại bỏ ra bao nhiêu năm gọt đẽo những bài thơ tối tăm. Những thơ và phát minh đó điều bất hủ và các tác giả đó cũng bất tử cả. Nhưng kẻ lè lòng tôi ngưỡng mộ các danh nhân như vậy cho bạn nghe tôi đã không tự kiểm chế được chăng?

Số phận của bạn có lẽ không cho bạn có cơ hội nhập vào hàng ngũ các bậc thiên tài. Dù vậy thì cũng không sao. Dù mục tiêu là gì đi nữa thì qui tắc vẫn

không thay đổi. Phải «tập làm những việc nhỏ nhất nhất theo cái cách lớn lao nhất». Có một cách lớn lao để điều khiển một hãng buôn hoặc một kỹ nghệ; trong những hành động đó, cũng phải tập trung tinh thần, phải nghiêm chỉnh, phải khéo điều hợp sự thận trọng và sự dám làm. Hôm qua tôi đã coi cách làm việc của một chủ tiệm sách còn trẻ tuổi, bị bệnh tê liệt. Về phương diện lựa sách, khuyên bảo khách hàng, vừa yêu một số tác giả, vừa yêu độc giả, về phương diện đó, thầy ta đáng gọi là cao đại. Kim tự tháp của thầy ta mặc dầu chân nhỏ mà ngọn đã đưa vút lên cái nền trời của những việc làm kỹ và khéo.

Bạn hiểu chứ? Mục tiêu không phải là «thành công» theo cái nghĩa tuyệt đối là tạo nên danh vọng rực rỡ. Cái đó, nay ra thì được thêm — hoặc chẳng may thì phải thiếu.

Mục tiêu là tận lực làm thật kỹ cái nghề mà bạn đã lựa.

Ở nhà quê tôi có một vườn trái cây. Người trông nom khu vườn đó đâu có nghĩ tới danh vọng. Nhiệm vụ của chú ta là sản xuất trái bom cho nhiều và trái nào trái nấy cho đẹp, ngon. Chú ta đã học về lý thuyết rồi lại thực hành bằng thí nghiệm để dự bị cho công việc thật hoàn hảo. Suốt ngày chú ta làm vườn rồi tối đọc những tạp chí về kỹ thuật để theo dõi công việc của người khác, thân mật giao thiệp với người dưới quyền mà khi ra lệnh thì vẫn cương quyết. Chú ta tìm hiểu những khoa học phụ thuộc với khoa trồng bom. Chẳng hạn chú biết hết về công việc giao truyền hoa tinh của các loài ong, về

(1) Tia sáng cực mạnh có thể đục được thép, mới phát minh khoảng mười năm nay.

thuật dự đoán thời tiết, về nhiệm vụ của các côn trùng. Không thể có một người quản lý vườn trái cây nào hơn chú ta được nữa. Không ai có thể đòi hỏi chú ta phải làm cái gì hơn được nữa. Bạn cứ làm một việc nhỏ nhất đi, nhưng làm cho hoàn toàn, theo cái cách lớn lao nhất. Và trong cái nghề của bạn, bạn sẽ thành một vĩ nhân.

Mọi người sẽ biết cái tài của bạn. Vì sự hoàn toàn là điều rất hiếm. Tôi đã thấy những người thợ thủ công làm việc trong cảnh tối tăm không ai biết tới, không có tham vọng nào khác là làm cho khéo, và sau nhiều năm chịu cực khổ, đã được người khác nhận là có tài, tán phục, giúp đỡ. Tôi nghĩ tới ba thiếu nữ trong một trại ở Touraine, không được ai nâng đỡ, không có tiền, mà đã dùng len của cừu do họ nuôi mà đích thân nhuộm rồi dệt thành những tấm thảm có những hình cò kính và tượng trưng Họ sống một cuộc đời khó khăn; họ giữ được lòng tin ở khuynh hướng của họ. Một hôm, một hội, tên là Khuynh hướng, nhận ra tài năng của họ, giới thiệu họ, quảng cáo cho họ. Thế là họ thắng cuộc.

Tôi không bảo rằng kết cuộc luôn luôn tốt đẹp như vậy đâu. Bernard Palissy cũng đã phát minh được một hình thức mới của cái đẹp. Ông đã đau khổ vì nó, rồi trong một lúc tưởng mình sẽ được cứu thoát. Về cuối đời ông, vì chính sách ngược đãi về tôn giáo (Palissy theo đạo Tin Lành) ông bị bỏ tù rồi chết vì đau khổ. Vậy trong trường hợp đó, có thất bại về phương diện vật chất. Nhưng không thất bại về phương diện tinh thần.

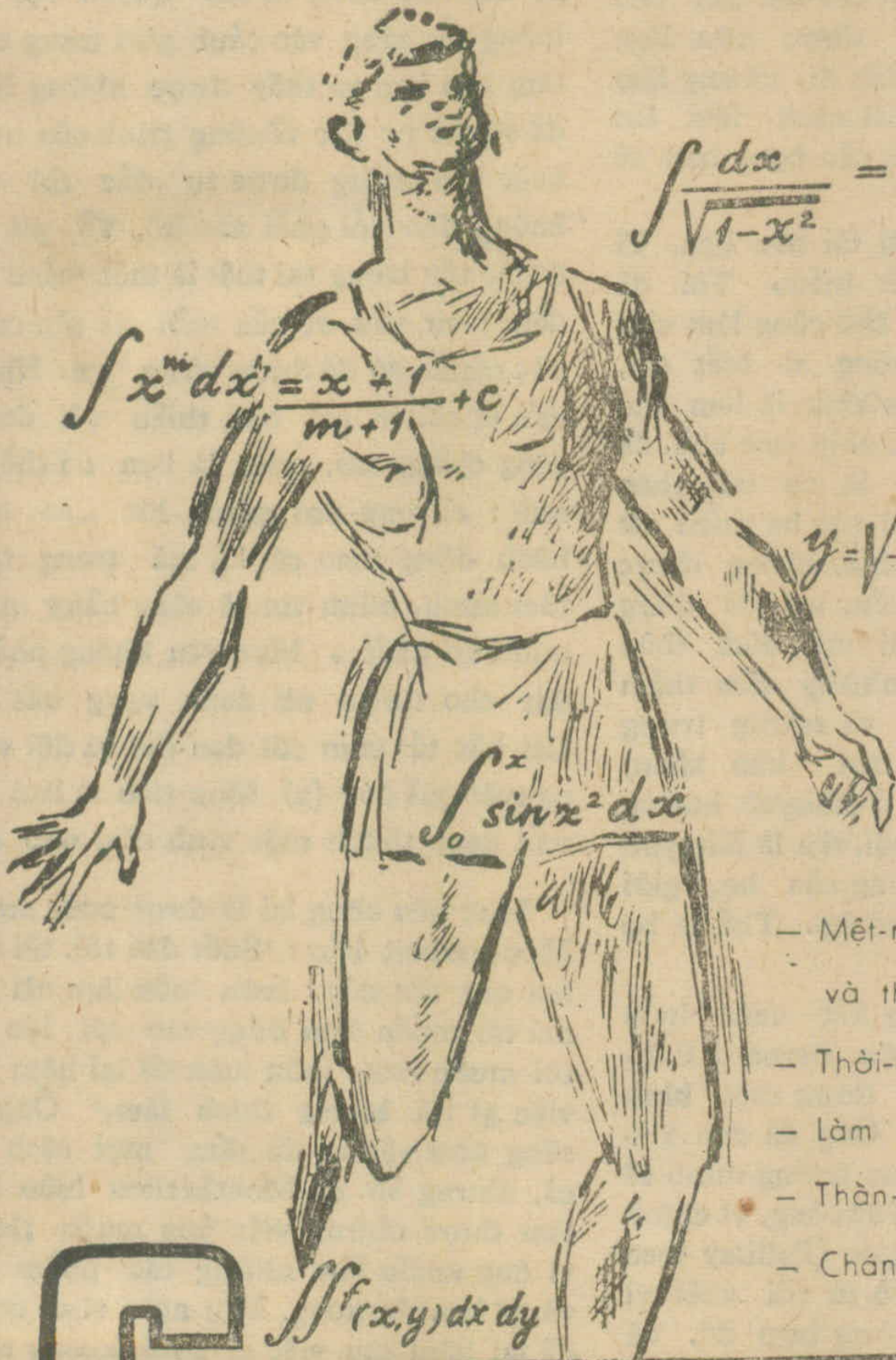
Tôi không thể đảm bảo sự thành công cho bạn được. Nó tùy thuộc sự may rủi cũng bằng tùy thuộc sự làm việc và tài năng. Nhưng nếu trong mọi hoàn cảnh bạn biết giữ sự đoan chính, phẩm giá con người, lòng can đảm, nếu bạn không chịu nhượng bộ về cái chủ yếu thì không khi nào bạn thực là thất bại đâu. Tôi xin nhắc lại: mục tiêu không phải «là thành

công», là chiếm được «những cái hảo huyền» (chữ của Plutarque), mà là bất kỳ lúc nào cũng có cái quyền rọi một luồng tia sáng vào cảnh giới trong thâm tâm của bạn và thấy được những lý do để có thể tự đắc về công trình của mình, hoặc nếu không được tự đắc thì cũng không đến nỗi phải xấu hổ. Về già mà được tôn trọng thì thật là một cảnh êm đềm; sự yếu ớt của tuổi già cần có cái sức mạnh đó để được vững tâm. Nhưng nếu vì rủi ro mà bạn thiếu cái đó thì cũng chẳng sao, miễn là bạn có thể tự nhủ: «Trong đời mình, lúc nào cũng hành động theo cái lối mà trong thâm tâm mình, mình tin là công bằng nhất. minh trí nhất.» Mục tiêu không phải là đạt cho được cái danh vọng bất hủ. Cái bất tử còn cõi đen đui và đội vòng nguyệt quế đó.» (2) Mục tiêu là làm cho mỗi ngày thành một vinh cửu nho nhỏ.

Mục tiêu cũng lại là được sung sướng Montherlant bảo: «Suốt đời tôi, tôi theo hai qui tắc này: luôn luôn làm cái việc mà tôi muốn làm đúng vào cái lúc mà tôi muốn làm; luôn luôn để lại hôm sau việc gì tôi không thích làm.» Ông ấy sống như vậy và đã sống một cách cao cả, nhưng sở dĩ Montherlant luôn luôn làm được những việc ông muốn làm là vì ông muốn làm những tác phẩm đẹp và đã làm cho xong. Một nghệ sĩ có quyền để lại hôm sau việc gì mình không thích làm. Goethe cũng vậy, luôn luôn bắt đầu làm công việc gì ông cho là dễ nhất. Trong các hoạt động chính trị, binh bị, kinh tế qui tắc lại khác, vì «thời giờ thì cấp bách mà vũ trụ lại không đợi ta.»

NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

(2) Không rõ tác giả dẫn câu này của ai. Thời cò, ở Hi Lạp, muốn tuyên dương một người có tài, người ta đeo một vòng nguyệt quế vào đầu người đó.



$$\int \frac{dx}{\sqrt{1-x^2}} = \arcsin x + c$$

$$\int x^m dx = \frac{x^{m+1}}{m+1} + c$$

$$y = \sqrt{-\frac{9}{2} + \sqrt{\frac{9^2}{9} + \frac{y^3}{27}}}$$

$$\int_0^x \sin x^2 dx$$

$$\iint f(x,y) dx dy$$

- Mệt-mỏi thân-thể và thần-kinh.
- Thời-kỳ dưỡng bệnh
- Làm việc trí óc quá sức.
- Thần-kinh yếu-mệt
- Chán-nản.

S CORBO-TONIC

MÙI THƠM - KHÔNG ĐỘC

TỔNG PHÁT HÀNH
 VIỆN BẢO CHẾ O.P.V.
 34 Nguyễn Huệ Sài Gòn



GÓP Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢNG DẠY TRIẾT

NHÂN KHÓA HỘI-THẢO CỦA CÁC GIÁO SƯ TRIẾT-HỌC

● TAM - ĐIỂM

Phê-bình nội-dung Triết-học ở Trung-học

Dạy triết là triết lý. Đặt vấn đề giảng dạy triết ở Trung-học hay Đại-học không phải là đặt vấn đề sư phạm về triết mà là đặt một vấn đề triết học, không phải là đặt vấn đề triết học về triết học nói chung mà là đặt vấn đề về triết học đang được giảng dạy. Duyệt lại việc dạy triết hiện nay là tra vấn tính chất và ý nghĩa của môn gọi là triết học, là phê bình nội dung môn triết để tìm lại dự tính lịch sử đích thực. Sau đó mới là vấn đề sư phạm. Trước đây, người ta chỉ họp đề bàn về việc cắt xén chương trình hay cách ra đề và chấm bài triết, tức là chỉ làm một việc vô nghĩa. Nếu bảo việc đó có một ý nghĩa nào thì đó là tố cáo sự vô nghĩa của cái mệnh danh là triết học cũng như của cái mệnh danh là giáo dục. Vấn đề dạy triết gần đây được một số người viết đề cập tới trong một viễn tượng mới, không còn từ quan điểm chấp nhận hệ thống đã có sẵn mà có ý xét lại toàn diện vấn đề để đặt một chiều hướng mới cho triết học dạy ở Trung và Đại học (Bách Khoa các số 248, 249, 254, 255 bài của Ô. Ô. Nguyễn Trọng Văn và Nguyễn Văn Trung). Đó là một việc có ý nghĩa. Và nếu Hội thảo về giảng dạy triết sắp tới thành công trong việc đặt một nền tảng thật cho môn triết trong hệ-thống giáo dục của xã hội ta, sau khi phá hủy cái vô-nền-tảng-cũ, thì việc làm đó sẽ có ý nghĩa tích cực và tiên phong cho nhu cầu duyệt lại các môn học khác và toàn bộ nền giáo dục trong một ánh sáng mới. Trong bài này chúng tôi muốn góp một vài ý kiến vào công việc trên bằng cách phê bình nội dung triết học dạy ở lớp đệ Nhất Trung học hiện nay.

Thật sự môn gọi là triết học được dạy ở nhà trường là gì? Nó có thật là triết học hay chỉ là một biến thể tai hại của triết học? Nói đúng ra, đó là tập hợp các kiến thức triết học sách vở, nhập cảng, đồng loạt, được hệ-thống-hoá lại trong các quyển sách giáo khoa triết học. Có thể nói rằng triết học chứa đựng trong các sách giáo khoa triết là thứ triết duy nhất được đem dạy ở bậc Tú Tài,

Gọi là duy nhất vì nội dung sách nào cũng giống nhau, vì tinh thần học đề thi, dạy đề thi và vì cách thi khảo bài máy móc và đồng loạt khiến cho triết học trên thực tế chỉ còn là giáo khoa triết, có tính chất hình thức và kinh viện. Tôi không phủ nhận có giáo sư dạy cho học sinh những kiến thức ngoài sách vở, những suy tư độc đáo, nhưng ngay các vị giáo sư hiếm hoi

đó cũng phải dạy phần chính là các kiến thức đại loại kiểu trực-giác là gì, suy-luận là gì? có mấy thứ trực-giác? so sánh trực-giác và suy-luận, nếu các vị đó muốn tiếp tục hành nghề giáo sư triết. Các sách giáo khoa tuy nhiều nhưng nghèo nàn vì chỉ là sách Tây chuyển ngữ sang tiếng Việt, có khác nhau thì chỉ về phần trình bày, về các tiêu-đề, cách xếp đặt chương cú, thêm thắt ảnh hình. Do đó ta có thể phê bình cùng một lúc nội dung của chúng. Đây tôi không xét chi tiết từng điểm của chương trình triết, tôi chỉ nêu lên một số điểm chính để chứng minh sự phá sản của cái gọi là triết học đó. Triết học là một nỗ lực toàn-thề-hóa các kiến thức và kinh nghiệm thành một toàn-thề biện-chứng và ý nghĩa trong viễn tượng lịch-sử-hóa, nhưng ở đây ta chỉ thấy có sự chia cắt kinh nghiệm và kiến thức thành những mảnh vụn. Chỉ xét trong chương trình đầy đủ nhất của ban C,D, ta thấy những gì?

TÂM-LÝ HỌC

Tâm lý học đã dần dần trở thành một khoa học nhân văn và tách ra khỏi nguồn gốc siêu hình của nó. Khuynh hướng thực nghiệm ngày càng phát triển lấn lướt khuynh hướng siêu hình và tạo ra rất nhiều ngành tâm lý học khoa học chuyên biệt như: Tâm cử học, tâm lý học xã hội, tâm bệnh lý học, tâm trắc lượng, tâm lý học so sánh... Theo quan điểm thực nghiệm, Tâm lý học không còn là triết học, vì lãnh vực và phương pháp tâm lý học đã có những tiêu chuẩn khoa học đạt tới được định luật. Các vấn đề như hồn xác, bản ngã, tự do, và các vấn đề bản tính của các hiện tượng tâm lý không còn được coi là những vấn đề tâm lý học. Tâm lý học thế kỷ 20 đã hoàn toàn được giải phóng khỏi triết học và bằng lòng phát triển khiêm

nhượng nhưng hiệu nghiệm, trong lãnh vực giới hạn nhưng chắc chắn của nó.

Tâm lý học ở đây thì khác, nó vẫn được coi là triết học. Trong các sách giáo khoa tâm lý có đề cập tới những phát triển của các ngành tâm lý học khoa học, tới Fechner, Pavlov, Watson, nhưng một cách đơn giản sơ sài, hầu như các kiến thức khoa học đó không được coi là cùng đích mà chỉ là phương tiện để đặt những vấn đề triết học, không được coi là những câu trả lời mà là những vấn nạn cho suy tư siêu hình mà thôi. Nói cách khác, Tâm lý học được dạy trong viễn tượng tâm lý học siêu hình, vượt lên trên tâm lý học thực nghiệm để tiến tới bản tính của các hiện tượng, tiến tới một quan niệm về tự do và về tinh thần linh-thiên của con người. Vì thế trong các sách giáo khoa, vai trò chính vẫn dành cho những Bergson, Merleau Ponty, Sartre và vấn đề triết lý và siêu hình có thể nói chiếm tới phân nửa: chẳng hạn tương quan giữa hồn và xác, bản tính của bản ngã, của ký ức, của vô thức, tự do, nhân vị...

Cái ý định đó có phần chính đáng, nhưng cách giải quyết và cách nêu ra những vấn đề tâm lý trong toàn bộ không chính đáng, có hại thay vì có lợi. Trong khoa học cũng như trong triết học, sự sáng tỏ và minh bạch là điều kiện cần thiết. Cần phân biệt rõ rệt lãnh vực, phương pháp từng môn thì mới có thể tránh được hàm hồ và có thể tiến bộ trên bình diện khoa học cũng như trên bình diện triết học. Sự mập mờ và trộn lẫn hai lãnh vực khoa học và triết học trong tâm lý học, ở cách đặt vấn đề cũng như cách giải vấn đề là minh chứng cố gắng ngoạn cố nhằm linh-thiên-hóa vật chất, siêu-bình-hóa khoa-học để trói buộc tinh thần khoa học và tinh thần

nhân bản. Cái hay của phương pháp đó là làm người ta không thể phân biệt được alchimie với chimie. Sự giao liên hỗn độn tâm lý học khoa học và tâm lý học siêu hình tạo ra một sự hỗn loạn mờ ám, làm thất bại cả hai mục tiêu khoa học và triết học. Từ một quan niệm duy linh hẹp hòi, con người đã bị phân tích một cách trừu tượng thành các quan năng cốt yếu là tinh thần và ý thức, làm như sinh hoạt thuần túy tinh thần là sinh hoạt chính, thực và có giá trị nhất. Nhưng tinh thần quyết định hiện hữu hay hiện hữu quyết định tinh thần? Phải chăng phương pháp đó là biện pháp chặn đứng cái gọi là chủ nghĩa duy vật khoa học đê hèn, thô bỉ, cái gọi là chủ nghĩa duy khoa học, hay chỉ là các cản trở sự phát triển của tinh thần đích thực, của chủ nghĩa nhân bản và nuôi dưỡng chủ nghĩa siêu hình duy linh trung cổ. Con người do sự tổng hợp các yếu tố trừu tượng và linh thiêng đó lại chỉ có thể là hình ảnh của các triết gia trong tháp ngà của những nhà tu bồ cô độc ở bên lề lịch sử, bên lề cuộc đời, chỉ sống bằng một tinh thần chiêm ngưỡng bệnh hoạn và yếu ớt chứ không phải là con người thật trong hiện hữu xã hội lịch sử, vật chất và văn hóa.

Tâm lý học là một cửa ngõ để đặt những vấn đề triết lý về con người. Từ sự khảo cứu căn cứ vào các dữ kiện chắc chắn của thực nghiệm, vấn đề triết lý sẽ hiện ra với sự cần thiết và minh bạch của nó. Thí dụ vấn đề linh hồn, tự do, bản ngã, tri hành, tương quan tư tưởng và thực tại, tất cả trong sự cụ thể thực tiễn. Nhưng không phải suy luận từ đó để đặt và giải quyết các vấn đề đó một cách mù mịt và ngu dân như hiện tại. Không phải đó là cơ hội để tạo

ra một tâm lý học siêu hình vì đó chỉ là siêu-hình-hóa tâm-lý-học, cũng như không phải là đề tâm lý hóa siêu hình học, mà là Tâm lý học như tâm lý học, siêu hình học như siêu hình học; phải được chính danh, tôn trọng trong nghiên cứu cũng như trong sự phạm. Bởi vì quan niệm duy linh thần bí, duy tâm siêu hình và tinh không còn thích hợp với tinh thần khoa học và triết học hiện nay. Làm sao với một tinh thần đó có thể phát triển được khoa học, tổng hợp triết học, toàn-thể-hóa kinh nghiệm trong đó vật và tâm, thực hữu và ý thức, con người và con người, nhân loại và nhiên giới được hiểu trong một toàn-thể biện-chứng và sinh-thành lịch-sử? Bởi vì chỉ với một dự phóng triết lý thì mới có triết lý dự phóng dù khởi điểm bắt nguồn từ lãnh vực nào.

ĐẠO-ĐỨC HỌC

Đạo-đức học được định nghĩa như khoa học quy phạm về thiện ác là quan niệm đạo đức học bắt nguồn từ Kant, một đạo đức học thuần túy hình thức, đạo đức học của ý hướng, đạo đức không nội dung. Các chương mục căn bản, lương tâm, trách nhiệm, quyền lợi, nhân vị, thân thể và tinh thần... được quan niệm theo đạo-đức-học ý hướng, không cụ thể. Cách đặt vấn đề luôn luôn dựa trên lập trường phổ biến hình thức. Với quan niệm đạo đức học tuyệt đối, quy phạm — mệnh lệnh tuyệt đối của Kant — đúng mọi nơi và mọi thời, đó chỉ là đạo đức học không tương vì nó không phải là đạo đức học của một thời nào, một nơi nào.

Đôi khi đạo đức học hình thức được bỏ tước bằng đạo đức sôi động hiện đại là hiện-sinh chủ-nghĩa. Nhưng kết quả chỉ

là mây khói. Căn bản của tự do tuyệt đối của Sartre là hư vô, trong đó chỉ có sự quyết định là có giá trị. Một nền đạo đức chỉ đề cao hành vi cá nhân của chủ thể, và đối với nó, ý định tự do của hành vi ấy là tiêu chuẩn quyết định của đạo đức, chỉ có thể là một đạo-đức-học ý hướng. Dưới một khẩu hiệu dẫn thân, hiện sinh là một chủ nghĩa hư vô hoạt động, với nhãn hiệu nhân bản, hiện sinh là đạo đức phi nhân bản. Con người hiện sinh là con người phi lịch sử, phi xã hội, do đó mọi cố gắng đi từ ý thức, từ cá nhân để tiến sang thực tại, sang xã hội và loài người là một cố gắng vô vọng, không thể nào gia nhập vào xã hội vào lịch sử.

Đạo đức học hình thức chỉ đưa tới hình thức đạo đức. Các vấn đề đạo đức được đặt ra không phải là những vấn đề vô giá trị mà là vô nghĩa. Nó chỉ biểu lộ được cảm xúc của những người không còn sống trong lòng và tâm thức Việt hiện tại, mà trong một thế giới vắng mặt, một nhân loại trừu tượng với những công bình, bác ái, tự do trừu tượng và ảo tưởng. Tính chất bất lực và giả dối chỉ hiện rõ thêm ở sự kiện người ta rao giảng một đạo đức lý tưởng muôn đời cho một cuộc đời lịch sử trong đó thực trạng xã hội, quân sự, kinh tế, văn hóa, chính trị phủ nhận và trả đũa lên đạo đức muôn đời.

Phần đạo đức ứng dụng đã bị bỏ đi từ 1961 — gồm có các phần liên quan tới chính trị, kinh tế, quốc gia, quốc tế... Điều đó càng cho thấy rõ ràng đạo đức học lý thuyết là lý thuyết của đạo đức học. Phần các thuyết lớn về đạo đức Đông và Tây cũng thuần túy ở trong quan niệm chiêm ngưỡng, với mục phiêu là trình bày các thuyết đạo đức để tìm

giá trị quá khứ, để nhìn quá khứ như quá khứ. Thái độ chiêm ngưỡng cắt đứt hẳn kích thước tương lai và dây rốn của tri hành hợp nhất gắn liền nó với cuộc đời cụ thể, nối liền con người với lịch sử con người. Thái độ đo phủ nhận nội dung để giữ hình thức, phủ nhận vật chất để giữ tinh thần, phủ nhận toàn thể và xã hội để giữ lấy cá nhân, phủ nhận lịch sử để giữ lấy vĩnh cửu. Với chủ trương đạo đức đó con người không còn gì để nghĩ và để làm, để thành công hay thất bại, để sống hay chết. Nó đã đi ra khỏi cuộc đời vì nó không còn cuộc đời. Dự phóng đạo đức thực sự là của con người cụ thể hiện hữu trong thế giới con người nhằm giải quyết tri hành các vấn đề thực tiễn theo đà phát triển của xã hội loài người. Điểm chính là con người tạo ra đạo đức, không phải đạo đức tạo ra con người. Cần phải bỏ cái ảo tưởng đạo đức trường cửu, tuyệt đối, bỏ quan niệm hư-vô phi-lịch-sử để kiến tạo chủ nghĩa nhân bản. Vấn đề đạo đức không phải là một vấn đề ý thức, không phải là một vấn đề cá nhân, một vấn đề trường cửu, mà là một vấn đề cốt yếu thực tiễn, cốt yếu xã hội và cốt yếu lịch sử. Trong lập trường hiện thực đó, không những đạo đức học phải gắn liền với cuộc đời mà cuộc đời cũng phải gắn liền với đạo đức học.

LUẬN-LÝ HỌC

Danh từ luận-lý-học thiết tưởng không chính xác để chỉ nội dung thực của môn học. Trong sự phát triển hiện đại, luận lý học là một khoa học, một thứ toán về lý luận có tham vọng bao gồm mọi ngành toán học trong viễn tượng của chân lý phân tích tiên nghiệm. Như thế không có vấn đề luận-lý-học là triết

học mà chỉ có vấn đề luận lý học ở trong phần khoa học luận. Nội dung chính của môn học là triết học về khoa học và trong nghĩa đó, các vấn đề như các nguyên tắc của lý trí, các phương pháp của tư tưởng không phải là những vấn đề của triết học về khoa học, mà thuộc về phần tri-thức-luận của siêu hình học.

Trong phần giáo khoa khảo về phương pháp của các ngành toán, khoa học thực nghiệm và nhân văn cũng như trong phần khảo về giá trị chân lý của các ngành đó, khuyết điểm cần phải nêu ra là quan điểm nghiên cứu hình thức, trừu tượng phi lịch sử. Đặc tính của trừu tượng làm nghèo thực tại khoa học, không những nó tách rời hoạt động khoa học khỏi sinh hoạt xã hội kinh tế toàn thể, mà còn tách rời các khoa học với nhau và chỉ tổng hợp chúng lại một cách hình thức và cục bộ. Tách khoa học ra khỏi đời sống sản xuất và xã hội của các giai đoạn lịch sử để chỉ xét nó dưới khía cạnh chân lý, tách rời chân lý khoa học ra khỏi chân lý thực tiễn và sống động của cộng đồng con người để chỉ nhìn nó trong chiều hướng trí thức và cá nhân, luận lý học đã theo phương pháp sai lầm phủ nhận lịch sử tính và toàn thể tính. Lịch sử tính không phải đòi hỏi để biến cố này kế tiếp biến cố kia, không phải dán ngày tháng lên các phát minh khoa học mà là chính sự miên tục sinh thành của vận động toàn thể và sinh động do hủy tính tranh đấu tạo ra. Sự tiến triển đó giống như sự triển nở của một cơ thể trong đó mỗi cơ quan hòa hợp mật thiết với các cơ quan khác và với toàn

cơ thể, trong đó sự sống và động cơ năng lực là diễn trình sinh sản, tiêu diệt, nội tại không ngừng. Khoa học và chân lý khoa học chỉ là những thời khắc của sự phát triển lịch sử và chân lý, phải hiểu trong cái nghĩa lịch sử cụ thể về sự sản xuất của con người. Khoa học ngày nay đã biến đổi thế giới như chưa từng thấy và trong xã hội ta nhu cầu khoa học hóa các lực lượng sản xuất như là yếu tố cách mạng tất yếu để thay đổi vận mạng của mình. Sự thật khoa học đã bị che dấu khi nó không còn là sự thật khoa học lịch sử. Khoa học bị trừu tượng hóa tới hai lần trong hoàn cảnh xã hội ta. Nó trở thành biểu tượng của biểu tượng. Những loại hình học phi Euclide, thuyết về các nhóm, thuyết bất định khoa học, nền tảng qui nạp... đã trở thành thần chú. Đó là tượng trưng của tư tưởng rỗng không, gian lận, cóp nhặt, vô giá trị, của sự phá sản trí thức.

Ý thức phủ nhận lịch sử là phản ảnh của đời sống không lịch sử. Tính chất bất thực và ảo tưởng, gian lận của triết học không phải là nguyên nhân mà là hình ảnh tinh thần của tình trạng đánh mất lịch sử, của lịch-sử-không-lịch-sử, trong đó không còn thực chất tính, toàn thể tính, cơ thể tính, thời gian tính, trong đó không còn hy vọng mà chỉ còn những vòng luân hồi vô hạn.

(còn tiếp 1 kỳ)

TAM-ĐIỀM

Kỳ tới : Siêu hình học và Triết học Đông-phương.

Nhà xuất bản CA DAO mới phát hành :

— NGHỆ THUẬT, TRUYỀN THỐNG và CHÂN LÝ của Walter Kaufmann

— ĐÔI BẠN CHÂN TÌNH của Hermann Hesse.

VÂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie



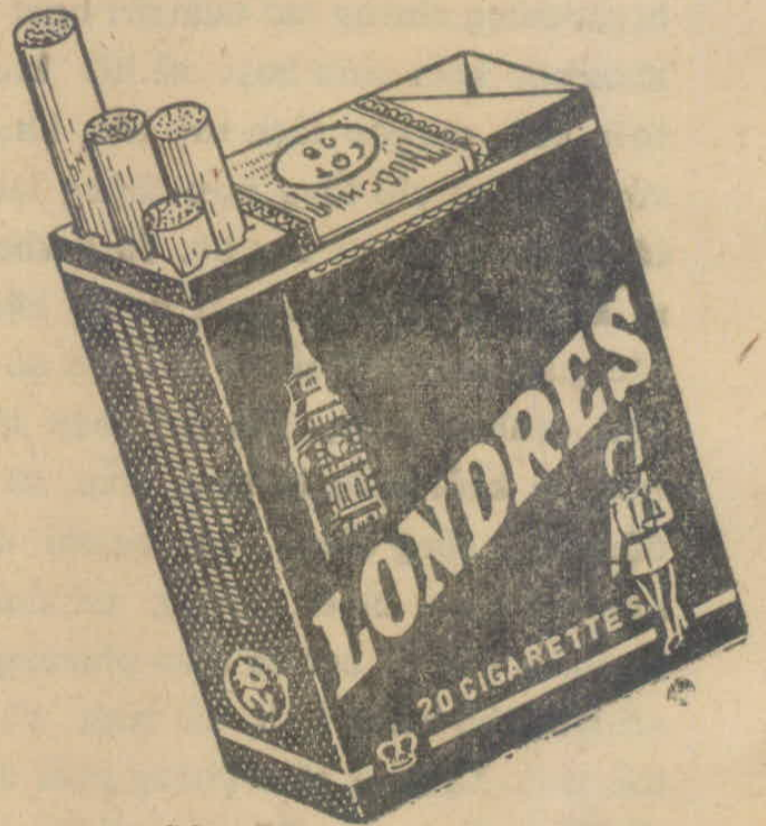
LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 *đặc điểm*

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

Điểm Sáng

Truyện ngắn LÊ TẤT ĐIỀU

Cho đến bây giờ tôi vẫn đinh ninh rằng cô gái, hay người đàn bà? đó làm khổ tôi, gây trong trí tôi một nỗi ám ảnh khó tẩy xóa. Nàng là ngọn đèn pha tình yêu làm tôi chói mắt, sau đó, nhìn những cô gái khác tôi chỉ thấy những màu sắc mờ nhạt.

Tại bạn tôi thì đũa nào cũng ít nhất có một lần khổ vì đàn bà. Đại khái tên nào cũng bị vỡ mặt ngay ở mối tình đầu. Mối tình đầu thường có cái đại đột là đến quá sớm, đến đúng lúc chúng tôi còn là nhóc con, cái gì cũng chỉ hiểu biết lơ mơ. May phúc nó lại tan vỡ kịp thời. Nếu không, chúng tôi sẽ biến thành những anh cù lần chưa hai mươi tuổi đã bồng con, dắt vợ đi chúc tết họ nội, họ ngoại. Cảnh đó còn chui gấp ngàn lần chuyện thất tình.

Thằng Phục gặp rắc rối với con gái từ năm chàng ta mới học đệ lục. Cô cậu cùng học trường tư, cùng đi xe đạp tới trường, chung một đoạn đường cỡ nửa cây số. Phục đi học sớm, chờ ở góc đường, đợi khi nàng đi qua hẳn cười toe một cái chào đón. Dĩ nhiên cô gái nhỏ, thường đã biết cách giữ gìn, kín đáo theo kiểu các cô lớn, chẳng bao giờ cười lại và cũng chẳng thèm nhìn cái mặt hần nữa. Tan học, Phục đạp xe theo cô gái, thỉnh thoảng lại vọt lên trước mặt nàng biểu diễn vài đường đảo xe nguy hiểm. Nhưng hai gia đình chàng, nàng lại không môn đăng hộ đối. Khi cô gái có Solex mới đi học thì Phục vẫn đạp xe đạp như thường. Cuộc theo đuổi trở nên vô cùng gay go, vất vả. Trong lúc cô gái nhỏ ngồi thẳng người, mặt nghiêm trang, tinh bơ mặc cho sức máy đưa đi vùn vụt thì chàng Phục cong cò đạp. Cái xe cũ kỹ lại rất ham tuột xích đúng vào lúc hần sắp theo kịp nàng. Phục chừa như phá xe, nó buộc đủ thứ dây thép vào tai hồng mà xe vẫn không hết bệnh. Mối tình đi dần đến chỗ tan vỡ vì giai cấp chênh lệch.

Cầu thất tình vì yêu một cô gái hơn nó đến năm tuổi. Hưng thất tình vì không dám tỏ tình... Tất cả những chuyện đó đều thuộc loại chuyện vui, có thể đem kể nghe chơi bất cứ lúc nào. Mối tình đầu biến thành một kỷ niệm màu hồng, dịu dàng và thân mật như những bông hoa phượng của mùa hè đầu tiên. Nó gọi nhớ thương, băng khuâng và nó đem lại nụ cười.

Nhưng trường hợp của tôi khác hẳn. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi không ngây thơ vô tội như những mối tình kiểu đó. Nó đến, nó đi đột ngột, bất ngờ. Cô gái đó không làm tôi đau khổ. Tôi nhớ đến cô ta một cách sung sướng. Nhưng cô ta

chính là nguyên nhân những đau khổ, thất bại sau này của tôi. Tôi trở nên khó khăn với đàn bà, con gái. Cách nhìn đời của tôi bỗng dưng cũng lệch lạc, xáo trộn.

Hồi đó tôi đang chầu học. Chán thôi, chưa có ý muốn bỏ. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng đó là ông giáo sư triết học của tôi. Tôi mến và phục ông. Ở ông có một vẻ gì thâm trầm, bí mật mà tôi rất thích. Nhất là những tiếng mới được ông sáng chế ra hàng loạt, phát cho tụi tôi dùng mỗi kỳ giảng bài. Đó là thứ ngôn ngữ sáng lóng lánh như kim cương mà bất cứ sinh viên nào cũng muốn kết thành chuỗi đeo ở cổ đi vung vít làm chói mắt thiên hạ. Tài phịa chữ của ông tinh vi hơn tất cả các giáo sư khác. Nhiều sự kiện chúng tôi phải giảng giải một cách khó khăn bằng hàng chục câu được ông vo tròn lại, ép thật kỹ rồi nhét vào một hay hai chữ là vừa xoắn, không thừa không thiếu. Chúng tôi đều phục ông sát đất. Bài giảng của ông cô đọng quá nên khó hiểu và nặng như đá, nhiều đoạn đọc vào rồi nó lại nảy ra, nhưng chúng tôi vẫn khoái kinh khủng. Chúng tôi nói chuyện với nhau bằng những chữ mới, chúng tôi đua nhau đem phổ biến mấy món đó. Có công nhất trong vụ này là những tên làm tờ nội san. Chắc ông giáo sư triết cũng không ngờ và không khoái cái kết quả đó. Sự quan trọng chính ở những điều ông muốn truyền thụ cho học trò, bất cứ dưới hình thức văn chương nào. Nhưng có ít nhất chín trong số mười tên học trò ông lại chỉ khoái cái lối hành văn ly kỳ của ông. Nghĩa là ông trao cho chúng tôi một hộp thuốc bỏ thì chúng tôi vứt cha nó hết thuốc đi chỉ giữ lại cái hộp vẽ hoa hoè hoa sỏi để đem đeo tòn ten trước ngực. Tên nào không thích khoa trương thì đem những cái hộp rỗng màu mè đó nghiền nát ra uống cho đầy bụng.

Cái bệnh nghiện sự bí hiểm lan tràn như bệnh dịch và xin thú thực, tôi cũng đã mắc bệnh đó khá nặng. Có hồi tôi trở nên ít nói hẳn vì cha mẹ, anh em tôi nói một thứ ngôn ngữ bình dân, thực tế quá rất có hại cho trí thức của tôi. Cái kiến thức khó tiêu của ông giáo sư triết biến thành một tấm thảm thần đưa tôi lên cao chót vót chín tầng mây. Tôi nhìn xuống đám nhân loại đang đau khổ mà thương hại. Con người! Con người, những tiếng đó tro khắc, nhạt nhẽo, nó không hề nhắc nhở đến cái nhìn che chở, dịu dàng của mẹ tôi. Nó không nhắc nhở đến những vết hằn lo lắng vì chạy gạo cho con in trên khuôn mặt nghiêm khắc và sâu muộn của cha tôi. Cảm giác lạnh lùng đó cũng đã từng đến với tôi khi tôi học những bài địa lý đưa tôi vào không gian. Trái đất là một hành tinh quay một cách mù quáng, là một chấm sáng trong cõi mệnh mông. Mái nhà thân yêu của tôi nằm ở nơi nào? Tiếng lá động nhẹ nhàng trong những buổi mai đẹp đã lưu lạc về đâu?

Tôi không thể, cùng một lúc, nghĩ đến hơi thở nồng nàn của những người quanh tôi và cái vẻ vô vị của trái đất không lồ chỉ biết quay. Có lẽ tôi chưa tới tuổi có đôi mắt của một chuyên viên. Có lẽ tôi không đủ thông minh để hiểu những điều vị giáo sư triết muốn nói. Cuối cùng, tôi chỉ biết say mê cái vẻ bí hiểm của ông. Dưới cái nhìn của tôi dĩ nhiên ông là kẻ đeo tòn ten trước ngực nhiều hộp vẽ hoa hoè, hoa sỏi nhất.

Tôi khoái giọng nói trầm tĩnh, những cái nhíu mày suy tư của ông. Ông gần năm mươi tuổi, trán hói tới quá đỉnh đầu, những sợi tóc còn lại trắng đen lẫn lộn,

mọc ra lưng chừng cái sọ trí thức và phủ xuống tạo thành hình vành khăn. Ông đi đứng khoan thai, chừng mực cái nhìn xa vời như luôn luôn bị những tư tưởng nằm ở chân trời thu hút. Trước khi giảng bài, bao giờ ông cũng giữ im lặng một hai phút. Có khi ông nhìn chúng tôi một cách không chăm chú, có khi ông nhìn quanh, tay vuốt nhẹ nhẹ những tờ giấy đề trước mặt. Khó biết là ông đang mệt mỏi hay thực sự băn khoăn. Hình như ông sinh ra đời chỉ để suy nghĩ trầm lặng, không phải để ngồi nói lấp nháp cho chúng tôi nghe, dù là nói những điều thật cao siêu trong địa hạt tư tưởng.

Chúng tôi tôn trọng và hơi sợ những phút yên lặng đó. Tất cả im thin thít như chỉ ngại một cử động thô kệch, trần tục của mình sẽ làm ông tàng hình mất tiêu cùng với những danh từ lóng lánh như kim cương.

Tôi thấy ông không phải là một kẻ chỉ có cái thân xác tầm thường, đứng giữa trần gian như mọi người. Ông có rất nhiều đồ phụ tùng vây quanh. Đó là những núi cao, rừng thẳm tư tưởng. Ngoài vẻ già nua và cái đầu hói khá kỳ cục ra, ông có tất cả những điều chúng tôi ước ao, muốn bắt chước. Cái nhìn xa vời, lơ đãng của ông là món thời trang thịnh hành nhất sau mớ danh từ nhiều màu sắc.

Tôi nghĩ đến ông như nghĩ đến một nhân vật siêu phàm. Ngoài việc dạy học ra, ông không nên có một liên lạc nào khác với đời thực tế ngổ ngàng này. Ông không phải làm một việc tầm thường nào kể cả cái việc vào cầu tiêu. Tôi tưởng rằng, sau khi giảng bài, ông lặng lẽ trở về một thư viện hơi tối tăm, quanh quẩn giữa các kệ sách, đối thoại tranh luận một cách im lặng với các nhà tư tưởng tự ngàn xưa. Ông sống bằng cách ăn uống những dòng chữ. Hoặc tốt hơn hết, ông cứ biến mẹ nó thành một cuốn sách dày cộm, nhẩy vào một cái học nào đó năm chờ cho tới buổi giảng dạy sau. Như trên đã nói, có lẽ tôi chưa đủ tuổi, để có một cái nhìn đứng đắn, để chấp nhận cùng một lúc nhiều sự kiện mâu thuẫn.

Thế nên, khi tình cờ bắt gặp ông giáo sư triết của tôi đi mua sữa thì tôi thất vọng quá xá. Hồi ấy một số thực phẩm trở nên khan hiếm vì nạn ba Tàu đầu cơ. Người ta chen lấn, chửi bới nhau kịch liệt trước các tiệm tạp hóa để tranh nhau mua mấy hộp sữa. Tôi không hề thấy ông giáo sư của tôi chen lấn. Ông đứng ở góc đường, cạnh cột đèn xanh đỏ, đang chờ qua đường. Hai tay ông vòng trước ngực ôm ba hộp sữa bò. Ba hộp sữa nào có to lớn gì. Thế nên cái cách ôm bằng hai tay của ông có vẻ trịnh trọng, chắc lếp quá. Lưng ông hơi gù. Đầu ông cúi xuống như để tránh nắng. Cách chỗ ông đứng năm, sáu thước một cảnh chen lấn khốc liệt đang diễn ra trước một tiệm tạp hóa khá lớn. Tiệm đóng cửa sắt, có hàng trăm cánh tay dơ lên múa men, chơi với, xin xỏ trên cái cửa sắt đó.

Ông giáo sư của tôi không hề chen lấn một cách khỗ sở như thế. Có thể ông chỉ tình cờ ôm mấy hộp sữa đi qua đây? Hoặc ai nhờ ông cầm về hộ? Hoặc ông đã thuê một kẻ nào chen lấn cho? Biết bao nhiêu lý do khiến tôi có thể nghĩ rằng ông không hề góp mặt trong cái cảnh thế thảm đó. Nhưng tôi cứ lại nhất quyết tin rằng ông đã phải chen nhau để mua mấy hộp sữa. Tôi tưởng tượng ra

cảnh ấy và cảm thấy tâm hồn mình bị thương nặng, Tôi là kẻ leo núi, thấy những tảng đá mình đang bám víu rã tan dần dần.

Ông giáo sư của tôi có thể nổi điên chửi bới tục tĩu tất cả hoặc hò la, nhảy múa. Ông có thể thỉnh linh nhảy Twist giữa giảng đường hoặc đề đầu bù xù kiểu Beatles. Gì cũng được, nhưng đừng có đi chen lấn mua sữa hộp! Tôi choáng váng khổ sở và thương ông, thương thật tình. Nhưng một thần tượng chỉ còn gọi lòng thương của đám tín đồ là một thần tượng đã ngã gục.

Hàng tháng trời tôi căm thù người Tàu. Tôi cứ hy vọng một ngày nào đó có thể kéo bạn bè vào chợ lớn biểu tình đập phá một trận. Đó là nơi bình yên, giàu có đến độ tàn nhẫn. Bà con ta cứ việc bày đặt đủ các mục chia rẽ, kỳ thị để cấu xé nhau và mấy anh Tàu cứ đoàn kết, giàu có và an toàn. Tư tưởng của vị giáo sư ảnh hưởng trên xã hội thế nào tôi chưa thấy rõ. Nhưng cái cảnh ông ôm ba hộp sữa đứng ở góc đường rất có thể do một anh Tàu cời trần suốt ngày, gãi rốn cảnh cách, gây ra. Tôi còn thấy nền giáo dục của nước ta thiếu mất cái môn «các phương pháp chống gian thương ba Tàu» Tôi ôm mộng sẽ viết một cuốn sách dày khuyên mọi người nên ghét Tàu như tôi. Nhiều lúc, tôi cảm thấy ngộp thở vì căm hờn.

Giờ của ông giáo sư Triết bắt đầu bớt vẻ bí hiểm hấp dẫn. Tôi mất hết sự háng hái, lúc nào cũng mệt mỏi, uể oải như một người bệnh. Dần dần, tôi khoái ngồi vẽ nhảm nhí hơn là nghe ông nói. Tôi cảm thấy mơ hồ rằng ở ông, ở tôi, ở cái giảng đường này thiếu mất một cái gì.

Cuối cùng, tôi thường chuồn ra ngoài ngồi vắt vẻo trên bờ tường hành lang nhìn ngược, xuôi nghĩ vẩn vơ hoặc đi lang thang với mấy cô em văn nghệ. Mấy em này tôi quen nhân dịp gia nhập ban nhạc nhà trường. Tôi được giữ giàu trống. Tại bạn đời hờn danh cho tôi là «Phi trống» nghe cũng chương, nhưng còn đỡ hơn cái tên «Phi gà tồ» luôn luôn nhắc nhở cái thân thể nặng nề, dềnh dàng của tôi. Với mấy cô em văn nghệ, tôi cũng chỉ có mỗi một mục rủ họ đến một tiệm ăn ở đường Pasteur đớp bánh cuốn. Ăn xong rồi về là vừa hết buổi sáng, chả có gì lý thú hết. Ấy thế mà mấy thằng bạn tôi cũng ghen lồng lên.

Cô em xinh xắn nhất bọn được tôi đặt tên là Sao Mai. Hình như nàng cảm động và có yêu tôi chút đỉnh. Sao Mai thuộc loại hiện sinh nửa mùa, ham đóng vai một cô gái già già và đã từng đau khổ nhiều. Nàng hay làm bộ tỉnh bơ, bất cần. Thực tình tôi không ưa loại con gái đó. Chắc chắn tôi đã không thân với Sao Mai nếu cô ta không có nụ cười rất hồn nhiên, trẻ thơ. Nụ cười xóa hết sự lạnh lùng giả tạo và hai má lúm đồng tiền và đôi mắt sáng long lanh. Đi với cô ta lúc khoái trí tôi cứ việc chửi thề như một tên vô giáo dục. Thỉnh thoảng, buồn tình, tôi còn có thể choang ra một câu kiểu này :

— Có lẽ anh sắp yêu em, bây giờ anh đã bắt đầu cảm thấy muốn được ngủ với em.

Di nhiên, tôi chỉ dọa dẫm lếu láo thế thôi. Tìm cách để ngủ với một cô gái đối với tôi không phải là chuyện dễ. Biết bao nhiêu rắc rối phiền phức mà tôi

chưa biết cách vượt qua. Tôi chỉ nói một cách sỗ sàng cho nó có vẻ chli. Sao Mai thường đỏ mặt lúng túng nhưng bao giờ cũng chịu đựng vui vẻ và cũng đáp sỗ sàng lại rất hách,

Ăn bánh cuốn xong chúng tôi thường dắt nhau đi trên những con đường yên tĩnh bao quanh một bệnh viện lớn. Chúng tôi nói với nhau đủ thứ chuyện lảm cẩm và nhiều khi cùng cười rũ rượi. Nhưng chưa bao giờ hai đứa cảm thấy đủ xúc động để tỏ tình với nhau. Đứa nào cũng ra vẻ lì lợm bất cần nên coi những lời dành cho chuyện yêu đương là cái lương, lỗ bịch.

Những con đường chúng tôi đi qua thật đẹp và vắng. Cây hai bên đường cao và thẳng tắp. Những cành lá gặp gỡ nhau trên cao tạo thành một cái mái che dày, kín khiến mặt đường chỉ còn phơn phớt nắng. Lề đường cỏ dại mọc xanh mướt. Tường bệnh viện phủ rêu mờ. Tiếng ve kêu hoài hoài từ ngày nọ qua ngày kia nhắc nhở một không gian êm đềm quen thuộc. Có đường sạch như không vẩn bụi, mặt nhựa xám đậm, đôi khi còn giữ được nét tươi mát của trận mưa chiều hôm trước. Tôi thích đi trên mép vỉa hè để thỉnh thoảng có thể nhảy nhót qua những đoạn bị cỏ mọc phủ kín. Cuối con đường tình ái nhẹ nhàng của chúng tôi có một đám cưới? một phòng ngủ? Chắc chắn là không. Chúng tôi đi khơi khơi như vậy rồi về và định ninh là đang yêu nhau.

Di nhiên tôi cũng rất thích khuôn mặt đẹp của Sao Mai, thân hình mềm mại và đôi bàn tay thật trắng của nàng. Tôi thích nghe tiếng guốc khua đều đặn, mực thước bên tiếng giầy lẹt xẹt, uể oải của tôi. Tôi thích chọc cho Sao Mai cười. Tôi thích túm lấy một vạt áo dài của cô ta đưa lên miệng ngậm để cô ta cuống quýt, quên phứt cái vẻ bất cần, lúng túng phản đối.

Có thể sau này, kể lại cho bạn bè nghe, tôi sẽ bày đặt, vẽ vờ rằng đó là kỷ niệm về một mối tình đẹp. Thực ra chẳng có quái gì hay ho. Hình như người ta không nên đi chơi với tình yêu vào buổi sáng, nhất là ở Saigon. Khi buổi sáng sắp biến thành buổi trưa tình cảnh thật tệ. Ánh nắng trên đường đậm màu hơn. Mái nhà hai bên đường như bốc khói và những bin đình cao ở phía xa sáng rực, chói chan. Tiếng ve kêu thành tiếng rên rĩ. Những giây phút thần tiên thơ mộng kể như tan tành hết. Tôi bắt đầu cảm thấy nóng nực khó chịu, thân thể ướt nham nháp mồ hôi. Người tôi bần thần, bại hoại. Ấy thế là chỉ mong sao trả cô nàng về nguyên quán thật nhanh để phóng thẳng về nhà tắm một cái cho sướng.

Nhưng sáng nào tôi cũng mong gặp Sao Mai. Không có cô ta thì tôi cũng đến chết dở vì chẳng biết làm gì khi bỏ ông giáo sư Triết. Tôi thường ngồi đợi nàng ở bờ tường trước hành lang, sách vở nhét trong ngực áo. Nàng sẽ trịnh trọng hiện ra ở một góc đường. Tôi sẽ giơ cao một tay lên, có lẽ nàng đã cười chào tôi từ lúc đó nhưng tôi không thấy. Sau đó thôi theo dõi bóng Sao Mai thấp thoáng sau hàng rào. Tôi nhảy xuống, chạy ra. Sao Mai thì bao giờ cũng khoan thai, nghiêm chỉnh. Tùy theo vai trò, thái độ nàng nghiên cứu từ đêm trước Sao Mai sẽ tươi cười hay làm bộ tỉnh bơ với tôi. Tuổi trẻ ngày nay thật khổ vì kịch cợt và Triết lý. Cũng may là buổi sáng chúng tôi đều thích ăn bánh cuốn.

Cuộc gặp gỡ định mệnh, gọi thế cho xôm, cũng diễn ra trong một buổi sáng tương tự.

Tôi ngồi trên bờ tường chờ Sao Mai và ngắm ánh nắng hồng trên những lá me non. Tôi cảm thấy mình mơ mộng như sắp sửa biến thành một thi sĩ rất lãng mạn. Sân trường vắng, chỉ còn anh chàng giữ xe ngồi bất động bên gốc cây si già hàng trăm năm. Vài con chim sẻ nhảy nhót trên bờ tường hành lang. Sau lưng tôi là lớp học đang phủ phục dưới những lời chỉ dạy của vị giáo sư già. Tôi tự do như một kẻ thất nghiệp.

Sao Mai không hiện ở góc đường như thường lệ, tôi cảm thấy sốt ruột. Lấy cuốn vở trong áo ra vuốt lại góc, đứng đưa chân, hát nho nhỏ, tưởng tượng mình là một hiệp sĩ đang đấu kiếm với kẻ gian, tất cả những mục đó đều không làm tôi bớt chán. Thời gian lững lờ, rề rề dễ ghét như một bà lão nói dai.

Trên con đường bên hông trường chợt vang lên tiếng bánh xe nghiến ken két trên mặt nhựa. Đang ngồi nhàn hạ vô vị thế, này mà lại được coi một màn tai nạn rùng rợn thì cũng đỡ khổ. Tôi quay phắt lại hy vọng thấy một thằng cha xấu số nào đó đang nằm dài, máu chảy tùm lum. Cảnh đó ít nhất cũng tiêu thụ giúp tôi nửa giờ. Qua hàng rào sắt, tôi thấy một chiếc xe Jeep hơi xoay ngang đường. Anh lính lái xe đang thò cổ ra chúm bới một tên đi xe đạp. Thế là hết. Nhưng trên cái nền nhà trống sát hàng rào có một cô gái đang chăm chú nhìn tôi. Hình như nàng đã nhìn tôi từ lâu lắm.

Nơi đây trước kia là trại binh. Vài căn nhà bị sụp đổ trong ngày đảo chính, giờ chỉ còn trơ lại cái nền. Lá vàng rơi đầy trên cái nền hoang không có ai quét đi một lần. Cảnh tượng cổ kính, thê lương như di tích của một ngàn năm trước. Cô gái ngồi trên lớp lá vàng tựa lưng vào khoảng tường chưa sụp đổ hết, tay đặt hồ hững lên cái bìa cứng đựng sách vở màu đen. Mái tóc dài thu cả về một bên vai, phủ xuống tới ngực. Lúc này, nàng không gọi sự chú ý, im lặng và khép nép như một chiếc lá đã rơi.

Gặp cái nhìn của tôi cô gái không tránh, không lúng túng lại đột ngột mỉm cười. Tôi hơi ngạc nhiên nhưng vội mỉm cười lại ngay. Tội gì, nắng nhạt chật bị mà. Vả lại, biết đâu tôi đã quen nàng mà quên mất.

Cười xong, tôi định quay đi. Nhưng cô gái đã đứng dậy, nàng mặc áo trắng, jupe màu nước biển đậm. Hai chân trắng trẻo ngon lành. Nàng hơi gầy nhưng thân hình đều đặn, không có vẻ thiếu thốn.

Nàng bước lên hành lang và tiến về phía tôi. Tôi xoay người lại, nhắc cẳng trái đặt vào phía bên trong tường, ngồi như người cưỡi ngựa. Cô gái hơn tôi ít nhất cũng bốn tuổi. Nhìn gần, em trang điểm hơi kỹ, mắt tô đen đậm. Nếu không trang điểm có lẽ cô ta tươi, trẻ xinh xắn hơn. Cái miệng nhỏ của nàng tôi vừa trông đã thích ngay.

— Anh không học giờ này sao ?

— Chán lắm chị ơi. Tôi đang định kiếm một nơi am thanh cảnh vắng đi tu quách cho đỡ phải gạ bài.

Cô gái chống khuỷu tay lên bờ tường, tỉ cầm lên tấm bìa cứng, nhìn về phía công trường, cười :

— Dóc. Đi tu thì đề Kim cho ai.

Kim là tên của Sao Mai. Ở cái trường này chả có chuyện gì gọi là bí mật hết.

— Hai người có vẻ du dương lắm đấy nhé.

Giọng cô gái thật bình thản, thâm mật. Tôi nhìn về góc đường, nơi Sao Mai vẫn xuất hiện.

— Có quái gì đâu. Bày đặt yêu nhau thế cho qua ngày đoạn tháng..

— Tôi mách Kim nghe.

— Chị quen Kim hả ?

Cô gái cười không không trả lời, đứng thẳng người, mở cái bìa cứng ra như có ý tìm cái gì. Trong lớp học bỗng có tiếng cười rú và tiếng vỗ tay ào ào. Tôi nhảy khỏi bờ tường, nhào tới đẩy cánh cửa sổ lắp kính đục nhìn vào. Không kịp. Cuộc vui đã hết. Chắc ông giáo sư già vừa khôi hài được một câu lý thú. Ông đang ngược mắt, tay chậm chậm lau cái kính cận, im lặng thâu nhận sự hoan nghênh, tôn phục của đám đệ tử. Ông lão này khôi hài là chuyện lạ lắm. Chờ ông nói được một câu dí dỏm thì chỉ có nước biến thành bộ xương khô. Tạo được nụ cười tươi trên môi ông cũng là chuyện xuân thu nhị kỳ. Ông vừa trình diễn cái mục gì mà tụi nó khoái trí dữ thế ? Thôi đề lát nữa hỏi chúng nó rồi cười sau vậy. Sao có lúc tôi thêm được cười quá sức !

Tôi trở lại đứng cạnh cô gái Nàng tựa người vào bờ tường, xoay nghiêng, người hơi ngửa ra, nhiều sợi tóc dài bao vòng quanh cái cổ trắng. Trông nàng thật hấp dẫn.

— Ban nhạc của anh hồi này ít hoạt động quá hả ?

Câu hỏi của cô gái khiến tôi hơi lúng túng và khó chịu. Ban nhạc của trường tôi vốn thuộc loại tồi tàn nhất. Tai đánh trống của tôi cũng là một trong những nguyên do khiến nó bị xếp hạng bét. Tôi gia nhập ban nhạc nhờ có vẫy cánh mạnh và vì thằng trưởng ban muốn có một nhạc công cao thước bảy, mặt mũi không đến nỗi tối tăm lắm, thế thôi. Nghe ai nhắc nhở tôi cũng nghi là họ có ý châm biếm.

— Tôi đang mong nó rẽ gánh đó chị ơi. Tôi thành nhạc công nhờ khéo bịp thằng trưởng ban.

— Tôi thích cái lối đập trống của anh.

Cô gái nói một cách nghiêm trang. Tôi đang sửa soạn mắc cỡ lại đâm ra cảm động. Sao Mai vẫn chưa tới. Con đường trước công trường chói nắng, bụi mù. Má cô gái hình như hồng lên.

— Mình đi lang thang một lúc đi.

Lời đề nghị hơi rụt rè, bỡ ngỡ. Tôi hỏi :

— Ngồi sau Solex được không ?

Cô gái gật đầu, lại cười. Khuôn mặt trắng ngần trên tấm bìa màu đen áp trước ngực. Nàng cười đẹp nhưng buồn hơn Sao Mai.

Lúc tôi dắt xe ra tới cổng trường, cô gái bỗng đổi ý :

— Thôi, anh làm ơn cho tôi về. Năng quá.

Tôi hơi bực. Em định bắt địa mình một cuộc xe chắc.

— Xa không ?

— Gần lắm, thì cũng như đi chơi vậy mà.

Con đường cô ta nói gần nhà Sao Mai. Tôi nghĩ rằng có thể đi ngược đường Sao Mai tới trường để tìm nàng. Giọng cô gái dịu dàng, khản khoản, không có vẻ khôn vặt. Tôi hơi hy vọng gặp Sao Mai dọc đường. Thấy cảnh này có thể nàng sẽ ghen chút xíu và sáng mai chúng tôi sẽ có đề tài tha hồ thảo luận.

Chúng tôi bàn về mấy tài tử xi nê. Tôi phê bình hơi đều nên thỉnh thoảng cô gái lại dấm nhẹ vào lưng tôi và cười. Máy xe Solex của tôi nổ khá thô tục nên nhiều câu nói của nàng tôi không nghe được,

Tôi dừng lại trước một cái bảng cấm. Cô gái nói : « anh cứ đi ngược chiều một đoạn ngắn thôi rồi quẹo trái. Thiên hạ đi thế cả » Giọng nói mạnh dạn như truyền lệnh.

Nhà nàng ở trên một con đường hẹp, chỉ vừa đủ chỗ cho hai chiếc xe loại du lịch tránh nhau. Tường nhà cao, phía trên còn một lớp dây thép gai. Những cây nhãn tươi tốt trồng trong vườn phủ cành lá ra tới bên ngoài. Cô gái mở khóa. Tôi phải phụ với nàng đẩy cánh cổng sắt.

— Không có ai ở nhà hả ?

— Đi vắng hết.

Một chú chó cao lớn xông ngay ra nhanh như chớp, gầm gừ. Không ngờ nhà em giàu và hách thế. « Anh vào chơi đã ». Tôi hơi lưỡng lự rồi chợt cảm thấy khát nước. Tôi dựa chiếc Solex vào gốc cây na khá lớn. Cả khu sân đất trước nhà là vườn trồng cây ăn trái. Vú sữa, cam, na, mít, nhãn... đủ thứ. Phải quen thân với em này để mùa trái cây kéo bạn tới giả vờ Picnic mới được.

Cô gái bước vào nhà nhanh nhẹn, tung tăng. Tay trái nàng quặt ra sau giữ cái kẹp sách vở ở ngang lưng trông có vẻ ngồ ngộ. Tôi không có gì cầm đành dứt hai tay vào túi bước hùng dũng như một anh cao bồi vườn. Con chó leo đèo đi theo người ở gần chân tôi chưa chịu tin cậy hẳn. Không khí mát dịu, hơi ẩm mùi đất.

Ngôi nhà có hình thức một anh Tây mặc áo gấm. Bên ngoài cũ kỹ, cồ lỗ, có cả mấy con số ghi năm xây cất bị sứt gần hết. Bên trong khác hẳn. Phòng khách

được trang trí, sáng sủa với những tiện nghi của một căn phòng thường đón tiếp nhiều khách. Tôi nhìn dãy ghế mây kê sát tường.

— Đây cũng tổ chức «boum» hả ?

— Đôi khi.

Tôi định ngồi xuống ghế. Nhưng cô gái vẫn đi tiếp tục đi vào phía trong.

— Phòng tôi trong này.

Ngồi lại với chú chó ở phòng khách cũng buồn, tôi đi theo nàng một cách tự nhiên. Chúng tôi qua một hành lang hẹp. Chỗ này có một cầu thang gỗ hình như dẫn xuống hầm. Vào phòng, cô gái vớt cái kẹp sách lên bàn, quì lên giường mở tung cánh cửa sổ. Phòng quét vôi màu xanh nhạt, dịu mát. Bàn trang điểm đặt cạnh bàn học và đầy sách. Trong khi bàn học lại có đủ thứ chai, lọ, gương, lược.

Tôi nghi sắp bị nàng đuổi ra nên dừng lại bên bàn học ngắm nghĩa những bông hoa hồng nhỏ xíu trong khối thủy tinh trong vắt. Trên một cuốn tự điển dày đặt ở bàn trang điểm có đến hàng chục con gà con bằng bông sợi đứng chụm mỏ vào nhau. Em này cũng có nhiều món làm cảm gớm.

Cô gái không đuổi tôi. Nàng nhặt cái lược chải sơ mái tóc rồi nhanh nhẹn chạy ra khỏi phòng.

— Chịu khó chờ một tí rồi có nước uống.

Tôi vớ một tờ báo đầy tranh hài hước, đến ngồi ngả người trên cái ghế xích đu đặt cạnh giường. Ghế thoảng mùi nước hoa thơm dịu. Tôi vẫn khoái cái món tranh hài hước. Nằm trong phòng một cô gái thế này kể cũng chướng. Tôi hơi hồi hộp một cách thú vị. Không biết căn nhà này còn những nhân vật nào và bao giờ họ về ? Sao Mai bữa nay làm sao mà không thấy vác mặt tới trường ? Ông giáo sư già tán dóc được câu gì hay ho mà tụi nó hoan nghênh dữ thế ? Hy vọng em này cho mình một ly nước cam. Nhà cỡ này thiếu gì cam để tủ lạnh.

Cô gái trở lại, mặc quần áo ngủ màu vàng nhạt có những chấm hồng. Cô ta tươi trẻ một cách không ngờ. Mẹ kiếp ! Các em thường có tài thay hình đổi dạng cứ như Tề Thiên đại Thánh. Tôi đặt tờ báo trên ngực, nhìn cô gái mỉm cười. Hai đứa có vẻ thân thiện như một cặp tình nhân. Em quên ly nước cho kẻ khát.

Em quên ly nước. Tôi xin thề rằng lúc đó tôi đang nghĩ như vậy, chưa hề đi xa hơn. Có thể được uống nước rồi tôi sẽ nghĩ đủ chuyện, nhưng lúc đó thì chưa. Cô gái tiến tới, đôi mắt đen tươi của nàng thoảng xao xuyên. Ở khuôn mặt nàng, ở cả thân thể nàng, tôi cảm thấy một nỗi xúc động, lao đao dữ dội bất ngờ. Đôi môi nhỏ xinh rung nhẹ như vừa chạm phải những âm thanh mong manh. Nàng có nói hai tiếng, hai tiếng tan ngay theo hơi thở... «Anh thiệt...» hay «anh đẹp...» gì đó. Tôi không nghe rõ và chúng đã biến thành sự bí mật nhỏ bé muôn đời trong tâm hồn tôi. Nàng ngồi ghé lên thành ghế xích đu, hơi cúi xuống. Mái tóc dài xõa lưng lơ thoảng

mùi thơm nồng nàn. Nhiều sợi tóc hình như sắp chạm vào mặt tôi, phủ lên tôi cả cái không gian êm đềm ngây ngất của một cánh đồng tươi non.

Mẹ, lúc đó mà còn không biết chồm lên vỗ chặt lấy nàng thì thật là ngu và cù lần nhất thế giới. Nhưng tôi đã làm thế trong sự ngạc nhiên, thảng thốt và bấn khoăn.

Cả những phút sau đó tôi vẫn không hết thảng thốt, bấn khoăn. Được bạn bè dắt đi tập dượt, huấn luyện cho ở những nơi hư hỏng nhiều lần, tôi không còn ở thời kỳ phát sốt, phát rét vì những chuyện như thế. Nhưng trường hợp này đối với tôi thật ly kỳ. Tôi còn tỉnh táo, tuy hơi lăm lăm. Khi bỏ chiếc dép đầu tiên ra, tôi nhớ đã cố gắng và kiên nhẫn dùng hai ngón chân kẹp tờ báo có nhiều tranh khôi hài bị rơi, thầy lên cuối giường.

Khuôn mặt nàng, thỉnh thoảng lại biến dạng một cách kỳ cục. Khi nàng bưng mở mắt nhìn tôi, hơi khiếp hãi, nàng như trẻ con. Khi nàng nhắm mắt, những vết nhăn ở đuôi mắt nàng hẳn rõ, nàng đột ngột có vẻ thật già, già cốc đẽ, đến độ tôi muốn nản chí.

Có một điều thật khó chịu là lúc đó cửa sổ và cửa chính đều mở tung. Năng rực rỡ lấp ló trên những khung cửa sổ. Năng chói chan trên lá cây vú sữa. Năng làm nhòa những nét ngang dọc tạo thành những khung cửa sổ ở tòa nhà cao bên kia đường. Trong một cử động quay đầu tình cờ, tôi còn nhìn thấy, qua cửa phòng qua hành lang, một phần nhỏ tường phòng khách, chỗ có treo cuốn lịch. Tôi bị ám ảnh về nỗi hồi hộp chờ phải nghe một tiếng chân, một tiếng chó sủa. Có biết bao nhiêu nhân vật trong căn nhà này? Khi nào họ về?

Những bấn khoăn ám ảnh này, sau đó, tôi cũng không dám hỏi nàng. Hỏi thì như mình đã có ý sửa soạn mọi chuyện một cách hơi đều giả.

Nàng rời khỏi vòng tay tôi, cái nhìn bờ ngỡ khó hiểu.

— Anh khát nước lắm phải không?

Tiếng nói hơi khàn và nhẹ. Tôi có cảm tưởng chỉ nghe mà không thấy nàng nói. Tôi gật đầu cưỡng quít như bám chặt lấy một thái độ vừa tìm ra. Tôi chưa biết nói với nàng câu gì.

Cô gái ra khỏi phòng, trở lại rất nhanh, tay cầm ly sữa tươi, hai dòng nước mắt lăn dài trên má.

Nàng ngồi xuống cạnh giường và trong khi tôi hối hả uống sữa thì nàng khóc. Nàng khóc thầm lặng, nước mắt chảy hoài nhưng đôi môi bậm lại nuốt đi các âm thanh. Tôi hơi choáng người. Thôi chết, mình bị gái bẫy chăng? Cô em xoay ra bắt đền tùm lum thì vỡ nợ!

— Sao em khóc?

Tôi hỏi một cách thảng thốt, lo lắng thực tình.

Cô gái nhìn tôi, khẽ lắc đầu rồi quay nhia ra cửa sổ, nhìn thật xa, vẫn bậm môi khóc một cách yên lặng. Không có một thoáng trách móc trong đôi mắt ướt, khuôn mặt nhợt nhạt của nàng hoàn toàn dịu dàng, hiền hòa. Cái lắc đầu nhẹ nhàng của cô gái lại làm tôi choáng người một lần nữa. Hình như nàng có một nỗi sầu đau, xót sa riêng chẳng dính dấp gì tới tôi. Tôi hoàn toàn là kẻ ngoài cuộc đối với những giọt nước mắt của nàng. Nàng bình tĩnh chịu đựng tất cả và tôi chẳng đáng được đòi chia sẻ những đau khổ bí mật ấy. Đột nhiên chúng tôi lại xa cách nhau muôn trùng. Tôi nắm bàn tay mềm của nàng bóp nhẹ. Nhưng nàng bất động, yên lặng. Thế là tôi chợt thấy mình vô duyên và thừa thãi.

Tôi không còn là một chàng trai mười chín cao lớn nữa. Tôi đã biến thành một anh nhóc con cỡ mười bốn, mười lăm tuổi ngô nghê, khờ khạo. Cái quần dài bó ống, may bằng thứ vải dầy, còn nằm một đống tro trên ở cuối giường. Từ miệng túi quần sau thò ra nửa thân cái bút nguyên tử xanh và một góc tờ biên lai đóng tiền học của lớp Anh văn buổi tối. Chán quá. Những món đó mà cũng đòi góp mặt trong cảnh này thì thật chịu không nổi ! chịu không nổi !

Đột nhiên tôi cảm thấy nóng nẩy, bứt rứt hết như những lần đi lang thang với Sao Mai vào lúc buổi sáng đang chuyển sang buổi trưa. Và tôi nổi cáu :

— Sao em lại khóc ?

Cô gái như bừng tỉnh, quay lại nhìn tôi, mỉm cười thật nhẹ. Nụ cười có ý an ủi. An ủi cái quái gì ? An ủi sự tôi phải nhìn nàng khóc và chẳng hiểu gì cả ? Nhưng đôi môi cố tạo nụ cười mỉm lại hề hững đề bật ra một tiếng nấc. Cơ xúc động có vẻ mãnh liệt hơn. Nàng nhẹ nhàng vuốt tóc tôi, giúp tôi đóng khuy áo, chăm chú phủi vài vết bùn nhỏ trên gấu quần tôi và vẫn khóc. Thế là tôi lại ngần ra và bỗng bẽn lễn, ngượng nghịu, nhỏ bé như một cô gái.

Người lớn thường nói bọn trẻ ngày nay khó hiểu, khác lạ. Nhận xét ấy có ý gom chúng tôi vào chung một khối. Nhưng chính chúng tôi cũng thường nhìn nhau lạ lùng, kinh ngạc. Ngay cả cuộc đời này tôi còn chưa làm quen được. Nằm chung trong cái khối trẻ khổng lồ ấy đã chắc gì cảm thấy yên ấm, dễ chịu.

Những phim ảnh nào, những cuốn sách, tờ báo nào đã làm cố vấn cho sự suy nghĩ của cô gái ? Hoàn cảnh nào ? những giây phút nào trong quá khứ đã đầy tới lúc này, đầy nàng vào tay tôi đột ngột đến thế ? Rồi những xúc động, ngậm ngùi chảy thành dòng trên khuôn mặt hiền hậu, dịu dàng của nàng ! Tôi đã gần gũi nàng đến thế, lại đang có tuổi trẻ trong tay để làm tài liệu nghiên cứu, cảm thông. Nhưng tôi hoàn toàn mù tịt. Tốt hơn hết là cứ coi như chuyện tự nhiên tất cả những điều bất ngờ mình gặp.

Tôi nhớ mang máng rằng sau đó tôi không làm được một cử chỉ hay nói được một lời hay ho. Đề từ già cô gái tôi đã choang ra một câu lãng nhách : «Anh phải về». Nàng đi theo tôi ra tới chỗ những bậc thang dẫn xuống sân đất.

Chính cái vụ tiền cò ăn này cũng làm tôi lúng túng, khờ sở không ít. Sau những phút ấy thân thể mình bỗng trở nên căng kèn, thừa thãi quá sức. Giá mình có phép thuật thăng thiên độn thổ hay tàng hình quách đi là tuyệt nhất. Hoặc ít ra thì lúc đó Trời cũng làm ơn đỡ giùm xuống một trận mưa. Tôi sẽ khoác áo mưa ra về kín đáo và hùng dũng như một thám tử trong xi nê. Nhưng trời cứ nắng chang chang và tôi cứ phải đi ra tới gốc cây na, chỗ tôi dựa chiếc Solex cà tàng. Tôi biết nàng nhìn theo, nhưng không thể quay lại.

Rời khỏi nhà cô gái một đoạn khá xa, tôi mới bắt đầu cảm thấy hân hoan, đắc trí như vừa thi đậu hoặc lập một thành tích đáng kể.

Những ngày sau đó, đến trường, tôi có ý tìm cô gái nhưng không thấy. Trời hay mưa lất phất vào buổi sáng. Sân trường bần và vắng. Chỗ nền nhà hoang thường không còn có ai ngồi. Lá khô xếp thành một lớp dày. Những màu tường còn sót lại thấm nước mưa đổi sang màu xám. Nhiều vũng nước tròn, nhỏ bằng bàn tay, trong vắt màu xanh rêu. Cảnh tượng gây bởi hồi nhẹ nhàng như đoạn cuối thể lương của một phim tình cảm lâm ly,

Gặp lại cô gái chắc chắn tôi sẽ nhớ ngay. Nhưng tôi không sao bình dung lại được đầy đủ khuôn mặt nàng. Dĩ nhiên tôi sẽ không chịu lấy làm vợ hay yêu một cô gái kiêu đó. Thế nhưng cái cảnh nàng ngồi khóc thầm lặng trở thành một nỗi nhớ êm đềm. Hai dòng nước mắt trên khuôn mặt hiền hậu bỗng mang vẻ tuyệt đẹp của một điều mình mơ ước. Tôi không còn thắc mắc về lý do khiến nàng khóc. Tôi chỉ nhớ nàng vừa vuốt tiếng khóc vừa vuốt tóc tôi và phủi đất trên gấu quần tôi. Nàng khóc như một người thật đau khổ và sẵn sàng tôi như không dám quên hồn phận đàn bà. Nỗi sầu muộn không biến thành lời trách móc,, giận hờn hay than thở đã làm tôi xúc động.

Một buổi tối, cao hứng, tôi phóng xe tìm lại nhà cô gái. Lúc nhìn những cảnh nhân phủ ra ngoài hàng rào, nhìn hai cánh cổng sắt tôi lại đột ngột nản chí. Cửa khóa bên ngoài. Tối chủ nhật, rất có thể cả nhà nàng đang quây quần ở một hiệu ăn hay ngồi trong rạp xi nê. Tôi dừng lại tần ngần một lúc, nhìn ngược, nhìn xuôi, bấm cái chuông xe Solex cho nó kêu vài tiếng. Chuông Solex cũ to tướng, tròn xoe, giống hệt như chuông xích lô. Trên con đường nắng hẹp, bật lên dăm tiếng kính coong, kính coong nghe cũng khá thể thắm.

Với nỗi khao khát tìm lại cái vẻ chịu đựng can đảm và kín đáo của người đàn bà, tôi bắt đầu trở nên khó tính với các em gái văn nghệ. Tôi thấy họ ương ương dở dở, cõ chẳng ra cõ và kim cũng chẳng ra kim. Một buổi sáng, tôi chọc giận luôn cả Sao Mai.

Như thường lệ, chúng tôi đến hiệu bánh cuốn. Dọc đường, Sao Mai cao hứng mua một con vịt bằng cao su, thứ đồ chơi trẻ con dưới sáu tuổi. Con vịt được để giữa bàn. Thịnh thoảng Sao Mai lại thò tay bóp choé một cái và cười. Trò đó không ngộ nghĩnh nhưng cũng chẳng đến nỗi vô duyên, tôi mặc kệ. Và lại, tôi cũng khoái nhìn Sao Mai cười.

Một lúc sau nàng bỗng nghiêm trang và thuyết cho tôi một hồi về sự đều đặn buồn nản của cuộc sống. Chị em ta lại trở giọng triết lý rồi. Con gái bình thường ít ôm lấy cái loại bản khoán, thắc mắc kiểu đó vì không có thì giờ rảnh. Sự đều đặn của đời sống ám ảnh và làm khổ bọn con trai nhiều hơn. Nghe một cô gái đẹp nói triết lý bí hiểm tôi thường có cảm tưởng khó chịu như đang chứng kiến cảnh nàng từ từ xẹp mất hai cái vú, mọc râu ria biến thành đàn ông.

Tuy nhiên, tôi vẫn vờ vệt đồng ý với nỗi khắc khoải của nàng. Tôi góp ý rằng chính ra bọn trẻ nên tụ họp mỗi tối để cầu nguyện. Chúng tôi phải xin Thượng Đế ban cho một cuộc sống luôn thay đổi. Và việc trước tiên, xin thượng đế phải đem ông mặt trời ra sơn mẹ nó thành màu xanh, vàng hay tím để ánh sáng mỗi ngày đỡ giống nhau, tháng năm ngộ nghĩnh hơn vì có thêm tí tí màu sắc.

Đề đời sống con gái đỡ đều đặn, nàng đòi hút thử thuốc lá. Tôi lại nản chị nữa. Một cô gái có ngang tàng, bất cần đời thật thì cũng vẫn có vẻ giả vờ, làm tuồng. Sao Mai hút từng hơi thật nhỏ và vội thở phào ngay ra cho khỏi sặc. Đến cái lúc nước mắt nàng sắp ứa ra, mặt nàng hơi hồng lên thì tôi không chịu nổi nữa, Tôi giựt điếu thuốc trên môi nàng, ném xuống đất.

— Thôi đừng bày đặt, cưng.

Thế là Sao Mai nổi giận, bỏ về liền. Chắc cô nàng cũng ngượng nữa. Tôi không cần hay dở dành một lời. Tôi mệt mỏi và chán nản. Còn lại một mình trong hiệu, tôi ngồi duỗi dài chân, bóp con vịt cao su kêu choe choe. Lỗi tại cô gái đó hết. Nàng đã cho tôi thấy một khía cạnh đẹp của đàn bà rất đàn bà. Thành ra Sao Mai hết đáng yêu.

Tôi biết là mình đã cư xử thô lỗ, kỳ cục. Kỷ niệm sẽ mờ nhạt, tôi sẽ trưởng thành và quên hoặc thay đổi. Tháng năm rồi một cô gái nào đến và sẽ sửa chữa được tất cả. Lẽ nào một hình ảnh cứ đẹp mãi và làm ta khao khát như một ngày mai trong ước mơ, một ngày mai chẳng bao giờ mình tới được?

Nhưng lúc này tôi vẫn nhớ cô gái. Quả thực, tôi cũng mong Thượng đế cao hứng sơn quách mặt trời ra màu xanh hay màu tím. Tôi sẽ khỏi gặp ánh nắng chói chang buổi trưa mỗi ngày. Ánh nắng rực rỡ đã làm nhòa những khung cửa sổ, phủ đầy trên lá cây vú sữa trong vườn hôm đó.

LÊ-TẮT-ĐIỀU

(trong truyện dài PHÁ NÚI)

TIN VUI

Chúng tôi được anh chị ĐÔNG-HỒ — MỘNG-TUYẾT báo tin mừng ngày 16-IX 67 cho con gái út YIÊM-YIÊM làm dâu họ HÀ, làm vợ cậu HỮU-LỘC.

Chúng tôi, cả ở gần gang tấc, người cách ngàn trùng núi biển, xin một lòng góp vui với anh chị và cùng chúc YIÊM-YIÊM — HỮU-LỘC, đời đôi lứa sẽ đẹp như lá mới mầm non và duyên hai họ sẽ nên thơ như rừng mộng có dòng nước ngân-nga. . . « Nước chảy trong veo, dưới ánh trời trong trong treo. . . »

Bạng-Hải PHẠM-THỊ-NHIỆM ở Mĩ

Hải-Minh TRẦN-VĂN-KHÊ ở Fab

và vợ chồng Ngu-Í NGUYỄN-HỮU-NGƯ ở Việt

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — SAIGON

Tél 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Centra
HONG KONG*

**Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes
P O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25 Rukhak Vithei Kiamôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B P. N° 122



Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ TRÌ

Trong những tuần qua tình hình thế giới trở nên hết sức bình thản, tuy nhiên đây là một bình thản đáng lo ngại vì nó chứng tỏ sự bất lực của các quốc gia trước những vấn đề quốc tế quan trọng. Mỹ cũng như Nga không thể giải quyết được chiến tranh ở Việt-Nam. Ả Rập cũng như Do-thái không tìm ra được cách thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài ở Trung Đông. Chính phủ các nước Hắc Phi cũng như Trung Cộng không thể dẹp bớt được những lung củng nội bộ. Do sự bất lực chung của các quốc gia trên thế giới mà các cuộc khủng hoảng quốc tế hiện thời chỉ mới tạm hoãn đề rồi, trong một tương lai xa hay gần, sẽ bùng nổ...

Ba sự kiện được các quan-sát-viên chú ý tới là : Hội-nghị thượng đỉnh Khartoum của các quốc gia Ả-Rập, mần nội loạn tại Hắc-Phi và tình trạng căng thẳng ngoại giao giữa Anh và Trung Cộng.

Trung-Đông : Hội nghị Khartoum và sự chia rẽ nội bộ Ả-Rập

Trước sự chia rẽ và trước quyền lợi khác biệt của các quốc gia Ả Rập, Hội nghị các Tổng trưởng Ngoại giao nhóm họp tại Khartoum không đạt được kết quả mong muốn là tìm một thái độ chung cho các quốc gia Ả-Rập để đối phó với Do-Thái. Vì vậy Hội-nghị Tổng trưởng trao lại Hội nghị thượng đỉnh trách nhiệm này. Hội nghị thượng đỉnh

gồm có các Quốc-vương và Quốc-trưởng Ả - Rập đã nhóm họp tại Khartoum, thủ-đô của Soudan : Tổng-Thống Ai-cập đã được dân chúng Soudan đón tiếp nồng nhiệt, trong khi Quốc-vương Fayçal xứ Arabie Séoudite chỉ được đón tiếp một cách nhạt nhẽo. Syrie không tham dự hội nghị, và Algérie chỉ có Tổng trưởng Ngoại-giao đại diện. Vì vậy Hội nghị thượng đỉnh đã được khai mạc trong một không khí gượng gạo và chán nản... Tổng thống Nasser tỏ ra hết sức ôn hòa. Ông kêu gọi đoàn kết Ả-Rập và đề nghị một chính sách thực tế đối với Do-Thái. Đề tỏ thiện chí đoàn kết, Nasser đã cùng với Quốc-Vương Fayçal thỏa hiệp rút quân của hai bên khỏi Yémen. Chấm dứt chiến tranh ở Yémen là kết quả duy nhất của hội nghị.

Tổng thống Nasser tuyên bố rằng hiện thời có hai giải pháp cho vấn đề Trung Đông : một là tiếp tục chiến tranh với Do-Thái, nhưng nếu muốn giải pháp này, các quốc gia Ả-Rập phải góp phần rất, nhiều bằng tiền và bằng xương máu. Hiện nay các nước Ả-Rập hầu như kiệt quệ cả nên chỉ có cách là dùng giải pháp thứ hai là giải pháp chính trị, thương thuyết với Do-Thái. Sở dĩ Nasser đã tỏ ra ôn hòa vì là người thực tế, ông biết các nước Ả-Rập quá chia rẽ không thể có một đường lối chung — điều-kiện cần để thắng Do Thái bằng võ lực. Hơn

nữa ông đang gặp nhiều chống đối trong nội bộ. Ai-Cập bị đe dọa đảo chính. Tổng thống Nasser đã thuyết phục chuyên, cách chức tới 700 sĩ quan, ngoài ra ông còn ra lệnh quân-thúc tại gia Tổng Chết Amer, cựu Phó Tổng thống, cựu Tham mưu trưởng và cũng là bạn thân của Nasser đến nỗi Amer phải tự vận.

Đề-nghị của Nasser bị bác. Hội nghị không chủ chiến (vì không đủ phương tiện) cũng không chủ hòa (vì sợ mất mặt). Trong tình trạng này, không vấn đề nào được giải quyết. Cuối cùng Hội-nghị đưa ra 3 quyết nghị mà tầm quan trọng hết sức nhỏ bé là: lại bán dầu hỏa cho Tây-phương để có thêm tiền, bãi bỏ mọi căn cứ của Anh Pháp Mỹ còn lại trên lãnh thổ Ả-Rập, và bác mọi đề nghị thương-thuyết với Do-thái.

Hội nghị đã bế mạc trong sự mất tin tưởng ở tương lai vì các Quốc-trưởng Ả Rập nhận thức được tính cách phủ phàng của hiệp tại: Trung đông không còn là một đối tượng của sự tranh chấp Đông-Tây. Các nước Nga Mỹ đã bỏ rơi Trung Đông, vì làm chủ miền này không còn cho họ những lợi điểm như trước nữa. Dầu hỏa Trung Đông không còn là một vật khó kiếm. Với kỹ-thuật mới, các quốc gia Tây-Phương đã lần lần tìm ra những nguồn tinh-lực mới có thể thay thế dầu hỏa như nguyên-tử-lực. . Kênh Suez là một thủy đạo lớn và tiện lợi cho việc lưu thông, nhưng cũng không còn là một đường bất khả thay thế. Các quốc gia hàng-hải như Nhật, Anh, Mỹ, Pháp, đã có đầy đủ tàu bè, và thừa khả năng chuyên chở nên dù có phải đi vòng quanh Phi-Châu cũng không tốn kém và mất thì giờ gì hơn. Đông cửa kênh Suez tức là còn làm giàu cho họ nữa. Làm chủ Trung-Đông cũng không còn cho người

ta một địa-điểm để thôn tính hay phòng thủ Âu-châu và Phi-châu nữa vì với hỏa tiễn, những căn-cứ quân-sự đã hết tầm quan trọng. Vì vậy ta thấy cả Nga lẫn Mỹ đều thờ ơ trước số phận của Trung-Đông.

Những điều kiện chính trị, kinh tế mới của Trung Đông có thể bắt buộc Ả-Rập phải thương thuyết với Do-thái. Nhưng người Ả-Rập là những người kêu hãnh. Ta không biết trong tương lai, các nhà lãnh tụ Ả Rập có chịu « hạ mình » để thương thuyết với kẻ thù truyền kiếp của họ chăng?

Phi-châu : mầm nội-loạn bành trướng

Từ khi Thủ tướng Ian Smith xứ Rhodesie đơn phương tuyên bố độc lập tới nay đã gần hai năm. Trong hai năm qua, tình hình chính trị xứ này hoàn toàn yên tĩnh. 225.000 da trắng tiếp tục cai trị 4 triệu người da đen. Những phần tử cách mạng da đen đòi bình quyền đều bị chính phủ hoặc hạ sát hoặc bắt giữ. Nhưng từ vài tuần nay đột nhiên một đoàn quân da đen khoảng 200 người được huấn luyện tại Algérie hay tại Tanzanie võ trang đầy đủ bằng khí giới của Nga và Tiệp khắc đã đến tấn công quân đội chính phủ. Hàng ngàn lính và cảnh sát được huy động để phản công mà vẫn không đẩy lui được quân « phiến loạn ».

Những phần tử « phiến loạn » này thuộc nhóm cách mạng ZAPU (Zimbabwe African Peoples) ở Rhodesie với sự hỗ trợ của nhóm cách mạng Nam Phi ANC (African National Congress). Hai tổ chức cách mạng này là của dân da đen lập ra để đòi bình quyền, lật đổ chính phủ da trắng. Hiện nay nhóm ZAPU đã bắt đầu phát động du kích chiến chống chính quyền.

Trong khi đó tại Kenya, một số bộ lạc thuộc giống người Somalis cũng đang nổi lên chống chính quyền của Tổng thống Jomo Kenyatta. Ta được biết rằng tại Kenya có khoảng 200.000 dân Somalis chống đối chính phủ đòi được đặt dưới chủ quyền của Cộng Hòa Somalie ở bên cạnh. Tổng thống Kenyatta bằng lòng cho họ sang Somalie nhưng không chấp thuận cắt lãnh thổ họ cư ngụ để nhường cho Somalie. Giờ đây chính phủ đã thắng một phần nào bằng cách dồn họ vào những làng được canh phòng cẩn mật.

Mầm nội chiến còn tiếp diễn ở một điểm thứ ba trên Phi Châu là Nigeria. Chiến tranh giữa chính phủ Trung ương và chính quyền miền Đông (Biafra) vẫn giằng gai tiếp diễn không phân thắng bại. Các quan sát viên ngoại rằng Nigeria sẽ trở thành một xứ Congo thứ hai.

Những khủng hoảng nội bộ tại các nước Phi-châu một lần nữa cho ta rõ hậu quả tai hại của sự chia cắt lãnh thổ tại Phi-châu dưới thời thực dân. Các hàng rào biên giới đều hết sức giả tạo, chỉ được ấn định theo sức mạnh của các quốc gia thực dân mà không theo ranh giới của các điều kiện nhân chủng, kinh tế, xã hội. Ngày nay nhiều bộ lạc bị chia cắt, nhiều nhân chủng bị phân phối giữa các quốc gia khác nhau. Vì vậy tại Phi-Châu mầm nội loạn sẽ luôn luôn âm ỉ chỉ chờ cơ hội thuận tiện là bùng nổ.

Khủng hoảng ngoại giao Anh — Trung Cộng

Như ta đã biết trên Bách Khoa từ số trước, Vệ binh đỏ đã phá tòa Đại-sứ Anh ở Bắc-Kinh. Chính phủ Anh đã trả đũa bằng cách cho lính bao vây tòa Đại sứ Trung Cộng tại Luân-đôn. Nhưng nhân viên Tòa Đại sứ Trung Cộng không chịu ngồi yên chấp nhận hoàn cảnh này. Họ đã phản đối lại bằng một cách rất đặc biệt trong lịch sử ngoại giao thế-giới là «xuống đường» đánh lộn với Cảnh sát Anh. Dân chúng Anh được chứng kiến một tấn bi hài-kịch hi hữu: những nhà ngoại giao trẻ tuổi của Trung Cộng dùng gậy gộc, chai sữa làm khí giới xuống tấn công Cảnh sát Anh, được võ trang bằng nắp thùng rác để làm mồi đỡ đạn. Kết quả là 8 nhà ngoại giao Trung Cộng, 3 nhân viên cảnh sát và 1 nhiếp-ảnh-gia phải vào bệnh viện điều-trị.

Trong khi đó tại Bắc-Kinh, ngoại-giao-đoàn, kể cả phái-bộ các quốc gia cộng sản, đều đang sống trong tình trạng cực kỳ khó khăn. Một phong trào bài ngoại do cuộc Cách-mạng Văn hóa gây nên đã trùm lên ngoại giao đoàn một bầu không khí ngột ngạt. Các nhà ngoại giao của các nước dù là tư bản hay cộng sản đều sống trong đe dọa, họ luôn luôn chờ đợi một biến chuyển quan trọng bất ngờ xảy đến sẽ làm đảo lộn đời sống của họ cũng như đời sống của toàn thể thế giới.

TỪ-TRÌ

Bạn yêu thơ đón đọc :

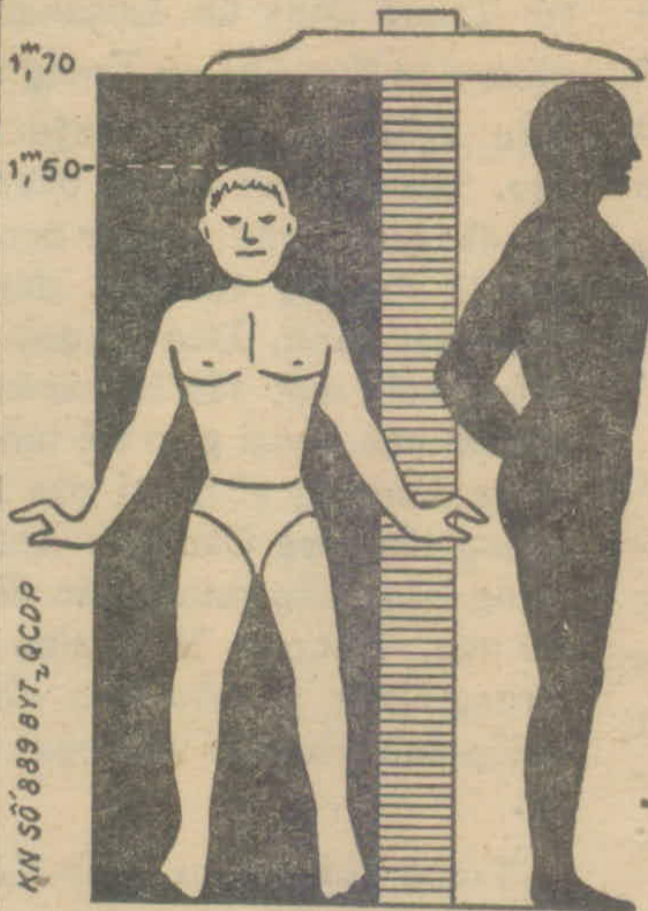
TRÌNH BÀY

Thơ của HIỆN-HỮU

Phát hành trong tháng 10 / 67.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon



● TRÀNG THIÊN

Ilya Ehrenbourg

(1891 - 1967)

Ba tháng trước khi lìa trần, Ilya Ehrenbourg xuất ngoại dự một cuộc họp về Stendhal. Nhân chuyến đi này, ông gặp nữ ký giả Emmanuelle Kretzulesco. Trong cuộc trò chuyện, ông đã tiết lộ những điều thật bất ngờ. Với tư cách ký giả, E. Kretzulesco chớp được cơ hội như thế lấy làm quý báu lắm, vội vàng ghi lấy ghi đề. Thường khi bắt được cái gì quý báu quá, người ta đâm nghi ngờ e ngại; muốn cho chắc chắn nữ ký giả yêu cầu nhà văn ký tên đề xác nhận vào những điều mình vừa ghi được. Ehrenbourg vui vẻ ký liền. Lúc bấy giờ có người chồng của nữ ký giả E. Kretzulesco đứng bên cạnh, nhân lên tiếng hỏi:

— Thưa, ông không sợ những điều vừa tuyên bố với nhà tôi được đăng lên báo sao?... Trong các xứ cộng sản những cuộc phỏng vấn như thế lắm lúc nguy hiểm. Tôi chính là người ở Lỗ-ma-ni nên tôi có biết chút ít về những chuyện ấy.

Ehrenbourg đáp lại:

— Thưa ông, nếu một nhà văn mà không thể nói ra được những điều mình nghĩ thì còn gì là nhà văn?

oOo

Như vậy hễ là nhà văn thì nghĩ gì nói ra được nấy cả sao? Ngay ở xứ cộng sản cũng vậy sao? — Không ai tin. Nhất là đối với Ehrenbourg, cả cuộc đời của ông cải chính lời nói ấy. Đáng lẽ ông nên nói với người chồng nọ rằng: «Nếu một nhà văn mà nói ra hết những điều hăn nghĩ thì thôi, còn gì cuộc đời của hăn nữa!»

Sự thực đã có lần I. Ehrenbourg viết đại khái như thế, trong một cuốn *Hồi ký* xuất bản năm 1963. Đối với độc giả Âu châu, Ehrenbourg là tác giả Nga-xô đầu tiên lên tiếng báo hiệu ngày tàn của chế độ độc tài Staline bằng cuốn *Tuyết tan* ra đời năm 1954, tức một năm sau khi Staline chết. Hai năm sau Khrushchev chính thức kết tội Staline. Từ đó văn nghệ Nga-sô có một độ ào ào phơi bày các lầm lỗi thời Staline. Trong tập *Hồi ký* vừa kể, Ehrenbourg thuật lại những

1891 — Sinh ở Mạc-tư-khoa *

1908-1917 — Sinh sống ở Paris

1921 — «Những cuộc mạo hiểm ly kỳ của Julio Jurenito».

1942 — «Paris thất thủ»

1941-1944 — Phóng viên chiến tranh

1948 — «Bão tố»

1954 — «Tuyết tan»

1960-1966 — Lần lượt xuất bản 6 tập «Hồi-ký»

1967. — Ngày 31-8, chết tại Mạc-tư-khoa, hưởng thọ 76 tuổi.

* Có tài liệu cho là ở Kiev

sự việc khủng khiếp xảy ra trong thời kỳ 1937-1938, khi trùm mật vụ Yéjov giết bừa bãi hàng trăm nghìn người vô tội. Thuật chuyện thiên hạ xong, Ehrenbourg quay về chuyện mình: «Lúc bấy giờ tôi hiểu rằng mình cần phải cẩn rằng ngậm miệng để sống và phải khéo áp dụng một trong những nghệ thuật khó khăn nhất, nghệ thuật im lặng.» Đó là một câu danh ngôn. Cái «nghệ thuật im lặng» của ông đã gây ra dư luận sôi nổi khiến báo chí Âu châu bàn qua tán lại một thời, như vậy chẳng biết loay hoay thế nào mà gần đây I. Ehrenbourg lại quên lửng câu nói ấy, và đi tuyên bố với E. Kretzulesco như thế trước sau mình vẫn là một nhà văn dám ăn dám nói, trên đời không biết sợ ai. Năm 1963, khi I. Ehrenbourg nói đến thái độ ngậm miệng của mình, quần chúng Nga xô bản khoán tự hỏi: một nhà văn, một kẻ đứng ngoài chính quyền mà còn biết đến những tội ác của Staline, tuy — biết nhưng không dám nói — thế thì những tai to mặt lớn trong chính quyền thời ấy, Khruschev chẳng hạn, lẽ nào không

biết đến. Họ biết mà họ không can ngăn, không tố cáo, họ lại hợp tác với Staline, đồng loã với Staline, để rồi chờ Staline chết xong lại lôi ra kể tội, như vậy chẳng hóa ra hèn nhát sao? Câu nói đại dột của Ehrenbourg đã phát sinh ra một lối suy diễn, nguy hiểm như vậy, cho nên những văn nghệ sĩ theo phe nhà nước như Yermilov, như Ilyitchev, nổi lên công kích ông ta dữ dội. Vẫn chưa nguôi sự thắc mắc của quần chúng. Ngày 8-3-1963 Khruschev đích thân lên tiếng thanh minh về phần mình và chính đốn tư tưởng Ehrenbourg một cách gay gắt.

Từ câu nói với Emmanuelle Kretzulesco tháng 5 năm 1967 đến câu viết trong hồi ký năm 1963 đã thấy có sự tụt thang về nhân cách. Tuy vậy mà câu hồi ký nọ vẫn chưa phản ánh đúng chân tướng của I. Ehrenbourg.

Nghĩ thế nào nói ra thế ấy: Thế là nhất, nhưng Ehrenbourg không được như vậy.

Nghĩ đúng, mà phải ngậm miệng làm lơ, để bảo toàn mạng sống: Thế không lấy gì làm bảnh, tuy vậy tham sinh úy tử «âu cũng người ta thường tình». Nhưng Ehrenbourg lại cũng không được như vậy.

Sau này, Ehrenbourg kể xấu thời kỳ Staline, chê bai nguyên rủa nó. Ông bảo: «Ở Nga xô, trong thời kỳ ấy nào có phải dùng tài trí hay lòng tận tâm trung thành mà cứu mạng sống của mình được đâu? Trong những năm ghê gớm ấy, sống chết chỉ là vấn đề rủi may không duyên có, như thế một trò quay số.» Ông lại bảo: «Người ta cần biết rằng lúc bấy giờ không có cái gì là

đúng lẽ phải, là hợp lý hết.» Những lời ấy đáng tin. Bởi vì chính trong thời kỳ ấy Pasternack và Choloikov im lặng suốt hai mươi năm không có tác phẩm, Mandelstam bị mất tích, Isaac Babel bị bắt rồi chết trong tù, Essénine và Maïakovski thì tự tử, Pilniac bị lưu đày rồi cũng chết trong ngục, Meyerhold thì bị bắn, Zamiatine bỏ xứ ra đi, v.v... Quả là một thời kỳ đen tối, thảm đạm. Giá bấy giờ mà Ehrenbourg cứ im lặng như B. Pasternack thì người ta cũng dễ dàng thông cảm. Nhưng ông ta có chịu im lặng như đã nói đâu. Ông ta viết phăng phăng nhiều tác phẩm ca tụng xã hội đương thời, và ông lần lượt chiếm được ba giải thưởng Staline, một giải Lénine, rồi chen được vào Hội-đồng Xô-viết tối cao. Người ta cho rằng từ hồi Paul Claudel qua đời, khắp cả Âu-châu không còn có nhà văn nào nhiều huy-chương như I. Ehrenbourg. Mà ông được tưởng thưởng là phải, nhà nước Xô-viết không lầm lẫn, bởi vì ông phục vụ đầy hào hứng. Tại kỳ Đại-hội các nhà văn xô-viết lần đầu tiên năm 1931, dưới thời Staline, ông tuyên bố : « Đối với tôi chỉ còn có một điều duy nhất không thể chối cãi : tôi là một nhà văn xô-viết tầm thường. Đó là nguồn vui của tôi, đó là hãnh diện của tôi.»

* * *

Bởi trong đời của I. Ehrenbourg có những chuyện như vậy, cho nên Raymond Cartier đã hạ một lời nhận xét nghiêm khắc : « Người ta không thể ưa được tánh tình của Ehrenbourg : đó là một người kiêu ngạo, khoe khoang, đối với kẻ có quyền hành thì dễ tiện, còn đối với người khác thì khắt s. »

Ngày nay Ehrenbourg đã ra người hiển cỡ, tưởng nên quên đi những lời

chỉ trích quá nghiệt ngã như thế. Hãy chấp nhận một lối giải thích khoan dung hơn. Nhà văn Pháp Armand Lanoux, từng quen biết I. Ehrenbourg mười năm nay, cho rằng bản tính ông ta như loài lau sậy (roseau). Trong cơn bão tố cuồng phong của thời đại Staline, những cây sồi (chêne) cứng cỏi — như Isaac Babel, Meyerhold Essénine v.v... — đều gãy cả. Chỉ có lau sậy thân mềm, sẵn sàng chịu uốn cong theo chiều gió, oặt qua oặt lại, nếu cần thì rạp sát đất, như vậy lau sậy mới thoát hiểm. Và đến khi giông gió qua rồi, liệu chừng đã đến lúc ngàng đầu lên được, thì sậy liền ngàng lên. Và nó ngàng lên thật cao, lắc lư, ngạo nghệ.

Thật vậy, như con tu hú báo tin bình minh, Ehrenbourg trước tiên báo hiệu *Băng rã*. Từ đó ông luôn luôn đứng về phía cấp tiến, chống đối chính quyền đòi hỏi tự do. Khi Léonide Ilytchev công kích hội họa trừu tượng và tuyên bố : « Con đường phát triển văn học và nghệ thuật nằm trong chương trình của Đảng... », rồi dứt khoát bảo văn nghệ sĩ : « Anh em có một sự tự do hoàn toàn để chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản, anh em không có và không bao giờ có chút tự do nào để chống lại chủ-nghĩa ấy. » — việc xảy ra ngày 12-12-1962 — thì ngày 17-12 một nhóm văn nghệ sĩ vội vàng trình lên Trung ương Đảng một lá thư, xin cho các khuynh hướng văn nghệ được « sống chung hòa bình. », nghĩa là hội họa trừu tượng được phép xuất hiện bên cạnh hội họa hiện thực xã hội, họa sĩ được phép vẽ tranh trừu tượng mà khỏi bị xem như « chống lại chủ nghĩa cộng sản ». Lá thư nói trên có kẻ nào đó mách rằng chính là do Ehrenbourg thảo ra. Trung ương Đảng tức thời khiển trách và Khrushchev nổi lên thịnh nộ. Ehren-

bourg liền bỏ nhỏ: «Chuyện đùa đấy mà!» (C'était une plaisanterie).

Thế rồi sậy vẫn cứ ngàng lên thật cao. Khi Siniavski và Daniel bị đem ra xử án, Ehrenbourg phản đối trong lúc Cholokhov tán thành. Siniavski và Daniel vào tù, 62 nhà văn hội viên của Hiệp-hội các văn sĩ xô viết gửi thư lên Hội đồng xô viết tối cao yêu cầu trả tự do (với điều kiện được bảo lãnh) cho hai nạn nhân. Dưới lá thư ấy, chữ ký của Ehrenbourg đứng hàng thứ hai (sau Tchoukovski).

Hiển nhiên, đây là một kẻ chống đối. Hơn nữa, Ehrenbourg biết cách tự làm cho nổi bật lên trong hàng ngũ chống đối, mặc dù ông ta là một kẻ chống đối mang nhiều huy chương, hưởng nhiều ân sủng nhất của chính quyền.

Lấy nhu đương đầu với *cuong*, đạt được một thành công vẻ vang như thế, Ehrenbourg quả đã khôn ngoan quý quyết, hiếm có trên đời.

oOo

Mặc dù R. Cartier bảo không ai ưa được Ehrenbourg, kỳ thực Ehrenbourg vẫn là tác giả Nga xô gần gũi với giới văn nghệ Âu châu nhất, có nhiều bạn hữu ở Âu châu nhất. Suốt một thời trai trẻ, Ehrenbourg đã la cà ở các quán cà-phê Montparnasse, kết thân với các họa sĩ, văn sĩ danh tiếng tứ phương từ thuở họ còn chìm trong bóng tối. Vì vậy Ehrenbourg dễ dàng thông cảm với các trường phái văn nghệ mới của Âu châu tự do. Gần đây, trong khi các nhà lãnh đạo cả chính trị lẫn văn nghệ Nga xô ngần ngại tức bực trước loại tranh trừu tượng thì tại biệt thự của Ehrenbourg treo đầy thứ tranh kỳ dị của Picasso mà ông ta là bạn thân. Các họa sĩ trẻ ở Nga tha hồ đến

nhà ông mà ngắm tranh, thảo luận, nghiên cứu.

Đi nhiều, sống nhiều, thông minh và siêng năng học hỏi, I. Ehrenbourg tuy bị đuổi khỏi trường từ hồi mười bốn tuổi, sau này đã trở thành một nhân vật uyên bác. Armand Lanoux bảo chưa từng gặp một người nào mà hiểu biết rộng rãi như Ehrenbourg.

Và có lẽ cũng vì lang thang ở ngoại quốc lâu ngày, tiếp cận giới nghệ-sĩ và trí-thức tự do ở Âu-châu lâu ngày, cho nên Ehrenbourg — so với Cholokhov, Simonov — có vẻ phóng khoáng hơn, không quá chủ quan, cố chấp, cái cố chấp của những người quá say mê tin tưởng vào một chủ nghĩa. Có lần Ehrenbourg viết: «Niềm tin mù quáng, tôi thấy có khi nó đẹp đẽ, có khi ghê tởm, nhưng bao giờ cũng xa lạ... Trong tất cả các thánh tông đồ, tôi cho là thánh Thomas Hoài Nghi có nhiều nhân tính nhất».

Michel Tatu bèn nhân đấy đặt cho I. Ehrenbourg cái biệt danh là ông «Thánh Thomas của văn học xô-viết», và có lẽ chính nhờ một đôi nét như thế trong tâm hồn mà I. Ehrenbourg được độc giả Tây phương biết đến nhiều hơn, sớm hơn các nhà văn Nga xô khác.

Tuy nhiên không phải ông Thánh Thomas nọ sinh ra đã mang tính hoài nghi đâu. Chẳng qua là vì lăn lóc ở đời nhiều, kinh nghiệm nhiều, ông mới dần dần nguội lạnh đi như thế, chứ còn thuở bé ông cũng háng hái một cây, đâu chịu thua ai. Hồi tháng 5-1967 vừa qua, ông khoe với Emmanuelle Kretzulesco rằng ông viết bình luận chính trị từ hồi mười lăm tuổi làm cho bà này ngạc nhiên: Hỏi viết theo lập trường nào, ông đáp: theo *bolchevik*. Hỏi tại sao vậy? Ông đáp là vì ở cái tuổi mười lăm ai cũng

hăng tiết muốn làm cách mạng tái lập cả thế giới. Lại tò mò hỏi thêm bây giờ có còn theo *bolchevik* nữa chẳng. Trả lời : «Vẫn còn theo, tuy có đi đôi điều cay đắng chán chê...»

Về già, khi đã thấm thía cay đắng và liệu chắc mỗi hiểm nguy đe dọa đã qua, Ehrenbourg dám thốt ra những cảm nghĩ thật bất ngờ. Nhận định về lý do thành công của Evtouchenko, thi sĩ tài danh số một của Nga xô hiện đại, ông nói : «Trước hết vì hấn giải trí cho đám thanh niên Nga. Sau nữa là vì hấn làm cho dân Âu châu ngạc nhiên (...) Với lại đàn bà nhiều người ưa cái lối ăn mặc áo đan cồ bẻ của hấn.» Trái lại, khi nhận định về lý do thành công của Tolstoi, Tchekov v.v... thì ông nghiêm chỉnh hấn ra : «Giới quý tộc có một ảnh hưởng tích cực đối với các nhà văn thế-kỷ trước, có thể nói nhất là vào khoảng 1835. Hạng quý phái họ có thì giờ rộng rãi ; họ có nhiều lúc nhàn hạ, họ có học thức, họ đi đây đi đó nhiều... Họ có tinh thần rất thung dung cởi mở (*liberté d'esprit*). *Tinh thần cởi mở cần thiết đối với nhà văn* (1). Những nhà quý tộc ấy, họ viết tự do, và chính là những văn sĩ ưu tú.»

Lại chính vì cuộc đi Ý trong tháng 5-1967 vừa rồi, Ehrenbourg bị Cholokhov công kích thẳng tay. Số là tại Mạc-tư-Khoa chuẩn bị nhóm họp Hiệp-hội nhà văn xô viết, bỗng đâu Ehrenbourg nhận được giấy mời đi Parme dự hội-nghị quốc tế về Stendhal, thế là ông bỏ phăng đại hội nhà Nhà văn xô viết để đông ra ngoại quốc. Tại Đại hội, Cholokhov giận dữ lên án thái độ của Ehrenbourg, thì ở Ý ông này phớt tỉnh, thổ lộ rằng ông đã chán những cuộc thảo luận nửa văn

nghệ nửa chính trị về đường lối, chủ trương, chính sách.v.v.,

* * *

Mười lăm tuổi vác bút xông ra viết chính trị. Bảy mươi sáu tuổi già lại lơn tơn ra nước ngoài để lẩn tránh hội họp chính trị. Tại Đại-hội 1931 thì hùng hổ đảng đàn tuyên bố : đây là nguồn vui, là hãnh diện của tôi, Đại hội 1967 thì không thèm dự. Vài sự kiện như thế tóm tắt diễn biến trong một cuộc sống của I.Ehrenbourg, tiêu biểu một khía cạnh tâm sự của ông.

Giữa khoảng mười lăm với bảy mươi sáu, trong vòng sáu mươi năm, hai lần có mặt tại chiến trường để theo dõi hai cuộc đánh nhau dữ dội nhất của nhân loại, tham dự Cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, trước tác mười lăm tác phẩm lừng danh khắp Âu Mỹ. Một cuộc đời phong phú thế có thể coi là ngoại hạng. Có điều càng về già, Ehrenbourg càng tiết lộ nhiều nỗi bất đắc chí. Vào tháng 3-1963, một độc giả trẻ tuổi lo lắng trước những biện pháp ngăn ngừa hạn chế trong lãnh vực văn nghệ, đến hỏi ông, ông buồn rầu bảo : «Tôi thì không bao giờ trông thấy được sự thịnh phát của nghệ thuật xô-viết nữa. Nhưng còn anh thì anh sẽ thấy được... chừng hai mươi năm nữa.»

Tại sao lại hai mươi năm ? Ehrenbourg không giải thích. Cũng không chắc là ông có tài tiên tri. Chỉ biết ông thú nhận cho đến trọn đời mình không hy vọng trông thấy được cái ánh sáng mà ông đã hăng hái đi tìm lúc thiếu thời. Trái lại. Khi Ehrenbourg lên mười bốn tuổi vào thời kỳ Cải cách hiến pháp, năm 1905, chế độ Nga hoàng đã bãi bỏ kiểm duyệt sách và báo. Sách của Marx đã được in và phổ biến tại Nga tự do. Năm

(1) Do Emmanuelle Kretzulesco viết xiên (Trên tạp-chí Les Nouvelles littéraires số ra

Ehrenbourg được hăm một tuổi, tức năm 1912, tờ *Pravda*, cơ quan ngôn luận của đảng Cộng sản, ra đời tại Saint Pétersbourg.

Đối với một nhà văn hóa, có hoài vọng nào hơn là được tự do phát biểu? Riêng về một phương diện ấy, liệu đến cuối cái mốc thời gian hai mươi năm nữa như Ehrenbourg đã ấn định, liệu giới văn hóa Nga xô có được hưởng cái tự do hồi ông mười bốn tuổi chưa biết cầm bút chằng? Và phải chăng đó là «đôi điều cay đắng» trong đời Ehrenbourg?

Như thế cuộc sống ấy nếu «không ưa được» cũng có chỗ đáng thương.

Trong bộ *Hồi ký*, nói về thời kỳ khủng bố dưới chế độ Staline, Ehrenbourg viết :

«Ở ngoài mặt trận, trên chiến trường Tây ban nha, trong các cuộc oanh tạc, tôi không thấy sợ hãi, nhưng tôi đã sợ hãi vào giữa thời bình mỗi khi nghe có tiếng chuông reo trước cửa» Phúc cho ông, quá thất thập trong kiếp nhân sanh ông không phải nghe tiếng chuông reo do một tên mật vụ nào đến gọi cửa. Cuối cùng, chỉ có bàn tay giá lạnh của Tử thần đến gõ đúng vào trái tim ông. So với các bạn đồng nghiệp cùng lứa, ông đã hưởng «một cái chết rất dịu dàng.»

TRÀNG THIÊN

9-1967

sorbitol delalande



**BỔ DƯỠNG GAN MẬT
ĐIỀU HÒA TIÊU HÓA**

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIỆN BẢO CHẾ DELALANDE PHÁP QUỐC

KN 6915 BYT. QCDP - 23-7-64

GIÓ CUỐN

6 | Công việc không có gì nhọc thật. Mỗi ngày đánh vài công văn. Nghe điện thoại và trả lời điện thoại. Trong văn phòng có ba người : chị Liên, chị Phượng và Cầm Bình. Thịnh thoảng có một viên đội trẻ ở phòng kỹ thuật trên lầu tên là Jim đem giấy tờ xuống cho Mansfield ký. Jim hay ngồi lại tán Phượng. Có lúc bấu ngời dưới chân Phượng và nói :

— Cô số một. Tôi thương cô lắm.

Phượng quát :

— A-lê ! Dê-xôm.

Hắn ngẩng mặt lên nhắc lại :

— Dê xôm ?

Cầm Bình quay sang :

— « Dê xôm » tiếng Việt nghĩa là đẹp trai năm-bơ-oan. Con Phượng nó khen mày đẹp trai đó. Nó chịu mày lắm. Khi nào mày khen ai đẹp trai thì mày nói « dê xôm » nghe chưa ?

Jim lập lại « dê xôm... dê xôm... »

— Không đúng. Phải nói « Dê xôm ».

Cầm-Bình nhấn mạnh dấu huyền o tiếng « xôm » và Jim cố gắng phát-âm cho được dấu huyền đó bằng cách cúi gục đầu xuống. Cầm-Bình tinh-nghịch hay dạy bậy cho tụi Mỹ học tiếng Việt. Ví dụ chỉ cái đầu hỏi nó tiếng Việt là gì thì nó bảo « cái dít ». Nó bày thẳng Bob khi nói chuyện với dì thì phải « Thừa má », kêu xích-lô thì kêu « Ông nội ơi ». Thằng Bob học một cách kính-cần và khó nhọc.

Liên nói :

— Mày bày tầm bậy đến chừng nó biết được nó khẹn mày chết.

Cầm Bình cười :

— Tao đếch sợ. Ở ngoài phố lữ trẻ nhỏ cũng chuyên-môn bày chữ tầm bậy cho tụi Mỹ. « Thương » thì nó dạy thành « Ghét », « Cảm ơn lắm » thì nó dạy thành « Tô cha mày ». Tha hồ cho lũ Mỹ về nhà thảo luận với nhau và bày vẽ cho nhau về những chữ vừa học được. Chắc là chúng nó sẽ kể luận: « Sao mà tiếng Việt phong-phú thế ? Thiên bình vạn trạng như thế? »

Phượng nói :

— Rồi đâu đó cũng dần xếp êm xuôi. Nó cứ tha hồ nói ngạp ngọng và người Việt cũng tha hồ hiểu theo ý của họ. Hôm nọ thằng Phil ở bên Thủy quân lục chiến qua nói với em một tràng tiếng Việt. Nghiêm trang như khi đọc một bài văn tế. Lụp chụp nói thật mau như sợ chữ nghĩa nó lọt mắt hay vụng mắt. Em nghe chả hiểu nó nói gì hết.

— Rồi mày làm sao ?,— lời của Liên.

— Em ô-kê đại đi. Và nó cười hề hả.

— Nguy hiểm lắm nhé? Nếu nó vừa tế với mày rằng « Em ơi, chiều nay xuống Hôtel Continental ngủ với anh một tối » mà mày trả lời ô-kê thì có phải chết mày không?

— Chết đâu? Vẫn còn sống nhăn răng đây thấy không? Nó đại thì nó cứ xuống Hôtel ngồi chờ. Đờn nay hò hẹn đang hoàng, quéo ngón tay làm chắc mà vẫn cứ ăn thịt thỏ như thường, hưởng chi là ngôn ngữ bất đồng, hiểu sai hiểu lầm. Báo chí mà còn dịch tin sai và phải cải chính liên miên hưởng chi là mình, chữ nghĩa sức mảy. Lời tuyên bố chính trị mà còn đính chính, hưởng chi là lời hò hẹn.

— Thế mày có thương nó không?

— Thương bột giặt Tide và xà phòng Dove nó cho thì có. Nó hẹn mua biếu tao một cái magnétophone hiệu Akai khi nó đi Hồng Kông về.

— Mày trả lại nó bằng gì, — Liên hỏi. Một cái hôn?

— Chưa nghĩ. Nếu bí quá thì cho nó hôn một cái trừ nợ. Thời bây giờ, quý giá gì một cái hôn?

Cầm-Bình la lên :

— Thế là mày chết, con ơi. Một cái hôn tiếp theo rồi vùn vùn và vùn vùn. Cũng y như thằng nhỏ ăn kẹo. Ăn một cái vố thì cái kẹo nó buồn. Ăn thêm cái nữa cho hai đứa nó có bạn. Nhưng hai đứa đánh nhau trong đó và phải ăn vô cái kẹo thứ ba để nó cau. Ai ngờ hai thằng chọi một, phải ăn cái kẹo thứ tư để quân-bình lực-lượng. Cứ lý-luận kiểu đó thì rốt cuộc ăn liêm miên,

Phượng ngắt lời :

— Thôi đi, bà cứ dạy khôn tôi hoài. Thằng Morgan biếu bà một cái đồng hồ đeo tay, thế cái đồng-hồ đó nó buồn rồi bà làm sao? Bà bắt nó biếu một cái thứ hai?

Cầm-Bình cười :

— Nó biếu cái gì là tùy sáng-kiến của nó. Cái đồng-hồ có thể đi với cái ra đi-ô hay cái Suzuki chẳng hạn.

Liên chỉ mặt :

— Thế là tụi bây khôn hết đó nhá. Đứa này dạy khôn đứa kia rồi đứa kia phải dạy khôn lại đứa này. Tụi bây sự quá mà. Chẳng bõ tao thì cần dặn năm lần mười lượt rằng không được nhận món quà nào của tụi nó hết. Nhận là bắt đầu sự suy sụp.

— Thế hôm trước thằng Anderson đưa chị cái máy ảnh thì chị vất đi đâu ?

— Tao để lên poóc-ba-ga chở về nhà. Đó không phải là quà tặng. Nó khen tao siêng năng và nó thương tao.

Tôi bật cười không giữ được. Chẳng biết Liên nó nói thật tình hay nó nói đùa. Ba chị em đều vui-vẻ dễ tính. Hay nói đùa nhau. Hôm tôi mới đến làm, Cầm Bình nói :

— Chị Nhân đẹp quá, Chị có đôi con mắt đẹp kinh-khủng. Y như mắt của Pier Angeli. Em mê con mắt loại đó.

Liên cầm tay tôi :

— Tay chị cũng đẹp nữa. Ngón tay mập mập, suông đuột. Ngón tay em khô cứng, đen chị thấy không ? Người ta nói ngón tay như vậy khổ lắm.

Tôi cười :

— Thầy bói nói đùa, mình tin sao được ? Và lại những ưu-điểm và khuyết-điểm của các bộ phận trên khuôn mặt bõ tức cho nhau. Tôi vừa nói vừa nghĩ thắm. Mấy tháng nay phải tự mình làm bếp, xước móng tay, sắp sửa chai da đi. Trước ngày đi làm phải bỏ ra cả buổi để sửa lại móng tay bàn tay.

Liên hỏi :

— Chị đã lập gia-đình chưa ?

— Dạ rồi.

— Có con chưa ?

— Dạ được một cháu. Cuộc sống đắt đỏ quá nên phải đi làm thêm.

— Bọn em cũng vậy. Em thi rớt hoài, học hết vô. Thôi, bỏ bi làm. Con Phượng thì bị thằng bõ nó tử trận nên nó buồn nó đi làm. Chị tính, còn hai tháng nữa cưới. Áo-quần, đã may sẵn, thiệp cưới đã gửi đi cho bà con bạn bè, tiệc tùng xe pháo đã sắp đặt trước, chỉ còn đợi ngày về. Thế mà cuộc hành-quân vào phút chót phải kéo dài và bõ nó chọn đúng vào lúc đó để mà chết. Không thể nào bi thảm hơn được. Nó than rằng đời nó như thế là bỏ đi rồi. Em rủ nó đi làm. Hỏi nó : Có sợ dư luận không ? Nó bảo : Chết còn không sợ thì hỏi còn biết sợ món gì nữa. Nó đi làm với em. Đó, chị hỏi lại nó xem.

Tôi nhìn về phía Phượng và Phượng gật đầu.

— Đúng như vậy chị à. Giá nó rủ em đi xuống làm dưới địa ngục em cũng đi. Anh Giản chết rồi thì em coi như chết luôn theo.

Tôi nói :

— Chị còn trẻ quá mà, đâu có gì mà tuyệt vọng ? Rồi chị sẽ gặp một người, sẽ yêu một người và cuộc đời sẽ tươi đẹp đáng sống trở lại.

Liên nói :

— Nó gặp nhiều hơn một người. Hai, ba, bốn, năm, sáu gì đó. Nó chọn không hết.

Phượng đập vào vai Lien :

— Nói nhảm. Em có gặp những người khác sau anh Giản nhưng sao không thể quên anh được.

— Phải nên nói rằng « chưa quên được » hơn là « không thể quên được », — lời của Cẩm Bình.

— Phải. Rồi em cũng sẽ quên, em biết trước như thế, Trí nhớ của con người ngắn lắm. Ai cũng bội bạc hết.

— Ai cũng bội-bạc hết nên thành ra không còn ai bội-bạc nữa, bội-bạc theo nghĩa đúng của nó, — tôi nói. Bao nhiêu là vấn đề dính khăng theo đó. Nào là nhu cầu sinh sống, nào là yếu tố sinh lý...

— Nó không thích yêu nữa, nó không bị sinh lý hành hạ.

Tôi cười :

— Sinh lý đâu chỉ có, nghĩa là yêu đương ? Sinh-lý là sự hoạt động của cơ thể, ví-dụ óc não ghi nhận hình-ảnh trong thời gian bao lâu đó rồi quên đi, mờ đi.

— Liên chỉ sang Cẩm Bình :

— Còn con này thì em chịu không biết, lại-lich nó. Nó nói kiếp trước nó là người dân của miền Atlanta nên bây giờ dẫu phải dẫu thai ở Việt Nam mà nó vẫn nhớ nước Mỹ. Nghiện nặng butter, cheese creamy.

— Chị đừng tin. Em nói đùa với nó đó. Em có biết Atlanta là xứ nào. Coi truyện của Margaret Mitchell nên cứ nhớ mãi Atlanta.

Ba chị em thật dễ thương. Tôi hay nghe người ta kể xấu đàn bà nhưng may quá ba người bạn này điều tốt.

Mansfield, — bây giờ tôi cũng bắt chước các chị mà gọi thân mật là Johnny, — bảo tôi nên chọn một cái tên Mỹ cho dễ gọi.

— Tên Việt Nam có nhiều âm khó đọc, có nhiều dấu giọng khó uốn theo. Bà thử tìm một tên Thánh cho bà, chẳng hạn Juliet, Ann, Jacqueline...

Tôi lưỡng-lự không biết chọn tên gì. Tôi không có một kỷ niệm nào với một tên Thánh đàn bà. Tên gì cũng có vẻ lảm bợ. Thấy tôi lúng túng, Johnny nói :

— Hay là tôi xin phép để chọn một cái tên cho bà.

Thấy tôi không phản đối, Johnny tiếp :

— Tôi gọi là bà là Elisabeth, là Liz cho cho gọn.

Liz . . . Liz . . . Tôi vụt nhiên có một tên mới. Cái tên ghép vào tôi như một Định mệnh. Định mệnh nào đây ? Tôi đã rời bỏ cái gì để đang chấp nhận cái gì ? Quan-trọng vậy sao ? Liz ! Lúc nhỏ đi học, những đứa bạn tôi hay ghép một tên Thánh vào tên của nó mặc dù chúng không theo đạo Thiên-chúa. Con Marguerite Mỹ-Lê. Con Anne Marie Nguyễn-thị-Nhường. Thăng Tony Sơn. Thăng Henri Tín. Đó chỉ là lối chơi hợp thời trang. Trường hợp tôi thì không. Quan trọng hơn. Tôi đang lột xác. Lột xác. Rùng mình, tôi nhìn Johnny.

— Bà có thích xem những phim của Liz Taylor đóng không ?

— Có.

— Bà có thấy Liz Taylor đẹp không ?

— Có.

— Theo bà thì nét nào trên khuôn mặt của Liz Taylor bà cho là đẹp nhất?

Nét nào cũng đẹp là đẹp hết, — tôi nghĩ. Một khuôn mặt đẹp là gồm những bộ phận đều đẹp. Đôi mắt. Cái mũi. Mái tóc. Cái miệng. Cái gì nơi khuôn mặt của Liz Taylor cũng đẹp hết. Cùng Johnny trầm trầm :

— Theo tôi thì trên khuôn đó tôi thích nhất là đôi mắt. Bà cũng có đôi mắt đẹp như vậy.

Câu kết luận bất ngờ làm tôi giật mình. Tôi không dám nhìn Johnny nữa.

— Vậy từ nay tôi gọi bà bằng Liz. Bà bằng lòng chứ.

Tôi nói một tiếng « Vâng » nghẹn ngào trong cổ họng. Khi ôm xấp hồ-sơ đi ra, tôi mất bình-tĩnh. Tôi đã nhượng bộ. Từng bước từng bước nhượng bộ như thế không biết rồi tôi sẽ đi đến đâu.

VÕ-HỒNG

(Còn nữa)

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường ALGAN

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

Lá thư CAMBRIDGE

Cambridge, tháng 8, 1967.

Thế là ngày này qua ngày khác, tuần nọ tiếp tuần kia, kể từ khi chúng ta tạm chia tay, đã được hơn hai tháng. Tôi vẫn thường nhớ đến anh, vì thăm trách anh không cho tin tức. Cao đến một buổi sáng, sắp xe đi Oxford, nghỉ cuối tuần và thăm bạn, thì nhận được thư anh. Anh trách tôi; và lúc đó tôi mới sực nhớ chính tôi cũng không hề có thư gửi thăm anh! Thì ra vì nghĩ đến nhau luôn, tôi đã lầm tưởng như chúng ta vẫn thường thư từ trao đổi, về những vấn đề riêng cũng như chung. Và xa mặt nhưng chẳng cách lòng bất chấp cả không gian lẫn thời gian, chúng ta đồng thanh khí thường đã vẫn gặp nhau, vì thần giao cách cảm...

Anh hỏi tôi: trong mấy tháng vừa qua, đã làm những gì? Tôi xin trả lời: tôi đã sống lại đời sinh viên, như mấy chục năm về trước. Ngày ngày đi nghe giảng, tối tối làm và học bài, sáng nấu sữa điểm tâm, trưa ăn cơm nhà trường, tối ăn cơm tiệm hay nhà trọ. Bình thường, buổi chiều, giặt ủi áo quần, cho y phục nếu không « bảnh bao » thì ít ra cũng đỡ phần « bê bối ».

Đời « sinh viên » của tôi tại Cambridge, và một vài tuần ngắn ngủi trước đó tại Paris và Londre, hoạt động hay đúng ra sinh hoạt và cảm tưởng như thế nào, tôi hứa sẽ kể chuyện sau. Bây giờ đại cương hãy xin tả cảnh Oxford — Cambridge, nhất là Cambridge, dưới mắt một sinh-viên Việt-Nam, để anh thưởng-thức. Thực ra, thì danh từ « sinh viên », cũng hơi lạm-dụng! Vì thăm-thoát kẻ trước người sau chúng ta ra trường đã được hơn hai chục năm trời! Nhưng tôi dám chắc anh cũng như một số bạn đọc sẽ đồng ý với tôi là: tuổi không phải chỉ tính theo cuốn sổ bộ đời, mà còn có thể căn cứ vào tình tình con người cùng là quan-niệm nhân-sinh. Hơn nữa, bất cứ tuổi nào và bất cứ ở đâu, người ta vẫn có thể vui để học. Vì có những điều cần biết mà mình không biết, hay chưa biết tới mức tương-đối khả-quan, để có thể trở nên « hữu dụng »...

Không thể nói chuyện Cambridge mà quên Oxford, hay nói chuyện Oxford mà quên Cambridge. Bởi vậy, trước khi nói chuyện dài về Cambridge, xin hãy nói chuyện ngắn Oxford, vì chỉ là sơ lược. Hai tỉnh, hay đúng ra hai trung

tâm đại-học, chẳng khác nào hai anh em ruột song sinh. Oxford và Cambridge đều rất danh tiếng trên thế-giới, có thể còn hơn cả Londres và Paris nữa.

Chúng ta hãy tưởng tượng một bình tam giác, ngọn là Londres chỉ về phía

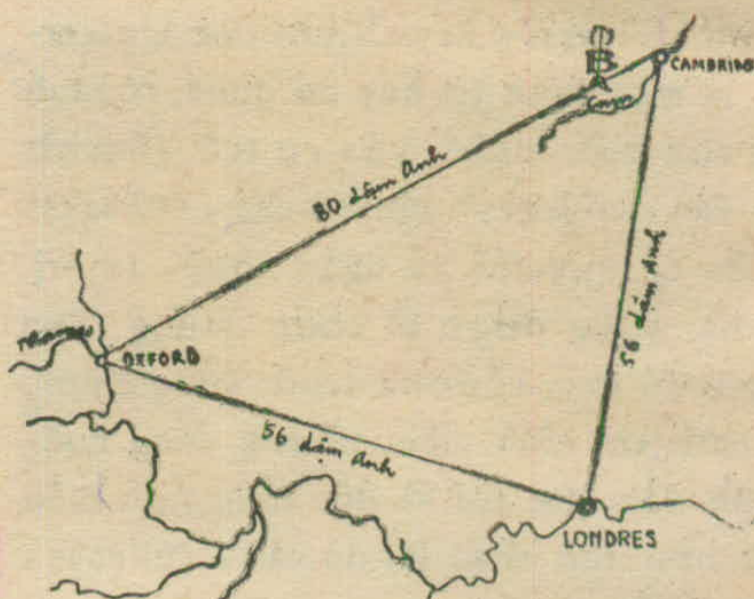
Nam. Cambridge hơi nghiêng về phía đông-bắc cách Londres 56 dặm Anh, (mỗi dặm Anh lối 1.600 thước) Oxford nghiêng về phía tây-bắc nhiều hơn, cách Londres, cũng 56 dặm. Và đường nối liền Oxford với Cambridge dài 80 dặm. Đạp xe hơi hay xe lửa từ một tỉnh tới một trong hai tỉnh kia, lâu độ từ một tiếng tới một tiếng rưỡi, tùy trường-hợp.

Hai trung-tâm tổ-chức nền đại-học gần như theo cùng khuôn-mẫu và hệ-thống. Và các sinh-viên ganh tài đua sức, không những chỉ riêng về học-vấn mà còn cả về thể-dục.

Cambridge ở trên bờ sông Cam ; Oxford ở trên bờ sông Thames, tiếng Pháp kêu là Tamise. Hàng năm, hai đội thuyền Oxford và Cambridge rủ nhau về Londres thi đua, đã trở nên một ngày hội lịch sử tưng bừng, náo nhiệt, dân chúng thủ-đô rất lưu tâm và thường thức. Được các bạn đồng song chỉ định vào đoàn bơi thuyền để bênh vực màu cờ, hay hơn nữa, được bầu làm trưởng đoàn, là một vinh dự lớn có thể đồng hóa với một chứng chỉ học trình, không những trong đời sinh viên hiện tại, mà còn cả trong tương lai, khi đã ra trường.

Tỉnh Oxford đặt nền móng từ thế kỷ thứ 8. Và mãi đến cuối thế kỷ 12, trường đại học phôi-thai đầu tiên mới thành lập. Sự kiện lịch sử đã khiến nhà văn John Richard Green nguyên quán ở Oxford cao hứng viết như sau : « dân chúng Oxford sống đời thành thị được 5 thế kỷ, rồi mới gặp người sinh viên đầu tiên xuất hiện đi ngoài đường phố. »

Danh từ «University» thoát kỳ thủy không có nghĩa như bây giờ : một tòa nhà, cơ sở, hay tổ chức. «University» thuở ban đầu ngụ ý thật lỏng lẻo và chỉ ở r-kể thầy và trò. Thầy trò họp nhau ;



thầy giảng bài, trò nghe và chép. Thầy trò có thể gặp nhau bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu : một căn phòng, một quán nước lớn hay nhỏ, mượn hay thuê, nay đây mai đó, bất chấp cả sớm hay tối, sáng hay chiều, miễn là có chút tiện nghi tương đối. Nhưng sinh viên ngày một đông, môn giảng lại ngày một nhiều khiến nơi họp cần phải rộng lớn, và buổi họp có giờ giấc. Nghĩa là công cuộc bắt đầu yêu sách một số tối-thiểu điều-kiện vật-chất và tổ chức. Do đó, ta thấy các trụ sở, nghĩa là các lớp, các trường (Hall), bắt đầu xuất hiện, do các nhân vật có ảnh hưởng hoặc mạch thường quân về văn chương nghệ thuật, đứng lên đỡ đầu hay khuyến khích. Về sau này ta mới được biết và làm quen với danh từ « college ». Danh từ đó còn tồn tại đến ngày nay mà ta không nên lầm với một trường trung học ở Việt-Nam vì cũng được dùng chữ này khi dịch ra tiếng Pháp.

Tóm lại nói tới một « College » tại Oxford hay Cambridge, ta phải tùy trường hợp mà liên tưởng tới một Đại-học-đường hướng dẫn sinh viên và đào tạo nhân tài về đủ các môn, hay gần đủ các môn : luật học, sử học, văn chương, khoa học, y học, v.v... Và

Oxford University hay Cambridge University, là một danh từ hay cơ quan, có tánh cách vừa «siêu hình», vừa cụ thể: gồm hết thảy các «colleges», nhưng các «colleges» lại đều có quy-chế và ngân quỹ tự-trị. Các bài giảng được tổ chức chung cho từng môn học, chương trình cũng chung cho toàn thể sinh-viên, nhưng công cuộc hướng dẫn, tìm tòi và đời sống tinh thần cũng như thể thao lại do các «colleges» trách nhiệm.

Muốn được nhận là sinh viên (tiếng Anh kêu: undergraduate) của một «college» không dễ. Không những thí sinh phải hội đủ các điều-kiện văn bằng (bao nhiêu môn và xếp hạng như sao...), mà còn phải được hội-đồng chấp thuận. Có «college» tổ chức thi nhập trường, có «college» sau khi xét học - bạ chỉ «vấn - đáp» đại cương (tiếng Anh kêu: interview); có «college» không bắt thi, không làm «interview», nhưng xét hồ sơ thật thận trọng để rồi khước từ hay chấp nhận.

Học-phí tại «college» rất cao, nhưng được chánh phủ trả cho phần lớn, còn chính sinh viên lại chỉ đóng góp tượng trưng.

Tại Oxford có tất cả 24 «colleges» cho nam sinh-viên, 5 cho nữ sinh-viên, và 1 chung cho nam và nữ sinh-viên. Tổng số ban giảng-huấn có tới 100 giáo sư, 500 giảng-sư hay phụ-giáo, 500 «bạn đồng-hành» (tiếng Anh kêu fellows, nghĩa là các bậc đàn anh đã tốt-nghiệp, từ lâu, đi trước, xuất sắc, ngày nay được chọn để dìu dắt các bạn trẻ sinh sau đẻ muộn).

Tổng-số sinh-viên tại Oxford ước lối 9.000, trong số có lối 1.000 nữ sinh-viên. Ngoài ra, còn phải kể hơn một ngàn sinh-viên đã tốt-nghiệp (Graduate. —

B.A. = Bachelor of Arts hay vì thâm niên nên đã được «lên chức» M.A. = Master of Arts), ở lại để nghiên-cứu hoặc soạn luận-án để thi lấy cấp bằng tiến-sĩ (Ph.D. = Philosophy Degree).

Tổ-chức như vậy thật tế-nhị và phức tạp, khác hẳn với các hệ-thống đại-học tại Mỹ và lục-địa Âu-châu «University» và «colleges», như ta thấy, vẫn riêng rẽ mà vẫn cùng nhau hợp-tác, thật chặt chẽ.

«University» cấp ngân-khoản cho «colleges», nhưng chỉ với danh-nghĩa phụ-cấp, còn thì ngân-quỹ chánh, tự-trị, là do các nguồn lợi khác, trong số có tiền góp của sinh-viên, quyền trước-tác các-ấn-loát phẩm, cùng là tiền do các tư-nhân hảo-tâm, các cựu sinh-viên ngày nay «làm nên» nhờ ơn nhà trường cũ, hoặc các «quỹ văn-hóa từ-thiện» gửi tặng. Tiếng Anh-Mỹ có chữ Foundation mà ta không thể phiên dịch bằng một danh-từ tương-đương sát nghĩa.

Có những nhà triệu-phú, những đại kỹ nghệ gia, mang tiền tặng các «colleges». Có khi tặng ngay khi còn sinh - thời; có khi trước ngày vĩnh-biệt cõi trần, đã thậ-trọng làm chúc-thư căn dặn. Ở Việt-Nam, chúng ta biết có Asia-Foundation trụ-sở chánh tại Hoa-Kỳ, hoạt-động cũng không ngoài mục-đích và khuôn khổ đó.

Các vị điều khiển «colleges» là do các giáo sư, các giảng sư và các «fellows» bầu nên. Có nơi kêu là Master, có nơi kêu Warden, lại có nơi kêu là Principal. Các sinh-viên có người ăn ở trong trường, có người ở ngoài nhưng nơi ở phải được ban giám-đốc chấp thuận. Nguyên-tắc chung là các sinh-viên ăn cơm ở trong «college», trừ ngày nghỉ hay ngày lễ. Nhiều khi ăn cơm cùng

với các thầy, tuy không cùng bàn, nhưng cùng phòng Phòng ăn thường ở cạnh phòng bếp cho tiện việc. Tình sư-đệ, nghĩa đồng-môn thật là nồng nhiệt...

Muốn đi thăm một « college » cho tường-tận, phải quen đề nhờ một nhân-viên trong ban quản-trị hướng-dẫn. Nhưng bình thường, các nơi như thư viện, phòng ăn, nhà nguyện, sân cỏ... vẫn mở rộng cửa đón tiếp các du-khách tới viếng thăm, hầu thường thức vẻ yên-tĩnh cùng là kiến-trúc cổ-kính của nhà trường. Vì đa số các « colleges » tại Oxford và Cambridge đều đã được sáng lập từ nhiều thế-kỷ, chứng-kiến nhiều cuộc đổi thay, mà vẫn đương đầu hữu-hiệu với các tang-thương chìm nổi...

Từ 1249 đến nay, tại Oxford có tất cả 25 colleges (1) và 5 colleges dành riêng cho các nữ sinh viên (2).

Trừ mấy « colleges » mới thành-lập từ đầu thế-kỷ, còn thì trường nào cũng

(1) Theo thứ tự thời gian 25 colleges đó là : University College (1249), Balliol College (1262), Merton College (1264), St Edmund Hall (1269), Exeter College (1314), Oriol College (1326), The Queen's College (1340), New College (1379), Lincoln College (1427), All Souls College (1437), Magdalen College (1458), Brasemone College (1509), Corpus Christi College (1516), Christ Church College (1532), Trinity College (1554) ; St John's College (1555), Jesus College (1571) ; Wadham College (1612) ; Pembroke College (1624), Worcester College (1714) ; Keble College (1870), Hertford College (1874) ; St Peter's College (1929) ; Nuffield College (1937), St Anthony's College (1950).

(2) 5 colleges của nữ sinh viên là :

Lady Margaret Hall (1878), Somerville College (1879), St Hugh's College (1886) ; St Hilda's College (1893), St Anne's College (1952).

đều kiến-trúc cổ-kính, nghi-lễ xa-xưa, mặc dù vậy mà vẫn không lỗi-điều với các tiện-nghi do các phát minh khoa học của thời đại mới. Cái phức-tạp, tế-nhị, mâu-thuẫn mà vẫn thuần-nhất, là ở chỗ đó.

Năm 1920 là khúc rẽ của lịch-sử trung tâm đại-học Oxford cũng như Cambridge. Vì là lần đầu các nữ sinh viên được lãnh cấp bằng như các bạn trai. Và cũng là lần đầu, sau 800 năm hoàn toàn tự-lập và độc-lập, các « colleges » nhận lãnh ngân khoản do chánh phủ trợ cấp.

Người dân Oxford cũng như sinh-viên Oxford rất kiêu-hãnh về tỉnh và các « colleges » của tỉnh mình. Vì tỉnh-ly khanh-trang sầm uất, và các « colleges » danh-tiếng đã đào tạo biết bao nhiêu nhân-tài không những cho đất nước Anh, mà còn cho toàn nhân-loại.

Quan-điểm này không được người dân Cambridge cũng như sinh viên Cambridge hoàn-toàn đồng-ý.

Người dân cũng như sinh viên Cambridge cho rằng Oxford kỹ-nghệ và thương mại quá, không còn phù-hợp với tính-cách tài-tử văn-nhân của lòng người mặc khách. Tỷ dụ như hãng chế tạo xe hơi của đại-kỹ-nghệ gia William Morris đã khiến Oxford trở nên quá náo nhiệt, và Oxford do đó đã bớt một phần nào nên thơ, trầm lặng... Nhưng chính Ô William Morris, gián-tiếp cũng như trực tiếp, đã là một trong số các vị ân-nhân của Oxford. Và Oxford vẫn có thể tiếp tục kiêu-hãnh vì các « colleges » cổ-kính của mình.

(Còn tiếp)

PHẠM TRỌNG NHÂN

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN



THI CA VIỆT-NAM HIỆN ĐẠI (1880-1965)

Biên-khảo và sưu tầm tuyển lựa 800 bài thơ. KHAI-TRÍ xuất bản. Giá 350đ.

Tác giả :

TRẦN-TUẤN-KIỆT sinh ngày 1-6-1939 tại làng Tân vinh-hòa, tỉnh Sadec, Bút hiệu Sa-Giang. Thuở nhỏ đi bắt dế ở Đồng Tháp Mười và tất cả những thi hứng ngày nay đều bắt nguồn từ cuộc phiêu lưu này mà có.

Đã viết cho Văn-hóa ngày nay, Phổ Thông, Văn, Nghệ-thuật, Tiếng nói... Tổng thư-ký nhật báo Liên Minh và cộng tác với hầu hết các báo ở thủ đô từ năm 19 tuổi ..

Đã xuất bản : các tập thơ *Thơ Trần Tuấn Kiệt, Nai, Bài ca thể giới, Cồng gió, Triều Miền ngâm khúc, Tiếng đồng nội, truyện dài Sa mạc lan dần, biên khảo Thi ca V.N hiện đại.*

Tác phẩm :

Nói về con số, thì quả quyền sách «thơ» này đáng đề ý. Số trang — trừ đi 86 trang không có vì bị bỏ — là : 1.114. Số bài thơ được chọn : 801. Số nhà thơ có mặt : 144. Và phải mất trên 3 năm để sưu tầm, hai năm để in và không dưới 6 tháng để vượt qua bao trở ngại về phép tắc. Và cả cái thời gian gói ghém nó cũng là... kỉ lục : non thế kỉ !

Non thế kỉ ? Đúng ra là 85 năm. Nhưng hai con số ghi dưới tên sách cũng cần bàn lại : 1880-1965. 1880 là năm nhà thơ lớn tuổi nhất xuất hiện trên thi đàn ? hay bài thơ đầu được tuyên chào đời ? Không đâu. Đó là năm mà nhà thơ lão thành nhất — Thượng-Tân-Thị — ra mắt người đời, đúng ba năm trước khi nước Việt ta mất hẳn nền Độc lập. Như thế thì tên sách phải là «Thi nhân Việt-Nam hiện đại» mới phải, vì bài thơ đầu của tuyển tập này, bài *Truy-niệm Nguyễn-Đình-Chiều*, không thấy soạn giả cho biết ra đời năm nào, bài thứ nhì, *Ngộ cố tri*, có ghi cả năm, cả tháng và cả ngày, nhưng lại khá gần ta : 19-7-1950, và bài thứ ba, *Khuê phụ thán* — phải chăng là bài xưa nhất ? được in năm 1919.

Nhưng ta hãy nghe soạn giả phân trần.

«Sách thi ca Việt-nam hiện đại in ra để bù đắp vào sự thiếu thốn một quyển sách về thơ ngày nay». Đáng quý thay thiện chí của nhà thơ Trần-Tuấn-Kiệt

«Những sách giáo khoa như của *Dương-Quảng-Hàm* thì trích được vài ba bài không xuất sắc lắm để tiêu biểu cho *Thơ Mới*, kể đó có sách *Thi nhân Việt nam* của *Hoài Chân*, *Hoài Thanh* là một quyển thật có giá trị về tuyển bình thơ, nhưng tiếc rằng còn một số thi nhân đương thời được nhiều người mến mộ lại bỏ sót, và quyển *Nhà văn hiện đại* của *Vũ-Ngọc-Phan* tuy có phân tích, phê bình rõ ràng nhưng ông này không hiểu nghệ thuật Thi ca, thanh ra ông bàn lệch lạc có hại hơn là hữu ích cho người đọc. Quyển của *Phạm-Thanh* thì bỏ đầu bỏ đuôi, thiếu sót quá nhiều». Và soạn giả «mong sưu tầm thật đầy đủ về thơ nước ta từ năm 1880 đến nay (1965)», như thế chứng tỏ rằng từ 1880 đến 1919, không có áng thơ nào được lọt vào mắt xanh của nhà thơ họ Trần.

Vậy *Sa-Giang* chọn theo tiêu chuẩn nào? «Khi cảm thông được với nguồn rung cảm chân thành và đặc biệt, từ người từng nổi danh trên thi đàn hay người mới xuất hiện hôm nay, hoặc chúng tôi nhận thấy bóng dáng họ sẽ rực rỡ ở ngày mai, chúng tôi đều ghi tiếng thơ họ vào sách này.» Và ngoài những trường hợp ngoại lệ, anh xếp thơ chọn theo ba thời kì lịch sử: *tiền chiến*, thơ trong *thời chiến tranh* và thơ *hôm nay* tức thơ *hậu chiến*. Rao như thế, chớ sau — có lẽ khi thợ nhà in sắp chữ gần đến trang cuối — anh «sực nhớ lại mình đã bỏ sót quá nhiều gương mặt rực rỡ của thi ca hiện đại», hay mới sưu tầm thêm được đôi bài thơ (sáng tác cũng như dịch thuật) của vài nhà thơ, nhà văn hay *tiền chiến*, anh cho thêm phần mục danh là *Tiếp nối*, gồm 29 thi nhân với 153 bài, trong đó có thi sĩ hiệu *Sa Giang*, tên *Tuấn Kiệt*, khép lại quyển sách, với số thơ kỉ lục: 29 bài.

Bây giờ, mời bạn cùng chúng tôi lần giở trước đến.

Nhà thơ lớn tuổi nhất mở màn, *Thượng-Tân-Thị*, sanh vào «khoảng 1880». Kế đến *Phan-Khôi* (1887), *Tân-Đà* (1888), *Á Nam* (1894), *Nhượng-Tống* (1897) *Tương Phổ* (1900), *Đông-Xuyên* (1906). *Đông-Hồ* (1966) Đến đây, bỗng có sự nhảy vọt về thời gian. Phải chăng vì nhà thơ *Sa-Giang* chúng ta không nỡ để *Đông-Hồ* xa... *Mộng Tuyết*? Vì người nữ thi sĩ này sanh sau *Thế-Lữ* đến bảy năm dài mà được đứng trước tác giả «*Mấy vần thơ*» để theo sát *Đông-Hồ*. Kế đến *Nam-Trân* (1907), *Tân-Hiến*, *Vân-Đài*, *Quách-Tấn*, *Thái-Can*, *Đoàn Phú-Tứ*, *Vũ Hoàng Chương*, *Đình Hùng*.v.v.

Thật là quá ư đầy đủ, nhưng dường như vẫn còn thiếu *Tú-Mỡ* thì phải. Hai thi sĩ có thơ được chọn nhiều trong thời kì này là *Hàn-Mặc-Tử* và *Xuân Diệu* (16 bài). Chúng tôi quên nói rằng soạn giả có thừa trước rằng người chọn cả thơ dịch, cả thơ Tàu lại với thơ Tây!

Và sau hai trang mào đầu, thi ca thời chiến tranh bắt đầu với *Lam-Giang*, rồi đến *Việt-Châu*, *Ái Lan*, *Tố Hữu*, *Hồ Thấu*, *Ninh Huy*, *Quang Dũng*, *Hoàng cầm* v.v.

Có điều người đọc không khỏi làm lạ, là trong những bài thơ thời chiến tranh này có bài làm khi chiến tranh — chiến tranh Việt-Pháp — chấm dứt khá lâu, như trường hợp bài thơ chót của *Lam Giang*, làm trước ngày 27-2 để cầu chúc vụ xạ kích thành công, mà vụ xạ kích đây là xạ kích dinh *Độc lập* thời *Nhu-Diệm*, năm 1962 thì phải. *Việt-Châu* được trích nhiều nhất (13 bài).

Và đây, những nhà thời hậu chiến : Quach-Thoại, Chế-Vũ, Bùi-Giáng, Tuệ-Mai, Kiên-Giang, Nguyễn-Sa, Vương-Tân vv...

Trần-Đức-Uyên được chọn 15 bài, số bài nhiều nhất.

Phần tiếp nối có thơ của Minh-Đức (1), Nguyễn-Ngu-Í, Tôn nữ Hoàng-Trân, Hoàng-Ngọc-Liên, Anh-Tuyển, Nhất-Tuấn, Thao-Thao vv.. và... Trần-Tuấn-Kiệt (vời, như đã nói, số thơ kỉ lục : 29 bài, nhưng không tiêu sử).

Chúng tôi thấy thiếu «tiếng thơ» của Thế-Viên, của Lệ-Khánh, hai tiếng thơ cũng khá độc đáo.

Cũng xin ghi : phần tiêu sử, giới thiệu, phạm bình, có người đầy đủ và dài dòng, có người sơ lược, cũng có vài người chỉ cái tên hoặc bất hiệu. Chính soạn giả cũng thừa trước «phần thiếu sót sẽ bổ khuyết vào kì in sau.»

Nhiệm vụ người đọc giúp bạn tới đây có thể gọi là xong. Mời bạn đọc đón chờ một bài phê bình thế nào cũng phải có đối với một công trình dài hơi và dài trang như thế.

NGƯỜI TÌNH NGOÀI MẶT TRẬN

Tập truyện của Nhã-Ca, Kim Anh xuất bản, 190 trang, 85đ.

Tác giả :

Xin xem B.K. số 246 (1-4-67) trang 69.

Tác phẩm :

Không những chỉ có truyện ngắn mang tên này được chọn làm tên chung cho toàn tập, mà cả sáu truyện kia : *Cánh tay trái*, *Nô giỡn với kẹo đồng*, *Lăn tới chân chàng*, *Tình nhỏ*, *Dấu tích tình nhân*, *Đề lại cho tương lai* cũng

đều chung một đề tài, nhưng mỗi đề tài mang một sắc thái riêng) : nỗi lo âu và mong đợi của người phụ nữ có người yêu hoặc người chồng đang chiến đấu nơi tiền tuyến.

Đó là Nguyễn, có mang được hai tháng, mất tin chồng ở một đồn lẻ nọ ở Quảng-ngãi, bị địch lấy, rồi quân ta chiếm lại. Chàng bị giết ? Chàng bị bắt ? Trong lúc khắc khoải ấy, một người bạn đem đến một tia hi vọng : có tin nhiều người được cứu thoát, trong đó có một số bị thương. Nguyễn chấp nhận trường hợp «chàng về nay đã cụt tay», và nhớ lại đêm từ biệt, chàng ôm nàng bằng cánh tay trái, nàng thì thầm với người vắng mặt : «... dù thế nào anh cũng dành cho em 1 cánh tay trái» (*Cánh tay trái*).

Đó là Hiền, có người yêu đi lính. Trước, có lúc vui miệng, chàng thường bảo chàng yêu những «viên kẹo đồng». Thế mà một buổi tối nọ, một viên kẹo đồng không biết từ đâu đến đã giết bà ngoại yêu quý của nàng. Nàng cùng mẹ và các

(1) Đáng lí phải gọi : Minh-Đức-Hoài-Trình để khỏi lộn với Minh Đức (nam)



em về quê để lo chôn cất người xấu số; bao kỉ niệm ấu thơ sống lại, và nàng ở lại thêm ít hôm vì nàng chắc rằng "còn lâu lắm nàng mới trở về" quê ngoại có những vồng đất cần khô buồn nản, có những đàn se sẻ riu rít. Và nàng tự lện sẽ viết một lá thư thật dài cho chàng, «nói về những viên keo đồng mà chàng đang nô giỡn với chúng» (*Nô giỡn với keo đồng*)

Đó là Khê, ở trong hoàn cảnh đau lòng: cha mẹ không thể sống chung, cha lấy vợ khác, thỉnh thoảng lại thăm con gái, mẹ thì sống phóng túng. Niềm an ủi không bờ bến của nàng là người binh nhì đang chiến đấu, bạn lòng của đã hai năm nay. Cha nàng sắp đi thật xa, muốn đem nàng theo để chăm lo, dạy dỗ, nhưng mẹ nàng cự tuyệt. Giữa lúc đó, nàng được thư chàng, cho hay chàng vừa mất một chân. Rồi ít giờ sau, một bạn chàng đến, cho hay «Anh ấy mất tất cả.» (*Lặn tới chân chàng*).

Đó là Trâm, đi thăm người yêu ở một tỉnh nhỏ, đem theo chiếc áo len tự tay đan lấy cho chàng. Đến nơi, mới biết trung úy có lệnh đi hai hôm. Nàng ở chờ hai hôm, chàng chưa về, «chắc có việc gì chưa về được». Nàng không thể chờ, phải về Đà Lạt với mẹ. Nhưng khi con tàu vừa chuyển bánh rời cái tỉnh nhỏ ấy, thì chàng chạy nhanh đến nhưng trễ quá rồi, một thoáng chàng «chỉ còn cái bóng mờ» (*Tỉnh nhỏ*).

Đó là Doan, cùng chị đi đón tình nhân ở mặt trận có thư hẹn về. Hai chị em ra sân bay, trong khi ở nhà mẹ chờ nàng về để dùng cơm với hai mẹ con người muốn hỏi nàng. Thì ra chàng bị chết ở mặt trận. Đau đớn thể tối về nhà, lại bị mẹ mắng một trận nên thân. Họ vào phòng, đóng chặt cửa, khóc. «Lại có tiếng đại bác từ đâu vọng lại» (*Dấu tích tình nhân*)

Đó là Thu, cùng mẹ đi thăm cha bị thương ở mặt trận được đưa về nằm nhà Thương Cộng Hòa. Thăm viếng nhiều lần, nàng được nghe, được thấy những cảnh xót xa của thương binh còn điều trị hoặc của binh sĩ bị thương do trực thăng đưa từ mặt trận về. Làm nàng càng nghĩ đến người tình ngoài mặt trận. Cha nàng nhẹ, nàng đưa về, chừng ấy cha nàng mới cho biết có bức thư chàng nhờ bà nàng giữ «trước khi tiến sâu vào rừng» Bức thư không dài, mà nàng đọc mãi, và khóc không biết bao nhiêu: «Có thể anh chết, có thể anh thành phế binh, điều đó xảy ra thật dễ. Ở đây, anh nhìn thấy đầy đây... và Thu, liệu em có can đảm.» (*Người tình ngoài mặt trận*).

Và, sau cùng, đó là Hạnh. Người yêu nàng là một lính thủy: chẳng biết ngày nào chàng về mà cái thai hai tháng người ta sắp biết hết. Có hại cho nghề ca hát ở phòng trà của nàng biết bao. Một bạn gái thân cùng nghề xúi. Thôi, cho nó ra đi. Nàng cũng từng nghĩ thế, nhưng không làm nổi. Thương chàng hiện ở chẳng biết phương nào. Thương con nằm ngay trong bụng. Phải làm bôn phận hằng đêm đây, mặc dầu cái thai bắt đầu hành nàng. Nhưng thay vì hát những bài ngoại quốc, những bài thánh-giả ưa, nàng lại hát một bài thật xưa, bài *Thiên thai* nàng đã hát nhiều lần cho chàng nghe, và bài *Tâm ca số 7* của Phạm-Duy. Để lại cho em một vũng máu đào, để lại cho em hồn nước lã lơi...

Bước xuống bục, nàng trượt giày, bên hông đau nhói, thiếp đi một lát. Cái thai sây chằng? Được đưa về nhà, gặp người yêu chờ gần tiếng đồng hồ. Muốn chắc, chàng đưa nàng đi bác sĩ. Có tiếng máy bay quần trên nền trời, nàng ôm chặt cổ chàng và cảm thấy hạnh phúc hết sức mong manh. Nhưng mong manh còn hơn không». (Đề lại cho tương lai).

Ta thấy : dẫu họ là nữ sinh còn trong trắng, hay là thiếu phụ đã mang thai, dẫu họ có cha mẹ lo cho tất cả hay tự mình chạy sống, họ đều là chị em nhau, vì họ đều trực tiếp bị chiến tranh đe dọa : người chồng, người tình của họ đã không còn, hay còn chẳng biết đến ngày nào, hay mất còn chưa biết được. Họ lo âu, họ khắc-khoải, họ đợi chờ, họ thất vọng, họ tuyệt vọng, họ hi vọng... mong manh. Điều làm ta nghi ngại, là cuộc chiến tranh dai dẳng và huynh đệ này, ta không được biết họ phản kháng hay họ chấp nhận, ta chỉ thấy họ cam chịu. Họ — dưới ngọn bút của tác giả, một người cùng phái với họ — cam chịu một cách thế nào mà sau khi đọc câu chót của tập truyện chót : Đề lại cho tương lai :

«Tiếng máy bay vẫn bay gần rồi bay xa, con Thiệt nhìn lên trời, chỉ thấy những vì sao hết sức bé nhỏ»,

người đọc ngùi ngùi tự hỏi : «Chiến tranh ơi ! bao giờ mi mới chịu chấm dứt trên đất nước này ? »

Hải Nhã-Ca không mong gì hơn thế.

NGÀY QUA BÓNG TỐI

Truyện (1) của Nguyễn-Thị-Hoàng, tập truyện Văn xuất bản, 142 trang, giá nhất định 30đ.

Tác giả :

Xin xem B.K. số 256 (1-9-67) trang 75

Tác phẩm :

Họ đều là những người bất thường cả.

Người con gái tuổi gần hai mươi quyết định liều lĩnh ấy. Người đàn ông đứng tuổi «nét mặt nghiêm trong kín đáo không che giấu hẳn cái rét đi dỏm châm biếm» ấy. Người đàn bà, người vợ, «trang trọng, bề vệ với dáng điệu lúc nào cũng như muốn sẵn sóc che chở người khác» ấy.

Đó là ba nhân vật chánh.

Còn hai nhân vật phụ này xuất hiện ở phần cuối truyện, cũng chẳng bình thường tí nào. Một là bà giáo «không biết làm gì, đến đâu, nên lên xe và đi vu vơ đến một nơi nào đó để tiêu phí cho hết một ngày chủ nhật cô quạnh».

(1) Dưới tên sách ở bìa, không ghi truyện ngắn hay truyện dài như ta thường thấy một chữ : truyện,

«Hai là ông tướng vừa đi công cán xa về, cái ông tướng «từ bàn danh dự đi xuống, lạnh lùng nghiêm nghị với một chút kiêu hãnh thăm kín về nhân cách hơn là địa vị và sắc diện mình».

Có lẽ nên kể thêm người bạn trai của cô gái dị kì ấy, được nhắc đến hai lần ở đầu và cuối sách, người bạn trai «từ khi gặp Phương sau cùng, tôi học như điên (...), chỉ còn học là cách duy nhất để trải qua những ngày bắt đầu trống rỗng», để rồi sau này, thực hiện điều mình mong muốn, «gán ghép cuộc đời» vào nàng, «bằng một thủ tục thông thường», cho nàng một bào thai, tức là cho nàng cái chết.

Nàng chết, vì y học đã kê án nàng rồi. Nàng thuộc loại phụ nữ «đặc biệt» : Không thể lấy chồng, và bắt buộc không được có con, mang thai thì chắc chắn chết. Nàng — trong truyện xưng ngôi thứ nhất — lại không có gia đình. Nên nàng «nghĩ đến chàng, hình dung cuộc gặp gỡ sắp tới và bằng lòng về quyết định của mình». Quyết định liều lĩnh ấy là bỏ nơi mình ở, lên một chuyến tàu bỏ lên một Cao nguyên xa lạ nào đó, có suối, có thông, với một địa chỉ trong trí nhớ.

Chúng tôi quên nói, rằng trong suốt truyện dài một trăm ba mươi sáu trang này, tác giả chỉ cho ta biết một tên người : nhân vật chánh : tôi : Phương ; Và tên một nơi : Sài-gòn, mà chốn này không phải sân khấu của truyện.

Xin đóng ngoặc lại.

Nàng tìm đến địa chỉ nọ, người ta trả lời chàng không còn trong thành phố ấy nữa, chàng đã đi tối hôm qua, nàng tìm lên đồi chàng cắm trại thì trại đã phải giải tán chiều hôm trước. «Tôi qui xuống bên đống tro tàn và tự nhủ thôi chàng đã đi thật rồi và tôi còn lại có chừng này để ngậm ngùi tiếp tục con đường trống không trước mặt. Bằng một cành thông khô, tôi khều trong đống tro còn thoi thóp hơi ấm. Tôi cầm thật âu yếm và nâng niu báu vật như một di tích thần thánh đó trong tay và nghĩ đến chàng lòng dịu dàng trầm tĩnh. Biết đâu mầu than còn nồng hơi ấm đêm vui truyền tin anh xuống lòng em, như một lời nhắn nhủ ngọt ngào. Và anh dù đã đi xa biệt đâu rồi, anh suốt đời em không một lần ngó thấy vẫn còn mãi đó, mãi mãi đó, trong wặt trời dầm ảm, trong sương giá băng, trong cây cỏ hiền hòa thanh thảo. Và mỗi một ngày em còn nhìn ngấm mặt trời, còn thở hơi sương giá băng, còn về đi lang thang trên những vùng thiên nhiên nhân chứng này, em còn thấy anh, anh còn ở mãi đó không rời không bỏ.»

Độc thoại thì như thế.

Còn đây, một mẫu đối thoại. Giữa nàng sau khi rời trại trống và gặp người đàn ông đứng tuổi nói trên «sống với các cuốn sách tôi hơn với đời nên không khác một thứ hải âu lúng túng trên sàn tàu», người đàn ông mà nàng gặp với vợ trên tàu, mà nàng nhận về ở chung nhà để chép lại những đoạn sách viết dở dang...

« — Cô cũng thích sương mù và ánh sáng nữa sao,

(...)

— Dạ, tôi thích sương mù, ánh sáng thì không,

— Sương mù đã tan, chỉ còn ánh sáng, cô tìm kiếm nơi đây.

— Tôi đi tìm buổi sáng, không tìm thấy điều muốn gặp, và bây giờ phải đối diện với mặt trời.

— Tất nhiên phải như vậy, vì trong ý định kiếm tìm đã bao hàm nghĩa không bao giờ gặp gỡ.

— Dạ, nếu ông cho biết điều ấy từ hôm qua, tôi đâu có đại dột đi tìm buổi sáng nay.

— Có sao đâu, nếu không tìm kiếm, cô tự hỏi xem còn biết làm gì hơn khi đến đất này. Và lại bất cứ sự kiếm nào cũng có ích. Bởi trên đường đi còn có những tình cờ huyền diệu khác...

— Thừa điều đó chỉ đẹp trên lí thuyết, nhưng trên thực tế thì lại khác... Nếu ông biết tôi tìm kiếm gì thì hẳn ông không khẳng định như vậy. Ông làm lẫn một vật và một người rồi. Một vật thì có thể bằng một vật khác, còn một người thì..."

Ta có thể ngừng nơi đây. Sao bạn thấy thế nào, thích thú hay bực mình? Có lẽ cả hai cũng nên. Thì tôi đã chẳng thừa trước với bạn là họ là những con người bất thường kia mà. Còn những gì đã xảy ra giữa nàng với người đàn ông nọ trên xe hơi, trong khách sạn, giữa nàng với người vợ ông ta, giữa nàng với bà giáo, giữa nàng với ông tướng, mới bạn chịu khó đọc. Vì cái vị lạ lùng của tác phẩm thứ ba của người nữ sĩ tên Hoàng họ Nguyễn này, không phải là tình tiết câu chuyện mà những độc thoại đối thoại, là nỗi cô độc, là sự bơ vơ, là niềm khao khát, là tâm trạng, là... bình hoạn của những nhân vật không bình thường và chẳng tầm thường ấy.

LÒNG CHƯA DÂU BIỂN, (1) thơ Huy-Trâm và ‘CHÂN CẦU SÓNG VỖ’, thơ Hà Nguyên Thạch.

Từ hình thức, hai tập thơ đã mang nhiều nét khác biệt.

“Chân cầu sóng vỗ” của Hà Nguyên Thạch là sự phối hợp của thơ và họa, một cộng tác của nét vẽ và lời thơ.

“Lòng chưa dâu biển”, của Huy-Trâm, ít chú trọng đến hình thức, với sự trình bày do các ấn công sắp xếp.

Thơ của Huy Trâm là hình ảnh của dĩ vãng, anh đã tìm nét đẹp của ngày qua để khơi nguồn cảm hứng. Trong bức thư mở đầu gửi em H., anh đã tỏ xót xa thương tiếc cho

trò đời dâu bể đời thay : «nuôi một giấc mộng rất đơn sơ, nhỏ bé là được sống một đời không lo nghĩ, tâm hồn thanh thoi như những bè mây phiêu lãng trên nền trời dịu biếc và nhà thơ mong người em còn giữ gìn mãi mãi những tháng ngày châu ngọc bình yên (Thư gửi người phương xa, tựa)



Nhà thơ trước cảnh «*dâu bể*» đã lo những cuộc đời thay phá tan bình yên của tâm hồn và xóa mờ hình ảnh thanh bình, để mơ về một cảnh đời «*bình yên phẳng lặng*». Do đó thơ anh phẳng phát cái đẹp lãng mạn của thời tiền chiến, dáng mưa, ánh nắng, bóng trưa của một khung cảnh Bướm Trắng, Đoàn Tuyệt. Đọc thơ anh người ta không thể không nhớ tới những bài thơ hay của những năm chưa khói lửa. Nhiều lời thơ đẹp, có thể là gương mẫu của 1 bài thơ «*chính*», và xét về kĩ thuật, Huy Trâm đã tỏ ra cân nhắc về âm điệu và cách dùng lời.

Đôi chỗ anh đã đề cho những sáo ngữ và những chữ «*đã thành điển*» tự do xuất hiện: *mắt buồn vương dáng núi xa mơ* (15) *giấc cô miên, còn ngưng đọng trong mộng sầu dĩ vãng* (53) *Chinh yên gió gọi niềm cô tịch* (28) Lục bát của Huy Trâm đã lột được hết vẻ đẹp của điệu thơ này. Những câu như: *Nửa trời sương khói bao la* *Vùng thiên nhiên vẫn mình ta giữa đời!* hoặc *Thuyền đi khát bóng trăng rằm, sông ra biển rộng còn âm vọng về!* *Tuổi đời sớm tặc đam mê!* *sân khô lá động chiều nghe lạnh người!* là những câu thơ đẹp trong những bài lục bát của tập thơ,



Hà nguyên Thạch không tiếc cái tôi đã mất nhưng ngần ngại tìm không thấy mình cuộc sống. Anh thiếu hình ảnh êm dịu và hương vị ngày qua do đó lời thơ không nét bình dị của một tâm hồn chỉ nghiêng về thương thức dù chỉ thương thức những cái đã mất để nuôi tiếc:

Thân lặn theo bước chân ngày, sóng rục tư vô dạn dày
tuổi xanh, đuôi chưa kịp nắng trên cành, đã đêm đen đến tâm
tình với tôi (Phân vân 17), Thơ H.H.T xuất phát từ ồn
ào, tôi động, của hiện tại, thực cảnh, thân phận chiến tranh,
vấn đề và ý nghĩa cuộc sống. Lời thơ không có vẻ đẹp
chải chuốt và giữ nguyên cái đẹp thoát khỏi không dẻo gọt
Từ da thịt sơ sinh, ngủ trên giòng sữa mẹ, nghe thân thể
bồng bênh, trôi theo lời ru khê. Tiếng khóc lấp nụ cười, tôi bắt đầu cựa quậy, giòng đời
dễ cuốn trôi, tôi tìm tôi không thấy (Chóng chọi, 16).

Hà Nguyên Thạch đã nói lên tiếng thơ của phần đông giới trẻ hiện nay, sinh và trưởng thành trong khói lửa, không có dĩ vãng êm đềm để thương tiếc, bờ ngõ và nghi ngờ trước hiện tại và tương lai. Bởi «*dưới chân nước lũ*» và trên đầu mây lửa trôi».

Lời thơ của anh hầu như xuất hiện dễ dàng, ít gò bó, mộc mạc thành thực. Anh không cố ý chấp nhiều hình ảnh để thành một bức tranh nhiều màu sắc câu đối hay một bài toàn bích. Đó chỉ là mẫu xám nói lên cái «*tôi chung*» của một số người cùng tuổi trước thời cuộc, chiến tranh đất nước. Tất cả những cái rườm rà lê thê của tình cảm đã được Hà Nguyên-Thạch gạn bỏ để lại giữ lại nét thuần túy chất thơ.

oOo

Một số người say mê vẻ đẹp đã qua để nuôi tiếc, một người thắc mắc trước hiện tại quên cả những vẻ đẹp quanh mình, đó là 2 nguồn thơ khác biệt của 2 nhà thơ trẻ Huy Trâm và Hà Nguyên Thạch.

NHỮNG KỸ THUẬT CĂN BẢN CỦA NGƯỜI VIẾT BÁO

Việt-nam Đại-học từng thư xuất bản, biên khảo,
164 trang, giá 60đ.

Tác giả :

HỒ-HỮU-TƯỜNG (xin xem tiểu sử B.K. 2:9).

Tác phẩm :

«Và trên mặt trận Văn-hóa, Người Làm Báo có thể gọi là một Binh chủng đặc biệt.

«Người viết báo có thể phụ trách, hoặc trọn, hoặc một phần nhỏ, một trong những công việc sau đây : 1 — Thông tin, nhật tin, viết tin. 2. — Phóng sự, điều tra, phỏng vấn. 3. — Chuyên luận (màn ảnh, kịch trường, văn chương, kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.). 4. — Bình luận. 5. — Xã luận.

«Bộ sách «kỹ thuật căn bản của người viết báo» đầy đủ tất phải tụ đủ năm việc đã kể. Quyển 1 này là sơ bộ, giúp cho người muốn vào nghề có những ý thức căn bản về cách viết, cách nhật tin, viết tin, phóng sự, điều tra và phỏng vấn. Có những căn bản này, có thể «nhập môn» được. Rồi nghề dạy nghề...»

Trên đây là trích một đoạn *Lời nói đầu*. Nếu chúng tôi nhớ không lầm, thì đây là quyển sách thứ... ba nói về cái nghề đặc biệt quan trọng này có ở nước ta được một năm lẻ hai năm (lấy 1865, năm *Gia-định báo* chào đời làm năm 1). Cuốn đầu ra từ thời tiền chiến, lấy tên là «Nghề làm báo» và tác giả là Nguyễn-Vấn-Đình thì phải, cuốn hai là «Sáng lập và tổ chức một tờ báo hằng ngày» của Hồ-Anh-Chương (1958) (1).

Tác giả cho ta biết đây là tài liệu trước kia dùng để dạy học viên bằng lối hàm thụ từ 1950. Nó đưa những biện pháp phổ thông, nhưng lại có lẫn ví dụ cụ thể, bài thực, tập bài mẫu, và bài sửa. Sách chia hai phần lớn. Phần đầu là *Đại-cương* ; phần sau là *Thông tin* ..

Ở phần đầu, ta được biết qua những qui củ của nghề làm báo, rồi đi vào chi tiết, ta rõ thuật chọn tit và đặt mào, ta tập lối viết cho quần chúng để hiểu thuật viết cho quần chúng. Và người yêu nghề phải luyện mình, phải học viết lẹ mà viết đúng lại cần học thêm.

Phần *thông tin* gồm có *truyền tin*, *săn tin* (quan sát, điều tra, săn tin địa phương, săn tin tòa án, săn tin chuyên môn, săn tin chính trị, viết tin lời đồn...)

Hồ-Hữu-Tường đã từng «lặn lội» trong nghề báo, báo Tây cũng như báo ta, báo công khai cũng như báo bí mật, báo hằng ngày cũng như báo hằng tuần, nên ta có thể học ở ông kinh nghiệm và mách khế. Nhưng nếu có ai thắc mắc hỏi người rằng : «Ông từng ở trong nghề lâu năm, ông mở trường hàm thụ dạy làm báo, rồi nay ông in thành sách cho người muốn vào nghề, có sao những báo ông điều khiển, từ tờ hằng ngày *Phương đông* mười mấy năm về trước tới tờ hằng tuần *Hòa đồng* mới đây, chúng chẳng thọ mấy mà cũng không mấy thành công về mặt thương mại, thì chắc là người cho đề ra anh chàng Phi-Lạc sẽ cười mà đáp : «Đó lại là một việc khác !»

(1) Chúng tôi không kể những cuốn sách cùng loại mà dịch của người, tí như cuốn «Kỹ thuật làm báo» của F. Fraser Bond do Nguyễn-Ngọc-Phách dịch, và nhà Công đàn xuất bản 1960.

MÁ HỒNG

10 | Huyền thì từ buổi Giang gây nên chuyện đã thừa vẳng sang tôi. Những khi tình cờ gặp nhau ngoài hiên, Huyền vẫn cười cười nói đùa dăm ba câu. Nhưng chã nhẽ Huyền không nhớ một việc đã thành thói quen từ ít tháng nay là đã mấy ngày rồi, tôi chưa được tiếp tế một chai nước mới. Tôi còn nhớ, tối hôm kia, tiếng súng đã đánh thức tôi dậy. Lúc đó, miệng lưỡi khô đắng, mũi la de nồng nực, tôi mới cảm thấy xót xa thương cho đời tôi biết chừng nào. Cuối cùng, tôi đã lằm lũi ra bờ giếng, thả nhẹ chiếc gàu xuống đoạn vục mặt húp từng hơi nước lạnh lẽo trong bóng tối. Kệ, chả sao. Nếu có anh cá võ phước nào muốn chui vào bụng mình tự tử thì mình biết liền. Chứ không lẽ cứ chạy lên chạy xuống, nhìn chiếc ly khô rồi tắc lưỡi than phiền như mấy nhóc thạch sùng trên trần nhà ?

Còn Chi thì lằm lì hờn dỗi. Nghi đến Chi, lòng tôi bỗng bừng bừng sôi nóng. Tiếng khóc thút thít, âm ức ném vào phòng tôi sáng qua cùng những âm thanh quen thuộc khác như bắt đầu phát âm lại trong đầu tôi. Trước đó, Chi cũng đã không chịu mạng công văn vào trình ký như mọi lần. Hình như Chi nói để tôi nghe, mảy mang hộ tao đi. Xuân, tao không thích nhìn mặt ông ấy nữa. Giọng cười của Xuân tiếp theo khiến tôi nổi gai, mảy làm như ông ấy là bồ của mày không bằng. Vậy thì còn chớ gì danh tiếng của mình với đồng bào. Đã thế, còn Côn Cho nghe tin thì mình chỉ còn nước khăn gói lên đường nhận nhiệm vụ mới sớm. Tôi định nói với Chi nhưng không bao giờ có dịp. Bởi lẽ đó, sau gần hai giờ vật vã, tôi trở dậy đi làm với quyết định, đưa Chi đi Phước Bình cho khuất mắt.

Lúc tôi khóa cửa xong, sắp leo lên xe thì Thanh tới. Nhìn tôi, Thanh nói từ xa, có tin gì mới không, anh ? Tôi cười chào đón Thanh đồng thời đưa điều thuốc lên môi rít một hơi dài. Vào nhà đã, Thanh, gấp gì. Thanh tiếp, bàn tay chặn lên ngực, hồi hộp quá, anh ơi, trái tim muốn bẽ luôn rồi đó. Mùi nước hoa từ người Thanh sực nức căn phòng. Huyền chưa bao giờ xúc nước hoa. Tại không thích hay không tiền mua? Nhưng nếu có, chắc mình sẽ bảo Huyền đừng dùng quá lộ thế này. Hãy để cho hương thơm của da thịt nhẹ như có, nhẹ như không có nuôi dưỡng óc tưởng tượng tới một vùng thiên thai bí hiểm. Tôi kéo chiếc ghế duy nhất mời Thanh ngồi soạn ghếch mông lên thành giường như mọi khi tiếp Huyền :

— Sáng nay bận quá, Thanh. Tôi tính chốc nữa điện thoại hỏi Tiểu Khu...

Thanh gieo người xuống ghế. Đôi má Thanh như miếng thịt đông, lạnh vừa bắt ánh lửa. Bộ đồ trắng có những đường viền nẹp đỏ bó chặt thân thể Thanh như

chiếc bánh. Hai ống tay tròn lẳn. Hai cõ châu mun mấp. Gia mình ngoạm một miếng, tôi nghĩ thế cùng lúc nhớ những trái lê, những trái táo ròn khau kháu, nước ngọt rơn rớt chua thắm vào chân răng và thơm ngào ngọt.

Anh ấy đi Saigon rồi.

Tôi yếu đuối nhắc lại đề tôi hỏi Tiểu khu xem, nhưng Thanh đã gạt ngang, thôi bây giờ còn hỏi làm gì. Ngày mai em đi Saigon kiếm anh ấy. Anh có địa chỉ không? Tôi lắc đầu cười gượng, buông một tiếng không thật nhỏ. Thanh vào thì liệu lợi ích gì... Đôi mắt Thanh nhướng tròn khiến tôi bỏ dở câu nói. Anh ấy giống thằng khùng thẳng điều mà anh còn lạ sao? Em s. lúc này đã có chuyện rồi không chừng Tia nhìn của Thanh nhạt dần như ngọn đèn hết dầu rồi tắt ngấm theo khuôn mặt cuối xuống. Những ngón tay đan vào nhau bẻ ngược rắc ra một loạt tiếng kêu âm thầm. Giọng Thanh tiếp, thật xa vắng, anh ấy sẽ ph. phách, sẽ chém giết. Cái đầu lắc lắc, trời, em lo qua, anh ơi. Sau đó, mái tóc Thanh vẫn động đậy qua lại trên bờ vai như không chịu cho những nỗi buồn rong rêu bám víu. Chiếc mũi thon bơ vơ kêu gọi. Chắc cha Đạt đã nhiều lần véo nghịch âu yếm ngồi bên nhau. Nếu mình lấy vợ mà biết bà vợ đã yêu rồi chắc chịu không nổi vì những ám ảnh. Đạt ơi, bây giờ mày ở đâu? Tất nhiên, tôi như trông thấy một khoảng trống sơ rơ quá rộng trong tâm hồn. Tôi nhìn quanh những đồ vật cô quạnh im lìm và tìm, và tìm một ảo ảnh gần gũi. Giường chiếu này còn hơi hương của mày mà, Đạt. Tôi nói, Thanh đừng lo, nó không ngu dại đâu. Thanh nhúu mày

— Anh ấy đâu có ngu. Nhưng anh ấy lại bất thường lắm. Em nghĩ có lẽ tại giết người nhiều quá nên bị ảnh hưởng chẳng, chứ thú thực với anh, chính em cũng chẳng hiểu anh ấy ra sao nữa cả. Khi thì lầm lì ngang bướng. Khi thì khóc như trẻ con. Nhìn bề ngoài ai dám nói là anh ấy sợ chết kinh khủng?

Tôi cười, nghiêng đầu tỏ vẻ suy nghĩ. Anh mắt Thanh lướt trên người tôi như bóng một bàn tay ảo thuật đang vẽ vờ trước khi trình diễn. Đạt chấp chờn ở phía sau đó. Chiếc mũ đen đội lệch che kín bên tai. Trông mày sao mà bận thù đảng đảng thế, Đạt. À, tiên s r, tao mang thân cho chúng nó đâm chém để có miếng cơm mà bộ vui sướng sao?

— Năn với anh, có khi nào anh ấy khóc không? Chắc không. Em biết, chỉ với em thôi. Chỉ riêng với em, anh ấy mới được tự do sống. Em là khu rừng nuôi dưỡng cánh chim trời phiêu bạt mỗi một gió sương. Câu nói ấy em nhớ hoài. Anh ấy cũng nhắc lại hoài, trước khi hỏi em muốn nghe chuyện gì, Tấm Cám hay Cô bé Lọ Lem, Ngưu Lang Chức Nữ...

Tôi cười thích thú:

— Lành mạnh quá.

Thanh nhìn tôi. Mép bên trái hơi nhếch, vẽ vệt và gượng một nụ cười. Vài sợi tóc xõa xuống má vừa được ngón tay trở vén vào khe tai.

— Vâng. Lành mạnh thật, anh ạ. Em đã yêu nhiều rồi chứ. Nhưng em chưa gặp người đàn ông nào như anh ấy. Không bao giờ đòi hỏi một điều gì. Em còn nhớ, buổi tối hôm ấy, em đón anh ấy mời đi hành quân về, người đen xạm, hốc hác. Định an ủi anh ấy nên em kể cho anh ấy nghe chuyện tình thứ nhất của em

với lời kết luận là sự trong trắng của em không còn gì nữa, để anh ấy hết mơ mộng, khỏi giữ gìn. Không ngờ, khi nghe xong, anh ấy òa ra khóc. Rồi nín, rồi an ủi em, dỗ dành em như chính anh gây nên điều buồn đó. Nhưng, anh ấy vẫn không đòi hỏi em...

— Tôi vẫn cười. Khuôn mặt đối diện trầm lặng như đóa hoa u hoài trong cảnh chiều tà Đạt ơi, như vậy là sao? Mày đóng kịch nữa hay thôi. Một con muỗi đang tìm cách chui vào tai tôi. Tiếng kêu vo ve xa xa gần gần. Ở quận giờ này đã vô số người chờ. Còn phải làm sự vụ lệnh cho Chi nữa. Chi. Khi nhận tờ giấy ấy, Chi sẽ nghĩ về mình? Ngoài trời, động cơ của chiếc trực thăng nổ đều nhịp rền rì. Ai ngồi trên đó và đi đâu? Mỗi lần nghe tiếng động này, Huyền có nhớ chuyến đi với mình không? Bên tôi, Thanh tiếp tục kể những kỷ niệm vụn rời về Đạt. Suốt nửa năm, anh ấy không đòi hỏi, không làm gì em một lần nào hết. Tôi nhìn bộ ngực căng phồng, nghĩ chắc em muốn nó đòi hỏi lắm sao mà cứ thắc mắc hoài. Tôi cho nó, làm cách nào mà nó thỏa mãn em được? Bàn tay Thanh xòe rộng, ôm bờ vai rồi tuốt dọc xuống bên sườn. Khi tới bầu vú, mu bàn tay khum khum hờ hững một lúc thật chậm. Ngồi với anh mà em ấu nói cười mở quá, cứ chỉ kêu gọi quá thì có ngày anh phải xin lỗi anh Đạt mất, em ơi. Tôi mỉm cười ngắm cử điệu đôi môi Thanh đang nói. Không biết khi mình và Chi thôi nhau, Chi sẽ tả về mình thế nào? Và hiện giờ, Thủy đang giải thích cái bào thai ra sao? Tiếng Thanh chợt vang lên trong đầu tôi, ngồi gần anh ấy mà nhiều khi em cảm thấy cô đơn lạc lõng ghê gớm. Anh ấy như người gỗ. Miệng làm nhảm như ông thầy tu những lời ngày xưa ngày xưa chán ngấy, nuốt không vô. Ngoài khung cửa, ánh nắng bỗng nhiên dịu xuống. Căn phòng như pha thêm một chút màu xám. Buổi chiều thật tịch mịch vắng vẻ. Thần kinh tôi theo đó chợt căng thẳng và làm nóng đôi mắt. Nếu bây giờ mình nhào vô, ôm đại thì Thanh sẽ phản ứng cách nào? Chống trả, tát vào mặt mình vài cái và chửi bới tùm lum đồ vô liêm sỉ? Hay sẽ lịm luôn trong vòng tay mình mà rên rĩ anh ơi, anh hãy làm gì em một lần đi? Hai bắp đùi Thanh ghếch lên nhau, phớt một khối mộng chắc nịch đầy đặn. Tôi ngồi yên và thờ. Tôi không nhớ gì hết, cả Đạt, cả Huyền.

Chừng bốn giờ hơn tôi mới tới quận. Công việc làm tôi bù đầu nhưng đồng thời làm xóa bỏ cho tôi cảm giác nhột nhột, bển lển của những buổi đi làm trễ không lý do chính đáng. Sau đó, tôi gọi điện thoại sang Ty Bưu Điện. Độ trả lời ở bên kia đầu giây. Đạm đây, anh ơi. Nhờ anh xem hộ coi mấy ngày nay có cái điện tín nào gửi cho ông Trung úy Đạt không. Tiếng Độ bật vào tai tôi liền, có, tôi đã chuyển ngay cho ông ấy rồi mà. Báo tin cho em ông ấy chết đó anh.

Chết. Âm thanh sắc như lưỡi dao cạo vạch trên đùi non rớt thẳng vào tim tôi. Tôi ngồi lặng trên ghế. Tất cả mọi thứ giây ràng buộc trong cơ thể tôi tự nhiên như lỏng ra và trùng xuống. Trí óc tôi trống rỗng, hoang liêu như bãi biển mùa đông. Mãi một lúc lâu, cánh cửa gió reo kéo kẹt khiến tôi bàng hoàng nhìn lên. Không phải Chi mà là anh Sang. Hình như Sang vừa mỉm cười? Hừ, đừng tưởng bở, chú. Chú thấy ông ngất ngơ thì cho là ông và con Chi giận đối nhau

chứ gì ? Nghi thế nên tôi tiếp người nhân viên thân tín mọi ngày thật lạnh nhạt. Trong khi đó, tai tôi lắng nghe. Không có tiếng Chi nói hay khóc, ở ngoài khung cửa gió, phía dưới gầm bàn, ống quần trắng như tấm rèm phủ hờ hêch đôi bàn chân Chi đặt lên nhau trên một chiếc guốc. Xong, tôi bỏ ra ngoài phòng. Tôi gốc cây phượng xem anh Hải sửa xe. Trên trời lem nhem những vệt mây bàng bạc. Không khí êm ả khiến lòng tôi nao nao xúc động. Hình bóng những ngày thơ ấu vui tươi ở quê nhà như phảng phất trong màu mây bàng bạc ấy. Tôi gọi thầm, chị Dung ơi, chị Dung.

Buổi tối, cơm nước xong, tôi nhập bọn với Lâu, Trai và Huyền trong chiếc xe 2 CV già nua của Ty Thanh niên. Khói thuốc từ bốn cái mồm thở ra mù mịt. Lâu lái chạy loanh quanh và hỏi tới chỗ nào, đi đâu đây. Nhưng không ai trả lời. Huyền ngồi dựa vào tôi, huýt sáo khúc ca càng đi xa anh càng nhớ em. Một lúc, Lâu nói chớ để, tội Mỹ tới đông quá làm trình mồ côi luôn. Cả tuần mà không được ấp một em thì trí óc minh mẫn thế chớ nào nỡ để phục vụ Côn Cho chứ. Huyền khích khích cười, huých khủy tay sang tôi, chỉ có mày là phây phây, há, phó ? Cơm no bò cưỡi tối ngày lại không bị Côn Cho chửi bới. Tôi chưa kịp lên tiếng thì Lâu đã tiếp, thằng Đạm há ? Ờ, mày định lấy nó làm vợ thiệt há ? Và Trai phụ họa, trông em dạo này tư cách quá, cứ y như bà phó quận vậy thôi. Đoạn cả ba phá ra cười. Tôi đành ngồi im, hút thuốc lá ngó lơ. Em biết không, Huyền. Bây giờ em bảo anh phải nói sao đây. Nên khi gần hết chuyện tôi mới nói tội mày đồn oan cho con Huyền lắm. Tao bảo đảm là nó đếch phải... Câu nói chưa hết thì đã có tiếng Lâu, à vì thế mày mới cưới làm vợ chứ. Này, chớ anh em tao báo trước, sau này đừng có hạch vợ rồi ghen với tao nhé. Nhiều tiếng cười lại rộ lên. Rất nhanh, tôi đã thấy nóng mặt.

Đêm ấy, chúng tôi cũng tìm ra một ổ đi ở xóm nhà thờ. Cửa chứa chỉ có hai đứa con gái bần thiêu. Lâu đề nghị chúng mình hãy chơi trò tay trắng tay đen như luật định để sắp thứ tự vào trước vào sau cho hòa bình. Tôi trúng số chót, với Huyền. Một nửa thân thể người con gái còn ướt nhem nhép và trần truồng sần trên chiếu. Chưa nhập cuộc mà tôi đã nản. Tôi phải khuyến khích tôi, thôi chịu khó, ráng một tí để về ngủ cho dễ.

Sáng hôm sau, không muốn ngồi trong phòng nên tôi lập một chương trình quan sát bất ngờ những chương trình tự túc phát triển tại các ấp. nắng và gió chứa chan. nắng và gió không bao giờ hết, cũng không bao giờ bần. Những bức tường gạch nâu hồng đang từ từ thấp lên cao. Những ruộng lúa đồng đồng, xanh óng ả, rì rào thoảng hương. Những hương lộ phủ ngập rơm, che dấu những ổ gà lồi lõm, những hố mìn sâu trũng. Từ ấp này sang ấp khác, tôi say mê hăng hái. Ghi nhớ. Dặn dò. Lưu ý. Rồi buổi trưa, khề khà với những viên chức hạ tầng bên đĩa thịt gà, ly bia sủi bọt không đá. Không có đá nhưng lạnh lắm, ông Phó. Tội em buộc giấy thả xuống đáy giếng ngâm mấy ngày lặn. Chừng ba giờ chiều tôi mới trở về. Tới cổng quận, tôi vội đổi ý, thôi đưa tôi về nhà, anh Hải. Tấm cái cho mát. Nhưng, tôi đã không tấm. Tôi leo lên giường, nằm khò khoeo, nhắm mắt để đẩy đợi chờ giấc ngủ. Buổi tối, Huyền sang thăm. Chứ không đi ăn cơm

chiều nay ? Tôi uể oải ngồi dậy. Ước gì ôm luôn đề Huyền săn sóc như lần trước, thú biết mấy. Sao Huyền biết ? Huyền cười, hai tay khoanh như che bộ ngực không mặc áo lót, đi đi lại lại trong phòng, cháu còn biết chú buồn nữa cơ. Chú buồn từ buổi tiếp chị Thanh. Tôi trả lời Huyền bằng những tiếng cười.

— Chú buồn lắm ?

— Huyền có thấy khi nào chú vui ?

— Có chứ. Nhưng chú ráng mà giữ sức khoẻ đó. Ôm thì nắm một mình. À, với mấy thiếu nữ khóa thân trên tấm lịch kia chứ. Chị Chi mới tuyên bố là chú ọi dụng chức vụ, lương gặt chị ấy tức nhiên là không tới thăm chú, mua cam cho chú nữa rồi.

— Sao Huyền biết ?

Ánh đèn tô dọc khuôn mặt Huyền một đường trắng nhạt. Chiếc mũi nhỏ nhắn như chỉ vừa một miếng. Huyền làm dáng nũng nịu :

— Chi tiết mà tính chi. Tôi, bây giờ chú nghe cháu vô phim chính đây. Bữa nay cháu sang đề nhờ chú thương cháu, chú can thiệp với bên Ty Cảnh sát cho ba cháu được về.

— Ba bị bắt ?

— Vâng. Đánh bạc.

— Bao giờ ?

— Tối qua, ở sở. Cháu có xui mẹ cháu đi làm đơn kiện ông Trung Tá mà mẹ cháu không dám. Chú tính có phải vì ông ấy bày ra cái trò trực gác ban đêm nên mới có những sòng bạc hông ? Gia đình cháu hai tháng coi như không lãnh lương rồi, giờ còn bắt tội ba cháu nữa sao.

Tôi nói, sao Huyền không cho chú biết hồi sáng ? Huyền lắc đầu, tuy nói thế nhưng cháu thích cảnh cáo ông cụ một chút đã. Chúng tôi cùng cười. Một con thạch sùng đang bò xuống chỗ chiếc ly. Còn khuya mà mới có nước uống, con. Tôi cười thầm đoạn quay sang ngắm Huyền. Mái tóc hình như mới gội ? Màu da sáng mát như miếng thạch trắng. Trông em kè cũng có dáng bà lớn thật. Đang lúc ấy, Huyền chợt nhìn tôi. Tia mắt vừa chạm nhau, Huyền đã vội cúi xuống. Tim tôi rạo rục đập mạnh. Em cũng mỉm cười, vậy tim em có rạo rục không, em ? Nhưng Huyền đã nói :

— Hôm nay có chiếc máy bay bị rớt, chú biết chưa ?

Tôi không chú ý lắm :

— Rớt ở đâu ?

— Rớt xuống biển; chú. Hình như bị nổ, cháu nghe người ta nói thế.

— Máy bay gì ?

— Cháu không biết. Gớm hôm nay sao chú hỏi cháu cứ như lấy khẩu cung thế ?

Tôi cười, rồi nói giờ còn ham đi máy bay nữa thôi, Huyền ? Huyền nheo mắt, sợ gì. Đời người ta, mỗi người một số chứ. Chẳng hạn như cháu, à quên, chú có lá thư của ông Giang gửi, đề cháu về lấy.

Thư của Giang bỏ ngõ, vồn vện trong một tờ giấy xé từ cuốn sổ tay. Thành thật xin lỗi cậu, vì đã không khéo câu chuyện tầm lum, không đẹp cho cậu. Nhưng phải thú thật với cậu đề nếu chết còn nhắm mắt là đến lúc này tôi cũng còn bán tin bán nghi, không hiểu người láng giềng kiều diễm của cậu là loại người nào. Tôi bỏ lá thư xuống bàn. Nhìn Huyền, đã gập nụ cười. Chú nghĩ về cháu có giống như ông Giang không? Tôi lắc đầu, nói với sự thành thật nhất, chú tin Huyền. Đôi mi Huyền chớp mau, cảm ơn chú lắm. Có lẽ Huyền sắp nói thêm thì bỗng bật một tiếng động mạnh. Hai cánh cửa vụt mở rộng. Thanh hiện ra giữa khung chữ nhật u ám và thăm thẳm phía sau:

— Đạt chết rồi!

Tôi như bị nhòe khỏi mép giường:

— Đạt chết rồi? Đạt chết? Sao Thanh biết?

Thanh lão đảo bước vào, Thân thể Thanh như mất nhiều ống xương:

— Đạt chết rồi. Máy bay rớt đó.

— Sao Thanh biết?

— Anh đừng hỏi vớ vẩn nữa. Anh ấy tự tử rồi. Anh ấy liệng lựu đạn nên máy bay mới rớt đó.

Tôi nghĩ Thanh đã mê sảng:

— Đừng nói bậy, Thanh.

Vùng mắt Thanh nhòe nhoẹt, lấp lánh. Nhiều giọt ánh sáng úa trào ra lăn dài trên má. Cặp môi Thanh mở tròn rồi mím rồi nuốt, cứ thế:

— Anh ấy nói với em trước kia, em tưởng chỉ là cho vui. Ngờ đâu, anh ấy làm thật rồi. Anh muốn khi anh chết, thân anh sẽ mất tằm mắt tích hay tan thành tro bụi để không một ai nhìn thấy cả.. Anh Đạt ơi...

Âm thanh của tiếng ơi như nốt đàn dạo bắt nhịp cho tiếng nước nở nổi theo. Thanh nằm vật xuống giường. Mặt úp xụp vào chiếc gối. Bỏ cha, không nhớ chiếc gối có sạch không.

— Yêu nhau từng ấy ngày mà em chưa được biết thịt da anh ra sao. Đau đớn cho em không, anh Đạt ơi.

Mình phải an ủi Thanh thế nào? Chuyện thằng chó tự tử liệu đúng không? Tôi bối rối, định hỏi Huyền thì Huyền đã về từ bao giờ.

— Anh Đạt và anh ngủ giường này, hả, anh. Thôi, anh cho em ngủ đêm nay ở đây với. Cho em tìm kiếm chút hơi của anh ấy kéo mai kia cũng lại chả còn gì. Nhé.

Thanh vợ cả đồng chấn gối vào lòng. Mùi của tôi hết đấy bà ơi. Thằng chó ấy ngủ có đắp mền khi nào đâu. Vài ý nghĩ bậy bạ tiếp theo khiến tôi xấu hổ. Tôi bỏ ra ngoài cửa. Một người đàn bà vừa từ đây đi ra, đang bước xuống đường. Chi. Chi không quay lại. Đôi chân thoăn thoắt làm rung những ánh đèn loáng thoáng trên vai áo.

(Còn nữa)

ĐỖ TIẾN ĐỨC

Hội-thảo Giáo sư Triết học toàn quốc

Khoá Hội-thảo trên đây do Tiểu ban Triết học Trường Đại học Văn-khoa Saigon và Hội nghiên cứu Triết học hợp tác tổ chức vào những ngày 11, 12 và 13-9-67 tại giảng đường của Trung-tâm Học-liệu của Bộ giáo-dục. Số người tham dự khoá hội-thảo là 73 gồm 69 giáo sư triết học Trung học và 4 giáo sư triết học Đại học Văn khoa Saigon. Lễ khai mạc được cử hành hồi 9 giờ sáng 11-9-67 dưới quyền chủ tọa của Ô. Ủy viên Giáo dục.

Đề tài được đưa ra thảo luận gồm có :

1) Quan niệm nền tảng về việc giảng dạy triết học và về vai trò của triết học trong giáo dục.

2) Quan niệm về các nguyên tắc cải tổ và về dự án chương trình triết học bậc trung học.

Sau khi chia thành 3 tiểu ban đề tiện thảo-luận và sau 3 ngày làm việc, các hội-thảo-viên đã đi đến những quyết-nghị sau đây :

Vấn đề : quan-niệm nền tảng về việc giảng-dạy Triết học —

Về tầm quan trọng của Triết học : Triết học có vai trò cần thiết trong đời sống cũng như trong giáo dục, Cần thiết trong đời sống vì là tiếng nói của tư tưởng trầm tĩnh nhằm bảo vệ phần linh thiêng nhất nơi con người : những giá trị nhân bản. Cần thiết trong giáo dục vì triết học đem lại cái nhìn tổng quát hoá và toàn diện, nhân bản cho học sinh về kiến thức học hỏi cũng như về kinh nghiệm đời sống, đồng thời rèn luyện sự suy-tư tự chủ, ý thức tự do tư tưởng và phê

bình, hoàn tất sự trưởng thành tuổi tác của học sinh.

Về mục đích việc giảng dạy Triết học. Dạy Triết học là để đáp lại nhu cầu thắc mắc, tra hỏi rất tự nhiên của học sinh về những vấn-đề nhân-sinh, xã-hội cụ-thể. Dạy triết học là để rèn luyện cho học sinh óc phê phán, óc đặt vấn-đề, tức là điều-kiện căn bản của tự-do tư-tưởng. Dạy triết-học là để đem lại cho học sinh một cái nhìn tổng-quát về mọi vấn-đề, cái nhìn tổng-kết đồng thời định hướng rất cần thiết để tránh những mê hoặc của các chủ-thuyết phi-nhân-bản đã và đang đe dọa nhân-loại.

Về lẽ lối giảng dạy Triết học. Triết học phải được giảng dạy trong tinh thần tôn trọng tự-do tư-tưởng của học sinh cũng như tôn trọng nội-dung đích thực của các chủ-thuyết. Triết học phải được giảng dạy trong tinh thần cởi mở, nhưng giáo sư phải thúc đẩy và hướng-dẫn sự suy-tư của học sinh trong chiều hướng của chân-lý và nhân-bản. Triết-học phải được giảng dạy một cách cụ-thể, đơn giản, bắt nguồn từ những ví dụ, hoàn cảnh gần gũi của cuộc đời và bối-cảnh hiện-đại.

Vấn đề : quan niệm về nguyên-tắc cải-tổ dự-án chương trình.

Phê bình chương trình hiện đại. Hội nghị đồng thanh coi chương trình triết-học hiện hành là không thích hợp và cần cải-tổ. Chương-trình hiện-hành có tính chất trừu tượng, xa rời thực tế, nên khô khan và bất khả linh-hội đối với học sinh. Nó có tính cách vá víu, không chủ-đích giáo-dục rõ rệt vì mọi sự cắt xén đều chỉ nhằm sự thi-cử của học sinh mà thôi. Nó có tính cách

ngoại lai, bỏ rơi truyền-thống dân-tộc và Đông phương.

Xác định các nguyên tắc cải tổ. Đề nghị chương trình phải được cải tổ theo 5 nguyên-tắc như sau :

— a) Nguyên tắc hiện đại hóa : chương trình nên chú trọng đến những vấn-đề của thời đại, đặt ra cho con người hôm nay, đến những bước tiến mới mẻ của các ngành.

— b) Nguyên tắc dân tộc: chương trình nên được đặt vào hoàn cảnh của Việt-Nam và Á-đông, phát huy và tìm kiếm lối cảm nghĩ đặc biệt của dân tộc.

— c) Nguyên tắc thực tế : những vấn đề trong chương trình bao giờ cũng bắt nguồn từ những sinh hoạt cụ thể của đời sống, đề triết học bao giờ cũng là một suy tư đi sát với thực tế, có thể giải quyết những vấn đề nhân sinh.

— d) Nguyên-tắc tổng hợp : chương trình cần có tính cách tổng hợp, không chia cắt rời rạc giữa các bộ môn của triết học như luận lý, đạo đức, tâm lý, . . . , triết Đông, triết Tây, . . . , và cần được đặt vào những trọng tâm lớn làm trụ cho các vấn đề học có thể xoay quanh.

— e) Nguyên tắc thích ứng : chương trình cần phải thích ứng với số giờ học, trình độ, tuổi tác và ban chuyên khoa của học sinh.

Phác họa dự án cải tổ, — Không đủ thì giờ xét dự án cải tổ chương trình trong chi-tiết, hội nghị đồng ý chỉ đặt

các trọng tâm cho chương trình mà thôi. Trọng tâm được chọn là *Con người*. Con người với những kích thước toàn diện của nó, có thể xét theo 3 chiều hướng sau đây :

— a) Con người với chính mình và nhân giới.

— b) Con người với thiên giới.

— c) Con người với siêu-việt-giới.

Hội nghị cũng xác nhận là đa số hội-thảo-viên đều muốn đem một phần chương trình xuống lớp Đệ Tam hoặc Đệ Nhị cho chương trình Đệ Nhất được nhẹ nhàng, tuy nhiên hội nghị không đủ thì giờ đào sâu vấn đề hơn nữa.

Trước khi bế mạc, hội nghị đã biểu-quyết thành lập 1 Ủy ban nghiên cứu có 11 nh cách thường xuyên mà nhiệm vụ là tiếp tục và khai triển những thảo luận và những thành quả của hội-nghị. Đặc-biệt ủy ban sẽ nghiên cứu 1 dự án chương trình triết học theo tiêu chuẩn và nguyên tắc đã được đề ra. Ủy ban gồm có 1 ban trung ương và 6 tiểu ban địa phương đặt tại : Saigon, Huế, Mytho, Càn-thơ, Dalat và Nhatrang. Trưởng ban Trung ương là Ô. Nguyễn văn Đa, thanh tra tại sở Khảo thí. Sau hết Hội-nghị mong bộ Giáo dục giúp đỡ, chính-thức hóa Ủy ban nghiên cứu trên đây và hàng năm Bộ tổ chức 1 khóa hội thảo hoặc tu nghiệp cho toàn thể giáo sư Triết-học bậc Trung học.

THẾ-NHÂN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Sách hồng cỡ nhỏ

Sách Hồng cỡ nhỏ không phải là thứ sách hồng như ta vẫn biết xưa nay, tức thứ sách cho trẻ con. Trái lại, thứ này cỡ nhỏ nhưng tầm mức nó lớn : đây

là sách công sản của Mao Trạch Đông. Nhà Le Seuil đặt tên là «*Le Petit Livre rouge Citationt du Président Mao Tsé-Toung*, bán chạy như gió.

Nhà phê bình J. F. Revel nhật trong sách ấy các tư tưởng sau đây : « Một đạo binh không văn hóa tức là một đạo binh dốt. » « Nghiên cứu một chiều thì không xét các vấn đề dưới nhiều khía cạnh ». Những tư tưởng ấy, nhà phê bình xếp vào loại « lapalissade ».

J. F. Revel lại góp nhật một số lý luận cách mạng. Chẳng hạn trong bài « Luận về chế độ chuyên chế dân chủ nhân dân » vấn đề tự do được xét như sau : trong Đảng dĩ nhiên là có tự do. Nhưng thực tế thử hỏi những ai cần tự do nào ? Chỉ có hai hạng. Thứ nhất là bọn kẻ thù của Cách mạng, hạng đó dĩ nhiên là không xứng đáng được hưởng tự do. Thứ nhì là những kẻ thành thực tán thành Cách mạng, muốn phê bình với dụng ý xây dựng. Hạng này thì thực sự chẳng bao giờ mâu thuẫn với Đảng, nên cũng chẳng cần gì đến cái quyền tự do công kích. — Mẹ kiếp ! Vậy thì ở xứ dân chủ nhân dân, cái món tự do nó vẫn có thừa ra đấy ; chẳng qua là không có hạng người đáng mặt sử dụng, cần sử dụng đến nó đấy thôi.

Lại chẳng hạn về vấn đề thái độ đối với mác-xít chủ-nghĩa. Có thể phê bình chủ nghĩa mác-xít chẳng ? Dĩ nhiên, rất có thể. Bởi vì « chủ nghĩa mác-xít không sợ phê bình ». Nếu phê bình mà có thể vạch nổi những khuyết điểm của mác-xít thì mác-xít không phải là một học thuyết có giá trị. Trái lại, chủ nghĩa mác-xít là một học thuyết giá trị, chẳng có phê bình nào làm gì xuê nó. Như vậy rõ ràng đối với nó mà hoài nghi, ngờ vực, phê bình, đều là thái độ vô ích cả.

Lại nữa, chẳng hạn về câu chuyện « trăm hoa đua nở ». Dĩ nhiên trăm hoa có thể và rất nên đua nở trên đất nước xã-hội chủ-nghĩa. Tuy nhiên đề cho cỏ độc

mọc bên cạnh hoa thơm, lẫn lộn với hoa thơm, ấy là điều không tốt. Vậy người chăm sóc có tinh thần trách nhiệm phải chăm chỉ nhổ cỏ dại, cỏ độc.

J. F. Revel cũng góp nhật được một bài do Mao Trạch Đông viết năm 1930, lên án thái độ « tôn thờ sách vở », trong đó họ Mao chê trí thức thua cục phân. Tội nghiệp cho họ Mao, ngày nay bọn Vệ binh Hồng thấy ông già cả, chúng nó chơi xỏ ông, chúng nó bèn tôn thờ cuốn sách hồng của ông, xem như Kinh Thánh.

J. F. Revel xem đi xem lại cuốn sách tôn thờ ấy, tìm xem tư tưởng Mao Trạch Đông ở đâu thì chẳng thấy nó ở chỗ nào cả. Không hề có tư tưởng Mao-Trạch Đông (il n'y a pas de maoïsme) chỉ rặt tư tưởng mác-xít lê-ni-nít xít-ta-li-ni-ên, thứ chính cống, không thêm thắt một đong góp, một phát minh nào mới cả.

Rốt cuộc, nhà phê bình đặt cho họ Mao một biệt hiệu : Hồng văn sĩ tí hon (hay nhóc con ?) (Le petit écrivain rouge).

Dos Passos được thưởng Giải thưởng quốc tế Feltrinelli (cấp phát cho những nhân vật xuất sắc trong các ngành văn chương và khoa học) năm 1967 đã được quyết định trao cho Dos Passos. Món tiền thưởng là hai mươi triệu đồng liras

Nhân vật xuất sắc lần này thêm được nhiều an ủi cả tinh thần lẫn vật chất cho tuổi già.

Vóc dáng độc giả

Năm 1960, tổ chức I.F.O.P. mở cuộc thăm dò, cho biết rằng 100 người Pháp có 58 vị chẳng thèm mua mà cũng chẳng thèm đọc cuốn sách nào. Năm 1967, Nghiệp đoàn các nhà xuất bản ở Pháp lại yêu cầu I.F.O.P điều tra cho một lần nữa xem có khá hơn chẳng. I.F.O.P trả

lời : có khá hơn, hạng thợ sách trượt xuống còn 57 vị.

Hỏi kỹ hơn để bề nhận diện vóc dáng các độc giả thân yêu, thì được biết như sau:

— Hạng già ít đọc hơn thanh niên. Từ 50 tuổi trở lên, thôi thì tẻ hết sức.

— Trong tuổi thanh niên thì sinh viên và hạng kiếm được nhiều tiền là mua nhiều sách nhất.

— Thứ sách chạy nhất là tiểu thuyết ; số với tất cả các loại sách bán được, tiểu thuyết chiếm 360/0. Thứ nhì là sách đề học hỏi : 140/0.

— Công tư chức đô-thị cỡ 40 tuổi thì đọc nhiều mà mua ít. Lý do đọc sách cao không hiểu, họ giải trí bằng sách làm nhảm, mượn về đọc xem rồi trả ; loại sách đó không đáng bỏ tiền ra mua, không ai thèm giữ vào tủ sách .

— Các bà cỡ 35 tuổi, trái lại, mua sách nhiều hơn đọc. (Nào ai biết các bà 35 ấy mua sách để làm gì !)

Trong khi các nhà xuất bản Việt Nam không nhờ cậy được một tổ chức I.F.O.P. hãy tạm rút tĩa chút ít ích lợi từ những kết quả nhận xét được ở Pháp vậy.

Saigon văn-nghệ dưới mắt một người Pháp.

Jean Taillefer, trên số *Le monde* đầu tháng 9-67 này nhận xét rằng ở Sài Gòn gần đây phong trào đọc truyện ba xu cho thuê rất thịnh hành. Ông ta cho đó là một hiện tượng có ý nghĩa, bởi vì nó chỉ mới phát triển đột ngột và mạnh mẽ gần đây thôi. Đồng thời, sự say mê đối với loại truyện kiếm hiệp còn biểu lộ ở lối đọc báo của dân Saigon nữa. Nhiều tờ nhật báo tại đây chỉ sống nhờ mở truyện kiếm hiệp đăng ở trang hai trang ba. Ngoài ra, dân Saigon còn mê cái

lượng hơn bao giờ hết. Theo J. Taillefer, về giá trị, thì cái lương bây giờ tẻ hơn trước, thế, mà số người hưởng ứng lại đông thêm. Chẳng những sân khấu được nhờ, mà cho đến vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình cũng trông cậy vào cái lương để thu hút khách hàng. Còn xi-nê ở đây cũng đông nghẹt nữa, tuy chỉ là phim Nhật, phim Tàu loàng xoàng.

Sự hâm mộ văn nghệ, hâm mộ một cách khác thường của quần chúng Sài Gòn như thế có ý nghĩa gì ? J. Taillefer giải thích : cùng một ý nghĩa với hiện tượng dân Sài Gòn ham đánh bạc lúc này. Ông ta cho rằng tuồng cái lương, truyện kiếm hiệp v.v., những món ấy có sứ mệnh thay thế cho sông bạc Đại-thế-giới đã đóng cửa năm nào. Xem truyện, cái lương hay đánh bạc đều có một mục đích : là sống trong mộng ảo để quên cái thực tại chiến tranh.

Sách của con

Một quái tượng đang xảy ra ở Mỹ trong giới văn nghệ, xung quanh tập sách mỏng của Svetlana, con gái Staline.

Tập sách kỳ thực đến ngày 2-10-1967 mới chính thức ra đời cùng một lượt ở New-York (nhà xuất bản Harper and Row) và ở Luân-đôn (nhà xuất bản Hutchinson). Nhưng từ lâu hàng trăm tờ báo trên thế-giới đã tranh nhau mua bản quyền để trích đăng từng phần tác phẩm ấy. Tác phẩm gồm *Hai mươi bức thư gửi một người bạn*.

Sách chưa in tác giả đã giàu, mà không phải giàu sơ sơ đâu nhé : ba triệu mỹ kim đấy.

Căn cứ ở con số thu về tác quyền như thế đủ đoán biết sự chú ý xôn xao tới bậc nào của dư luận Âu Mỹ đối với con

gái nhà độc tài Nga Xô. Chính quyền Mạc tư Khoa đã nghi tới chuyện đó. Bởi vậy họ cố gắng cho in ở Luân đôn và ở Tây Đức một bản *Hai mươi bức thư ..* khác, với nhiều chỗ sửa đổi để bôi lọ tác giả.

Sve lana đã giải thích chuyện đó. Nguyên bà đã viết tác phẩm ở Mạc-tư-Khoa cách đây bốn năm và đánh máy làm ba bản, một bản gửi bạn bè ở Mạc-tư-Khoa, một bản nữa gửi ở Leningrad, bản thứ ba lên trao về quê chồng ở Ấn độ. Còn lại bản thảo chính thì hồi 1966, khi Daniel và Siniavski bị xử tù, tác giả vội hủy đi. Đến lúc Svetina xuất ngoại, bà đã tìm lại bản đánh máy gửi sang Ấn độ, và đó chính là bản bà cho phép xuất bản hiện nay. Hai bản gửi lại ở Nga xô chắc chắn đã bị nhà cầm quyền tịch thu được, sửa chữa, và đang cố gắng phổ biến ra Âu-châu.

Về nội dung tác phẩm, Philippe Ben cho rằng những ai tò mò muốn tìm ở đây những tiết lộ chính trị sẽ thất vọng. Không có chuyện chính trị nào quan trọng đâu. Điểm đáng chú ý nhất là cuốn sách cho ta thấy «tính cách phi nhân bản sâu xa của một chế độ mà mấy mươi năm nay bộ máy tuyên truyền đã cố gắng trình bày như là một hệ-thống chính trị và xã hội có tính cách nhân bản nhất trong lịch sử.»

Tiểu sử của cha

Sách nói về cuộc đời Staline trước đây, hồi sinh thời của ông ta, thực là quá nhiều. Bao nhiêu nhà trí thức cấp tiến đã tìm thấy những điều hay ở Stalinec ần phát huy để làm gương cho thiên hạ.

Nhưng trong vòng mười lăm năm nay, nhất là từ sau Đại hội thứ XX của Cộng đảng Nga, thì thứ sách ấy rất hiếm. Những vị trí-thức tả phái vừa kẻ tuồng

như bẽn lẽn, không muốn nhắc tới chuyện cũ.

Tới khi Svetlana khuấy động dư luận Âu Mỹ, tình cờ một cuốn tiểu sử của Staline khá công phu lại được in ra ở Pháp do Jean Jacques Marie viết.

J J. Marie nhận rằng Staline là người bạn đường lu mờ nhất của Lénine. Vấn đề cần tìm hiểu là tại sao kẻ lu mờ ấy lại đoạt được quyền thống trị Nga xô? Theo tác giả thì nguyên do là vì bảy năm sau Cách mạng các anh hùng đều thối mệ, họ ngao ngán sợ hãi trước chương trình to lớn của Trotsky, khi nghe Staline bảo không cần vội làm cách mạng khắp thế giới, chỉ một xứ cũng đủ, thì ai nấy yên lặng, nghe theo. Mặt khác, trong khi các lý thuyết gia lỗi lạc như Kamenev, Zinoviev, Trotsky v.v...cãi nhau gay gắt, hùng hổ, thì Staline kêu khe khẽ: Xin các đồng chí bớt lời, nhường nhau đi, hãy tiết kiệm xương máu, đừng xung đột nhau, đừng giết chóc nhau... Nghe thế ai nấy vừa ý, bèn chọn con người hiền lành nhất.

Thế rồi, con người tầm ngầm tầm ngầm ấy bèn tỏ ra hiền lành như thế giới đã rõ.

Tiểu-sử của mình

Một tập hồi ký đang được nóng lòng mong đợi ở nhiều nước. Có sẽ mang tên là *Phản Hồi Ký* (*Anti-Mémoires*). Tác giả là André Malraux «Cuốn sách ấy, tôi gọi nó là *Phản Hồi ký* bởi vì nó giải đáp những vấn đề mà các cuốn hồi ký không đặt ra được và không v.v... Dù giải thích thế nào, nhan đề ấy vẫn cứ khó hiểu. Tốt nhất là chờ có cuốn sách để đọc.

Trước khi đưa in, bản thảo có được De Gaulle, G. Pompidou xem qua. Khen nức nở.

Hình như các nhà xuất bản Mỹ định trả 250 nghìn Mỹ kim cho bản dịch Anh-ngữ.

Tôi lo lắng

Tôi là Jean Rostand. Cuốn sách của nhà bác học này cũng đang được mong chờ. Sách nhan đề là *Những nỗi lo lắng của một nhà sinh vật học*.

Theo J Rostand, sinh vật học ngày nay đã thay đổi quan niệm của con người đối với chính mình; các vấn đề cá tính, dục tình sống, chết v.v... đều hiểu khác hẳn xưa kia. Xưa quan niệm có một cuộc sống tự nhiên, nay thấy rõ có vô vàn cuộc sống khả dĩ thực hiện. Cũng như hình học

Euclide bây giờ chỉ là một trong số các thứ hình học khác nhau.

J. Rostand cho rằng sinh vật học sắp sửa cho phép con người tự cải biến mình, sửa chữa lấy mình. Rồi đây sẽ phát sinh thứ kỹ nghệ về người (*industrie anthropotechnique*). Con người kẻ chế tạo mà con người cũng là vật được chế tạo. Một đứa bé sinh ra, đó chỉ là một nguyên liệu người ta sẽ cải biến nó như đối với cao su, sắt, thép. Cho được tốt hơn!

Nếu quả vậy thì không phải chỉ có Jean Rostand lo lắng.

TRÀNG THIÊN
9-1967

ĐÍNH CHÁNH

Trên BK. TĐ. số 257 ra ngày 15-9-67, trong mục Sinh-hoạt, khi tường thuật về khóa hội thảo «Chánh sách và đường lối giáo dục nông nghiệp V.N.» người viết có ghi là khóa hội thảo này đặt «dưới sự bảo trợ của Hội chuyên viên và Kỹ thuật gia» (rang 28, cột 1, hàng 7) Nay xin đính-ch:nh: khóa hội thảo «do Hội Chuyên-viên và Kỹ sư Nông nghiệp tổ chức».

Trân trọng xin cáo lỗi cùng bạn đọc và quý vị trong Hội Chuyên viên và Kỹ sư Nông nghiệp.»

TIỆM BÁN SÁCH NHẠC VÀ NHẠC CỤ :

M ã T Í N

Đã dời về :

93 Hai Bà Trưng, 93 SÀI GÒN

Nhà xuất bản THÁI ĐỘ đã phát hành toàn quốc :

NGHĨ TRONG MỘT XÃ HỘI TAN RÃ

tiểu-luận THẾ-UYÊN

Thân-hữu Thái-độ hãy tìm đọc trước khi giấy phép xuất-bản bị
thâu hồi.

GIÁ 65đ.

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang
của **TRANG NHÀ**

32, Duy Tân — DALAT

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Xuống cõi ; Bài Thụy ca một ; Bài Thụy ca hai ; Bài Thụy ca ba ; Bài hát đưa thuyền (Vũ Thúy Thụy Ca) — Ngày mai (Hoàng-Lạc-Chương) — 5 bài lục bát (Nguyễn-Du văn-đàn) — Hoài ; Tiếng đàn trong đêm ; Cảm ; Người bên sông ; Kỷ-niệm (Tâm-Thi) — Xin không lẽ huyền thoại — (Ngô Trọng Hoàng) — Trở về (Trưởng năng Tiến) — Viên đạn (Nguyễn Chí Nham) — Dân chủ hóa học đường (Hoàng Ngọc) — Dịch thơ Yevtushenko (Nguyễn Kim Phụng) — Khi xa Thủ Đức ; Viết trước khi lên đường (Trần Hoài Thư). Thương : Tiến : Cái lỗ (Hoàng-Lạc-Chương) — Con nước nhỏ (Võ Lượng) — Hàn Cầm ; Xa vắng (N. T. B.) — Dấu chân vụn ; Tự thuật ; Triền lãm ; dấu tích ; Tình biển ; Trận chiến (Trần Đình Nghĩa) — Sự có mặt của con ; Một đoạn cho người tình (Phạm Trường Nhi) — Thời buổi ; Tự thú (Cung-Nhuệ-Giang) — Ông năm Bụng (Từ Qui) — Sau mùa hạ (HT 258) — Thoáng gặp ; cỏ thu vàng (Hoàng-Hạ Lan) — Tỉnh lạc ; Đêm thu ; Trăng, mây thu ; Mộng sông trăng (Phùng Hĩa) — Tiếng nấc tình thương ; (Nhất Tâm Phương).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

Tâm sự (Biên-Hòa). Những số báo ông cần (từ 217 đến 222) đều có ở Tòa soạn. Xin ông cứ lại 160 Phan-đình-Phùng để mua những số đó.

Ông Phạm Liễu (Huế). Thành thực xin lỗi anh về việc quên gửi báo. Sẽ đăng « Nghe lời mẹ kể » nhưng lúc này kẹt bài quá mong anh thông cảm cho.

Ông Đynch hoàng Sa (Quảng Ngãi). Xin anh cứ gửi cho xem bản kịch vở kịch của I. Shaw. Những truyện dịch đã nhận được sẽ đăng dần. Rất cảm ơn anh.

Ông Trần huiền Ân (Tuy Hòa). Không muốn nhắc lại về Phú-Yên nữa. Sẽ gửi thư riêng tới anh sau.

Ô Mai vinh Lâm Tuấn Văn : (Saigon) đã nhận được thư cùng hai bài và rất cảm ơn ông. Xin ông cứ gửi loạt bài ông ghi trong thư về cho tòa soạn xem rồi sẽ xin hội ý với ông sau. Những số 255, 241-42 đều có bán ở Tòa báo 160 Phan đình Phùng Saigon.

Ô Hoàng Ngọc Tuấn (Saigon). Rất cảm ơn về sự góp ý trong thư. Truyện dài « Má Hồng » sắp chấm dứt rồi.

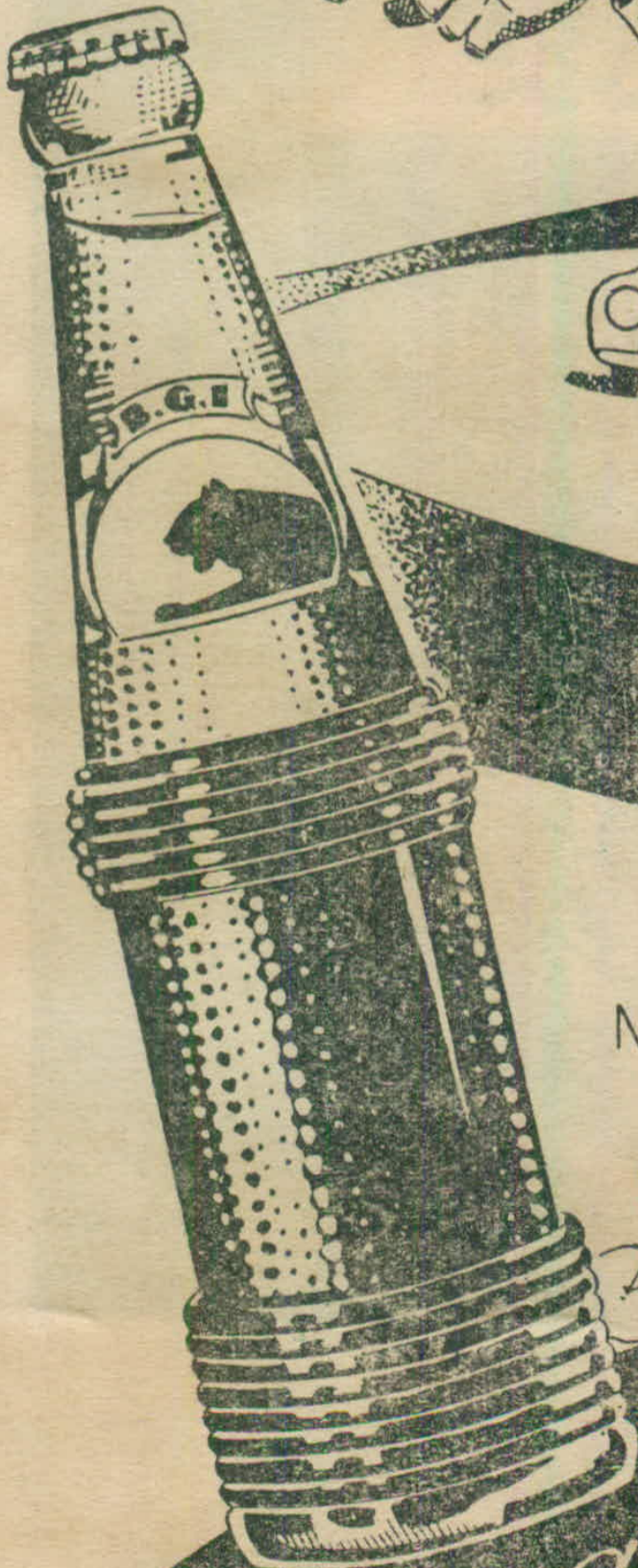
Ô. Trần-hoài-Thư (KBC 4061). Đã nhận được thư, « Vững buồn rầu » và mấy bài thơ. Thơ và truyện sẽ đăng lần lần. Sẽ gửi báo theo địa-chỉ mới và gửi thư riêng về việc nói trong thư. Có viết gì thêm sau này xin cứ gửi về tòa soạn. Chúc anh vui mạnh.

Ô. Lâm-Chương, Chuẩn úy Biệt động quân. Chuẩn úy Trần-quí-Sách ở đại đội 405 thám kích KBC 4061 rất mong tin.

Trong Gia-dình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIÊN"!

D. T. Au



FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



Park Lane

FILTER

CIGARETTES



PURE VIRGINIA